

BÁCH KHOA

SỐ 93 — NGÀY 15 - 11 - 1960

KHẢO-LUẬN

HUỖNH-VĂN-LANG	Phát-triển cộng-đồng.
HOÀNG-MINH-TUYNH	Đồng mỹ - kim có thể giảm giá ?
BỬU-KẾ	Thăm cảnh ngoài bề khơi.
PHẠM-HOÀNG	Tề thiên-hạ.
ĐOÀN-THÊM	Sống mạnh hay không sống mạnh ?
NGUYỄN-CHÂU (dịch Toshitomi Nakajima)	Nữ-sĩ Nhật.
TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ	Đôi nhận xét về âm-điệu Vọng-cô.
CÔ-LIÊU (dịch)	Thuyết Darwin còn đúng không ?

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

HÀ-HỢP-NGUYỄN	Dáng lịch-liều.
ĐÔNG-HỒ	Mạn-đàm về Văn-Hóa (II).
MINH-ĐỨC	Lá thư hải-ngoại.
NGUYỄN-NHƯỘC-PHÁP	Cán gác nhỏ.
NGUYỄN-VĂN-XUÂN	Dịch cát.
ĐOÀN-THÊM	Dư hương.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ (dịch Somerset Maugham)	Mưa (II).

RƯỢU :— Rượu Âu mạnh « **EAU DE VIE CŨ** » 40° và 50°

— Rượu Tàu « **LÀO-MẠNH-TỬU** »

— Rượu Tàu « **ÍCH-THỌ-TỬU** »

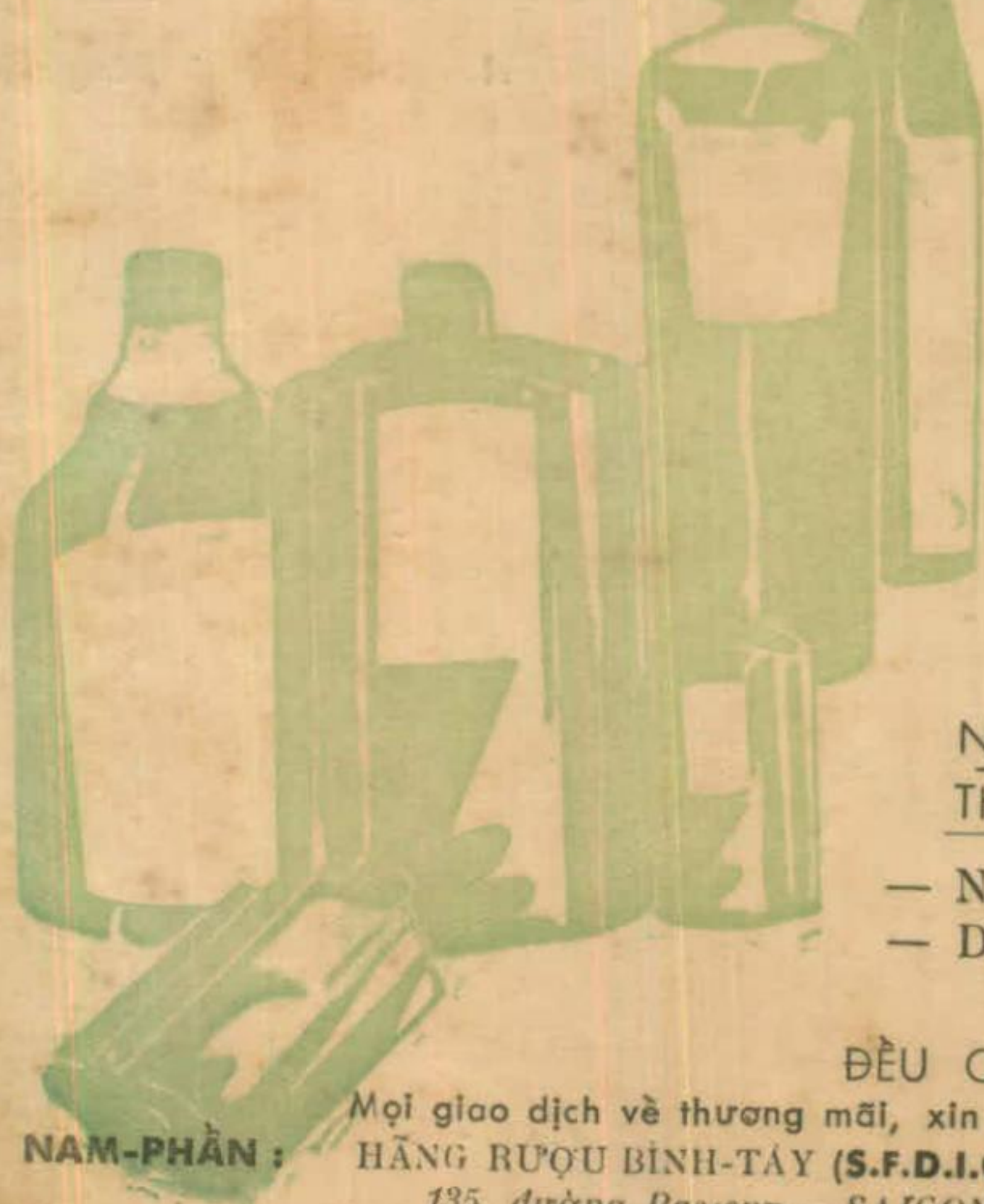
SI-RÔ « **VERIGOUD** » :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm « **DISTAROME** »

DISTILLERIES **DE L'INDOCHINE**



NƯỚC HOA và DAU
THƠM « D.I.C. »

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHAP NƠI

ở **NAM-PHẦN** :

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)

135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN** :

CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ

(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch Đằng — ĐÀ-NẴNG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

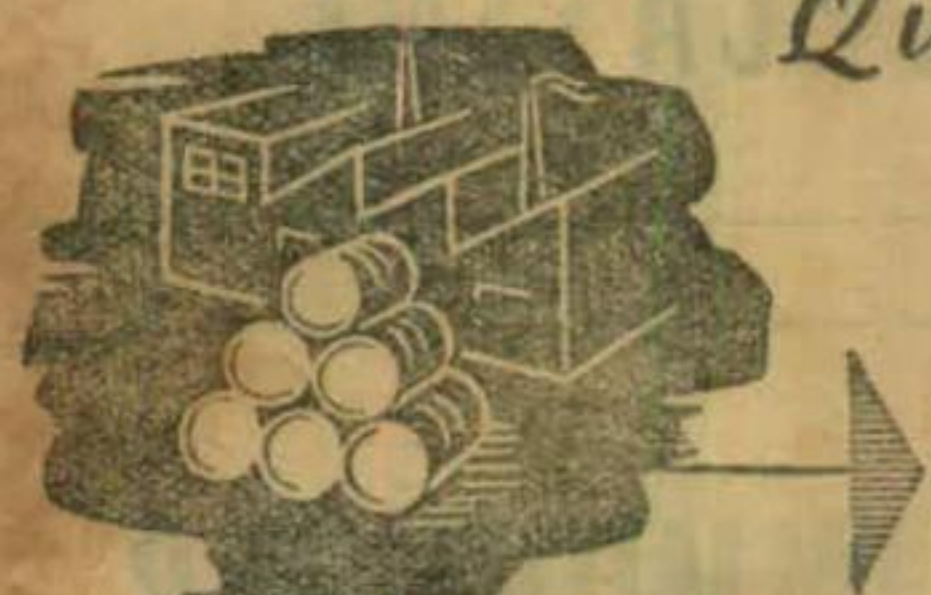
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG



Để dùng vào
KỸ - NGHỆ
NÔNG - NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG TY SHELL VIỆT NAM

*xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá phẩm
do dầu hỏa chế ra.*



Chất để pha trộn,
Acétone, glycéline, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

VINACO

35, đường Phú-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN:

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MAY CHỮ, MÁY TOAN
MAY VIÊN ẮN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á - NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VON 560.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân Hàng thừa nhận do Viện Hối Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng



VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn - Huệ — SAIGON

Điện-thoại số : 21.624 — 25 — 26

ĐƯỜNG NGOẠI-QUỐC

S
A
G
O
N

VIENTIANE và SENO — Mỗi thứ Tư và thứ Bảy bằng DC. 4

PHNOMPENH — Mỗi thứ Ba, thứ Năm thứ Sáu và thứ Bảy

SIEMREAP — Mỗi thứ Ba và thứ Bảy

BANGKOK — Mỗi thứ Ba và thứ Sáu

HONGKONG

PARIS

— Mỗi thứ Hai

— Mỗi thứ Năm

Bằng

DC. 3

và

DC. 4

Bằng Super

Constellation

TỔNG ĐẠI-LÝ :

B. O. A. C.

AIR INDIA INTERNATIONAL

JAPAN AIRLINES

K. L. M.

AIR FRANCE (trừ SAIGON)

ROYAL AIR CAMBODGE

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

SẢN PHẨM CỦA HÀNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON, KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- Pan American Airways
- Cathay Pacific Airways Ltd
- Thai Airways Company
- American Express
- United States Line



PHÒNG

UỐN

TÓC



SỬA

SẮC

ĐẸP



BẢO AN

213^D Tự Do
SAIGON

KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI

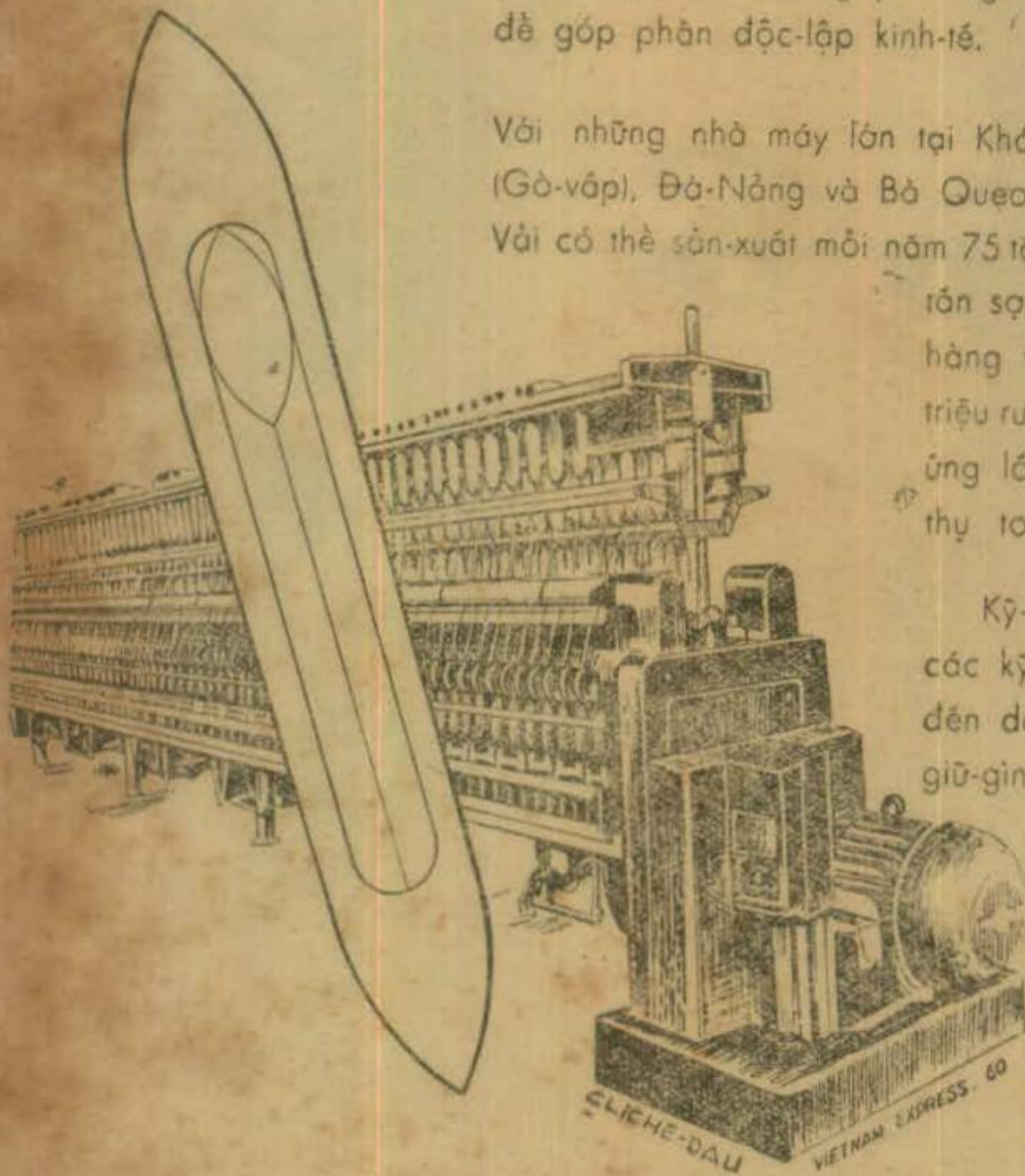
Kỹ - Nghệ Bông Vải và Tơ Sợi là một ngành hoạt - động tối quan - trọng cho nước nhà.

Dưới quyền điều-khiển của các kỹ-sư và kỹ-thuật-gia Việt-Nam, các Công-ty Bông Vải nỗ-lực kiến-thiết để góp phần độc-lập kinh-tế.

Vải những nhà máy lớn tại Khánh - Hội, An - Nhơn (Gò-váp), Đà-Nẵng và Bà Quẹo, các Công-ty Bông Vải có thể sản-xuất mỗi năm 75 tấn chỉ may, 23 ngàn

tấn sợi, 17 triệu rưỡi thước hàng vải và nhuộm lối 4 triệu rưỡi thước, đủ để cung- ứng lối 40%, tổng số tiêu- thụ toàn-quốc.

Kỹ-nghệ này cũng như các kỹ-nghệ khác đều cần đến dầu để chạy máy và giữ-gìn dụng-cụ.



HANG DẦU STANVAC

góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS — MOBIL OIL — MOBIL DIESEL, v.v.,

BÁCH-KHOA

Số 93 — Ngày 15.11.1960

HUỖNH-VĂN-LANG

HOÀNG-MINH-TUỖNH

BỬU-KẾ

PHẠM-HOÀNG

ĐOÀN-THÊM

NGUYỄN-CHÂU

(dịch Toshibumi Nakajima)

TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ

BỬU-KẾ

CÔ-LIÊU (dịch)

HÀ-HỢP-NGUYỄN

ĐÔNG-HỒ

MINH-ĐỨC

NGUYỄN-NHƯỘC-PHÁP

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

ĐOÀN-THÊM

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(dịch Somerset Maugham)

Trang

Phát-triển cộng-đồng. 3

Đồng mỹ - kim có thể bị giảm giá
không ? 10

Thăm cảnh ngoài bể khơi. 17

Tề thiên-hạ. 24

Sống mạnh hay không sống mạnh ? 25

Nữ-sĩ Nhật 33

Đôi nhận xét về âm-diệu Vọng-cổ . 42

Thư cây dăng (gửi ông Nguyễn-
Quang) 50

Thuyết Darwin còn đúng không ? . 53

Dáng tịch-liêu (thơ) 58

Mạn đàm về Văn-hóa. 59

Lá thư hải-ngoại 65

Căn gác nhỏ (thơ) 68

Dịch cát. 69

Dư hương (thơ) 75

Mira (II) 76

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Hiệp-Chúng-quốc trước ngã ba đường.*
- BỬU-KẾ : *Nhân bài đến Chiêu-Ứng, nói đến công cuộc phòng thủ miền duyên-hải.*
- NGUYỄN-PHÚC-SA : *Viện-trợ cho các nước kém mở mang.*
- NGUYỄN-VĂN-THƯ : *Vài nét đại quan về luật tương-đối và các lý-thuyết phụ thuộc.*
- NGUYỄN-VĂN-HẦU : *Nguyễn-Hữu-Cảnh.*
- NGUYỄN BẠT-TỤY : *Đường lối đặt tên cá ghép.*
- NGUYỄN-TRẦN-HUÂN : *Nhân-loại-học — Nhân-chủng học.*
- VÕ-QUANG-YẾN : *Vấn-đề thâu hồi vệ-tĩnh.*
- TRẦN-VĂN-KHÊ : *Lối « Ca Huế » và lối « Nhạc tài-tử ».*
- VŨ-HẠNH : *Vàng Hời (truyện ngắn).*
- XUÂN-TÙNG : *Trận banh đầu (truyện ngắn).*
- NGUYỄN-CHÂU : *Hung thần La-Mã (truyện dịch).*
- NGUYỄN-VĂN-XUẤN : *Khóc đầu tri kỷ.*
- VÂN-TRANG : *Một lối trả thù (truyện ngắn).*

Vì cuộc biến-cố xảy ra tại Thủ-Đô, nên BÁCH-KHOA số 93 (15-11-60) phải ra trễ. Xin trân-trọng cáo lỗi cùng bạn đọc.

(Trích bản thuyết-trình của Ô. Huỳnh-Văn-Lang đọc tại nhà Công-quần chuyên-chở công-cộng tại Đô thành Sài Gòn ngày 10-4-1960).

PHÁT-TRIỂN CỘNG-ĐỒNG

HUỲNH - VĂN - LANG

Ở những tài liệu của Liên-Hiệp-Quốc về vấn-đề này thì ta sẽ gặp định-nghĩa sau đây : « Phát-triển cộng-đồng là một quá-trình hoạt-động hay một phương-pháp hoạt-động hợp-nhất những cố gắng của người dân với những cố-gắng của Chánh-phủ :

a) để cải-thiện các điều-kiện kinh-tế xã-hội văn-hoá của cộng-đồng,

b) để gia-nhập các cộng-đồng vào cuộc sinh-hoạt chung của toàn dân,

c) để giúp các cộng-đồng ấy cộng-tác vào cuộc tiến-hóa chung của quốc-gia một cách đắc lực ».

Cũng theo các tài-liệu trên thì hai yếu-tố chánh của công cuộc phát-triển cộng-đồng là :

1 — Sự cộng-tác trực tiếp của người dân vào những cố gắng cải thiện đời sống của họ, và sự cộng tác này cùng sự đóng góp sáng-kiến cá nhân đều có tính-chất tự nguyện.

2 — Chánh-phủ phải cung-cấp những dịch-vụ, những kỹ-thuật nào để cho sáng-kiến của người dân, tinh-thần tự-lực cánh-sinh của người dân được hóa ra hiệu-nghiệm ».

Công cuộc phát-triển cộng-đồng là một biện-pháp có thể nói là hữu-hiệu nhất để giúp các nước hậu-tiến mau phát-triển. Các nước hậu tiến hay kém mở mang đều có những nhược-điểm cố-hữu và đặc-biệt mà những nhược điểm ấy lại lẫn lộn lẫn ảnh-hưởng nhau, làm cho các nước kém mở mang khó mà mở mang được. Ở đây chúng tôi chỉ xin lưu ý các bạn đến những nhược điểm chánh :

— Dân-số các nước kém mở mang hiện đã nhiều mà hằng năm lại gia-tăng rất nhanh : lối 1/4 dân số thế - giới thuộc về các nước gọi được tiền tiến nghĩa là đã phát - triển, còn 3/4 dân số còn ở trong tình-trạng hậu-tiến, kém mở mang. Trung-bình, ở các nước sau này dân-số gia-tăng gần 2% hằng năm, nghĩa là dân số các nước sau này gia - tăng

gấp đôi mỗi 25 năm, đến đôi nhiều nước, nhiều xứ, nhiều miền đã đến giai-đoạn nhân-mãn một cách hết sức trầm - trọng. Người ta thường nói dân-số các nước sau này gia-tăng theo một cấp số nhân (progression géométrique), nghĩa là từ 1 lên 2, lên 4, lên 8, lên 16 vân vân. Đang khi đó thì các yếu-tố sản-xuất khác như tài - nguyên thiên - nhiên, đất đai . . . tư-bản, vốn-liếng chỉ gia-tăng nhiều lắm là theo cấp số cộng (progression arithmétique), nghĩa là từ 1 lên 2, lên 3, 4, 5, 6 . . . Nếu kỹ - thuật khoa - học tiến được nhanh thì không đáng ngại, nhưng trái lại kỹ-thuật khoa-học ở các nước hậu tiến lại hết sức chậm tiến hay có khi không tiến chút nào cả, ví dụ: con trâu cái cày ở Việt - Nam, con lừa ở miền Nam nước Ý, cái nọc của đồng bào Thượng, cái đòn gánh của người Trung-Hoa, cái hũ của người A-Rập, cái giáo của người Phi v.v . . .

— Sách kinh-tế học thường dạy rằng có 4 yếu-tố sản-xuất là cần-lao, tạo-vật với các tài - nguyên thiên - nhiên, tư - bản vốn liếng dụng - cụ và kỹ - thuật. Nhưng ở các nước hậu tiến, thì chỉ có riêng cần lao là nhiều đến đôi dư-thừa, thất-nghiệp, khiếm dụng một cách tràn trề, mà càng ngày cần lao lại càng gia-tăng rất nhanh. Trọng-lượng cần-lao đã quá nhiều, mà phẩm chất lại kém thấp vì tay chân yếu đuối, bệnh-hoạn, kém-ăn, trí óc kém học-thức, cho nên trình độ kỹ thuật đã thấp kém mà các yếu tố sản-xuất khác không gia-tăng theo kịp cần lao thì làm sao năng-suất của cần lao không giảm dần.

Không nói đến kỹ-thuật và khoa-học, chỉ lấy cái quan-hệ giữa cần-lao và thiên-nhiên, giữa cần-lao và tư-bản, ta sẽ thấy ngay tại sao mà năng-suất của người dân hậu-tiến lại thấp kém. Đồng người nông-dân

Mỹ khai thác 200 mẫu Tây ruộng và họ có đất mà khai khác, trong khi người nông dân Việt-Nam chỉ có lối 3 mẫu. Người thợ Mỹ đồ đồng có gần 10.000 Mỹ-kim dụng cụ máy móc, trong khi người thợ Việt-Nam chỉ có lối 500, 600 Mỹ-kim. Đó là chưa kể đến phẩm chất ruộng đất máy móc của hai đảng và chưa so sánh tư-bản xã-hội như đường-xá, nhà thương, trường học, nhà cửa, xe cộ, tàu bè... của hai nước. Sự cách biệt giữa quan-hệ cần lao / thiên nhiên, cần lao / tư bản của hai nước, chứng-minh tại sao mà người dân hậu tiến Việt-Nam hằng năm đồ đồng chỉ có lối 50 Mỹ-kim lợi tức trong khi người dân tiền tiến Mỹ có đến trên 2.200 Mỹ-kim.

Sự so sánh người dân Việt-Nam với người dân Mỹ không thể đơn-giản như trên đây được, nhưng đó chỉ là một ví dụ để ta thấy rõ cái vòng luẩn quẩn bản cùng của người dân kém mở mang mà các nhà kinh tế học thường hay nói đến :

1 — Người dân các nước kém mở mang đông đúc quá, nên họ hoá ra nghèo nàn, vì họ nghèo nàn, nên họ ăn uống kém bổ dưỡng, trở nên yếu đuối, bệnh-hoạn và tự nhiên là học - thức cũng kém, vì họ kém, sút về sức mạnh cũng như về kiến thức, nên năng-suất của họ cũng thấp kém, mà vì năng xuất họ thấp kém, nên họ lại nghèo nàn. Hơn nữa, nhiều khi vì họ nghèo nàn mà họ lại đông đúc quá nhanh... Thật là lẩn quẩn !

2. — Trọng-lượng và phẩm - chất các tài-nguyên thiên-nhiên bị trình - độ học-thức và kỹ - thuật thấp kém giới - hạn đi rất nhiều hay có khi vì trình - độ học-thức và kỹ - thuật thấp kém mà không có tài - nguyên thiên-nhiên nhiều. Xin kể ra

một ít thí-dụ để chứng minh điều trên đây : Than đá, mỏ sắt vẫn có từ mấy nghìn năm ở dưới lòng đất nước Anh, nước Đức, nhưng phải đợi cho đến thế kỷ thứ 17, 18, khi hai nước tiến đến trình-độ kỹ - thuật hồi đó, hai nước mới khai thác được những tài-nguyên thiên - nhiên ấy. Chát Uranium ở Congo phải đợi đến thế-kỷ thứ 20 mới thành một tài-nguyên thiên - nhiên cho thế-giới. Ở trên miền Thượng-du vẫn có bao nhiêu là tài-nguyên thiên-nhiên cho người Kinh, mà không phải là tài - nguyên cho người Thượng như : suối Ankroet, gỗ... đôi khi đến cả thú rừng. Trình độ cây ná, cây lao của đồng bào Thượng đã giới - hạn tài - nguyên săn bắn của họ biết bao nhiêu nếu ta đem so sánh với những cây súng tối tân của các nhà săn bắn Việt-Nam hiện có. Hay nói một cách khác, trình độ kỹ - thuật của cây súng đã mở mang thêm tài-nguyên săn bắn của người thợ săn Việt-Nam. Hay nếu ta so sánh cái nọc, cái móc của người Thượng với cái máy cày của đồng-bào di-cư, thì ta sẽ thấy cái máy cày mở rộng được các tài-nguyên thiên nhiên — trong trường hợp này là đất đai để trồng lúa — trong khi cái nọc, cái móc của người Thượng giới hạn triệt để đất đai trồng lúa của họ. Cho nên, nếu người dân hậu - tiến vì nghèo nàn mà phải chịu ở một trình-độ kiến-thức và kỹ-thuật thấp kém, thì các tài-nguyên thiên-nhiên là một yếu-tố sản xuất rất quan-trọng lại bị hạn chế, trong khi dân-số gia tăng. Chung quy họ lại càng thêm nghèo nàn.

3.— Cái vòng lẩn quẩn thứ ba cũng không kém phần quan-trọng là vì họ nghèo nên họ không tiết-kiệm đầu tư, tích trữ vốn liếng, xây dựng tư-bản được, mà vì họ không gia-tăng vốn liếng được, nên họ lại

nghèo nàn. Dụng-cụ hay tư-bản là một yếu tố sản xuất và nhứt là để gia - tăng năng-xuất hết sức quan - trọng. Nhưng nếu thiếu dụng-cụ, thiếu tư-bản thì tất nhiên là năng - suất phải kém đi. Và nếu năng-suất kém, chỉ sản - xuất đủ để ăn, không dư thừa để đầu tư được, thì lại hóa ra nghèo nàn. Một ví dụ cụ thể, giữa người nghèo tay làm đủ hàm ăn và người giàu dư tiền dư bạc để đầu tư đây đó. Nếu càng sống một đàng càng ngày càng nghèo, nhất là khi càng sinh con cái đông đúc, một đàng đã giàu lại cứ càng giàu thêm mãi. Nếu ta so sánh các nước hậu-tiến và các nước tiền tiến thì ta thấy hàng năm các nước hậu-tiến — trừ các nước Cộng-sản ra — chỉ gia-tăng vốn liếng tư-bản xã-hội của họ 5, 7% lợi tức quốc-gia, trong khi đó thì các nước tiền tiến gia-tăng vốn liếng của họ bằng 10, 15% lợi tức quốc-gia hay hơn nữa. Cho nên đã nghèo nàn, họ càng nghèo nàn hơn, vì thiếu tiết-kiệm, thiếu vốn liếng, thiếu tư-bản, thiếu dụng-cụ để gia-tăng năng-suất. Ai không biết sông Cửu-Long là một tài-nguyên thiên-nhiên, hết sức hùng hậu, nhưng Việt-Nam đâu có đủ tư-bản để khai thác, để được hưởng. Ai không biết hệ-thống Danhim là một tài-nguyên thiên-nhiên, thế mà phải bao lâu mới khởi sự khai-thác được, và phải nhờ bồi thường chiến-tranh, viện-trợ, chớ riêng tiết-kiệm quốc-gia cũng không thể đủ.

Bởi vậy, đã thiếu kỹ-thuật, lại thiếu luôn cả tiết-kiệm tư-bản, vốn liếng, thì làm sao mở mang và khai-thác các tài-nguyên thiên-nhiên được. Do đó nếu không mở mang, khai-thác được các tài-nguyên thiên-nhiên mà dân số càng gia-tăng, thì người dân càng nghèo. Thật là lẩn quẩn 5, 7 vòng,

nhưng cũng thật là hiển nhiên, không có gì là lạ cả.

Còn một điều nữa chúng tôi xin lưu ý các bạn là các nước hậu-tiến sống về nông-nghiệp. Mà như trên đã nói, nếu một yếu-tố sản-xuất là cần-lao gia-tăng mà các yếu-tố sản-xuất khác như là các tài-nguyên thiên-nhiên, tư-bản và kỹ-thuật không gia-tăng theo một nhịp, thì năng-xuất của cần lao sẽ kém dần. Mà thật vậy, năng-xuất nông-nghiệp của các nước hậu-tiến rất thấp kém. Và từ 70% đến 90% dân số lại sanh ra ở trong ruộng, lớn lên trên ruộng, sanh con đẻ cháu ra trong ruộng, để rồi chết chôn dưới ruộng. Và như thế từ mấy thế-kỷ nay, Cần-lao càng ngày càng dư thừa mà vẫn phải chen ém trong khuôn khổ nông - nghiệp, vì ngoài nông - nghiệp ra, người dân không có lối nào thoát cho sức cần-lao dư thừa của họ. Cái nhịp phát-triển kỹ-nghệ của các nước hậu tiến rất chậm chạp và phạm - vi của nó — vì thị-trường nội địa chật chội — nên cũng hóa ra co hẹp, không đủ để tiêu hút nổi sức cần-lao dư thừa ở đồng quê. Cho nên càng ngày đồng quê càng nghèo nàn, càng cách biệt thành thị là những địa điểm được thụ hưởng nhiều nhất những đầu tư của chánh-phủ, những mở mang kỹ nghệ của tư nhân. Đến cả viện-trợ của ngoại quốc, thành thị cũng vẫn thừa hưởng nhiều hơn và trước hơn đồng quê nữa. Ở các nước tiền tiến, cũng có sự cách biệt giữa đời sống thành thị và thôn quê, nhưng sự cách biệt của họ rất ít như 3 với 2, và có những cái lợi riêng biệt của đồng quê như nhà cửa rộng rãi, đất đai khoáng đạt... bù chi dư giả sự cách biệt ấy. Kỳ dư mọi sự tiện lợi của thành thị, đồng quê đều được hưởng, như nước nội, điện lực, đường xá, trường

học, nhà thương... mà về nhiều phương diện, đồng quê còn hưởng hơn thành thị là khác. Trái lại, ở các nước hậu tiến, sự cách biệt giữa thành thị và thôn quê lại hết sức sâu xa. Ta thử so sánh Saigon với đồng quê Việt-Nam thì ta sẽ thấy rõ. Nếu lần quần ở Saigon, thì khó mà bảo rằng Việt-Nam là một nước hậu tiến: mọi tiện nghi của các nước tân tiến, Saigon hầu như không thiếu cái gì. Trái lại, ở đồng quê thì tính cách hậu tiến phơi ra trước mắt: nước uống không đủ sạch, đèn không đủ sáng, trường học, nhà thương thiếu thốn, đường sá thiếu thốn dơ bẩn và còn bao nhiêu cái thiếu thốn nữa.

Những cái vòng luẩn quẩn nghèo nàn tất nhiên ảnh hưởng không ít đến thành thị các nước kém mở mang, nhưng chịu ảnh hưởng sâu đậm nhất là thôn quê của các nước đó, nghĩa là phần đông dân số.

Càng đi sâu vào vấn đề ta càng thấy khó tìm một giải pháp hữu hiệu để phá mấy cái vòng luẩn quẩn nói trên, giải phóng cho người dân hậu tiến. Nhưng nếu không có một giải pháp giải phóng thì đời đời họ phải luẩn quẩn trong cái vòng nghèo nàn của họ mãi sao? Việt-Nam ta có câu « trời sanh voi sanh cỏ », nếu có đúng thì là đúng trong trường hợp này. Từ thời tiền sử, lúc con người có mỗi một sức cần lao, một mình giữa vũ trụ mênh mông, con người đã đem đôi tay của mình, khối óc và tấm lòng của mình để đối phó với tạo vật để xây đắp cho mình một đời sống tương đối ấm no. Và con người ăn lông ở lỗ còn thành công được, huống hồ là con người ngày nay, với bao nhiêu là di sản của bao nhiêu thế hệ trước để lại. Người tiền - sử không bị tiêu diệt và lần lần đã tiến bộ là nhờ một bí quyết mà ngày nay chúng ta

người dân hậu tiến phải noi theo, học hỏi bí quyết ấy để ra khỏi tình trạng kém mớ mang của mình. Bài học của người tiền sử để lại không riêng cho ai cả — cả cho các nước Cộng-sản — cả cho các nước đã tiến triển, vì trước kia các nước sau này cũng phải qua giai đoạn hậu tiến và nhờ cái bí quyết đó mà họ đã tiến bộ được như ngày nay. Cái bí quyết ấy chỉ gồm ba điểm :

1) Điểm thứ nhất : Con người phải đem cái mình có, đổi lấy cái mình chưa có, hay có ít để thành có nhiều. Cái mình có là cần lao. Người tiền sử đã đem sức cần lao của họ để tự nuôi sống, còn dư ra họ cũng biết đổi lấy tư-bản thô sơ của họ, bằng cách mài giũa những cái búa đá, những mũi tên, lưỡi dao bằng đá... Nhờ thế mà họ thêm được vốn liếng, thêm tư-bản để cuộc săn bắn hay sản-xuất của họ có kết-quả hơn. Ngoài ra họ còn dùng sức cần-lao dư thừa của họ để tăng-gia cái vốn liếng, tư-bản xã-hội của họ, như xây chòi, đào hang cho lớn hơn, cho ấm hơn. Hơn nữa, họ còn tự huấn luyện võ-ngệ, trau dồi nghệ-thuật thô sơ của họ... nhờ thế mà họ thêm văn hóa, thêm kỹ-thuật. Tóm lại, lần lần sức

cần-lao của con người đã đem lại cho họ người những yếu-tố sản-xuất khác, sức cần-lao đã hóa ra tư-bản, đã hóa ra kỹ-thuật và mớ mang thêm tài-nguyên thiên-nhiên. Một điều-kiện quan-trọng nhưt để con người tiến-triển được là biết sử-dụng hợp lý sức cần lao của mình, không dùng phung phí vô ích.

2) Điểm thứ hai : Cần-lao đã có sẵn, con người cần thêm một tấm lòng quả cảm, biết tự-lực cánh-sinh, đem sức cần lao của mình với khối óc thông-minh, với sáng-kiến của mình ra tranh-đấu với tạo-vật và chế-ngự tạo vật, tạo cho mình một đời sống càng ngày càng đầy đủ hơn. Hơn nữa, con người là một con thú văn-hóa, nghĩa là tự-do và tiến-triển được, cho nên cần phải tìm tòi, học hỏi thêm để trau dồi khả năng của mình, cho càng ngày càng giỏi hơn về khoa học và kỹ-thuật.

3) Điểm thứ ba : Con người lại biết tổ-chức thành bộ lạc và chính trong cái cộng-đồng đầu tiên đó, cần lao riêng biệt của từng người được tập-hợp để thực-hiện những lợi ích chung cho đoàn-thể. Sự tập

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

THUẬT ĐÀO LUYỆN NGƯỜI CỘNG TÁC

- ✱ Một giờ hợp tác chung với nhau trên một điểm nhất định có lợi cho việc huấn luyện một tập thể hơn là một xấp chỉ-thị và khiển-trách đầy cộm từ cấp trên gửi xuống cấp dưới (Courtois)
- ✱ Người cầm đầu không bao giờ nên sợ việc giao trọng trách cho kẻ dưới quyền, miễn là những trọng trách được giao cho tương xứng với giá-trị và khả-năng của kẻ ấy (Courtois)

PHÁT-TRIỂN CỘNG-ĐỒNG

hợp cần lao đó đánh dấu một bước tiến quan trọng của con người vì lẽ :

— Có thể thực-hiện được những công việc lớn lao vượt quá sức riêng rẽ của từng người.

— Có thể trao đổi kinh-nghiệm, trau dồi, cải-tiến kỹ-thuật nâng cao năng xuất.

Và cũng nhờ sự tập-hợp nỗ lực đó mà cộng-đồng được cải-thiện, được phát-triển vững mạnh hơn lên.

Đến đây chắc các bạn đã rõ phát-triển cộng-đồng là gì, và những lý do nào đã phát sanh quan-niệm ấy, thúc đẩy phong trào ấy; và phải chăng phát-triển cộng-đồng là biện pháp hữu-hiệu nhất để giúp các nước hậu-tiến phá mấy cái vòng lẩn quẩn bản cùng của họ, bằng cách tập hợp sức cần lao dư-thừa của họ để gia tăng vốn liếng, dụng cụ sản xuất của họ như đào kinh, đắp đê, đắp đập, xây nhà thương, cất nhà trường, đào giếng và bao nhiêu chuyện khác nữa để gia-tăng tư-bản xã-hội của họ thêm. Họ còn đem sức cần lao dư thừa của họ ra để mở mang thêm các tài nguyên thiên nhiên, như khai ruộng, phá rừng, chăn nuôi, phát triển tiểu công nghệ v.v..., ngoài ra họ còn học tập lẫn nhau văn-hóa kỹ-thuật và nhất là tìm hiểu kỹ-thuật sản xuất của địa phương khác để áp dụng cho địa-phương mình. Nhờ thế mà năng-xuất của họ được nâng cao, cần lao thêm lối thoát, tiết-kiệm đầu tư gia tăng lần lần. Và nhờ thế mà đời sống của họ sung túc hơn, thôn quê theo kịp thành thị. Và cũng nhờ thế mà mọi người ở thôn quê cũng như thành thị đều chung sức trong việc xây đắp quốc-gia một cách đắc lực.

*
* *

Ngày nay người dân các nước hậu-tiến có nhiều thuận lợi hơn người tiền sử nhiều và hơn cả người dân các nước hậu tiến xưa kia, nay đã được phát triển rồi, vì ngoài sức cần lao và bao nhiêu di-sản tư-bản văn-hóa của tổ tiên họ để lại, họ còn được các nước bạn trên thế - giới trợ giúp và nhất là họ được hưởng cái kho tàng khoa-học, kỹ-thuật của nhân-loại đã tích-trữ xưa nay tại các nước trên thế giới. Viện-trợ thì nhiều thứ : viện trợ kỹ-thuật, kinh-tế, tài-chánh, thương mại, văn hoá v.v... một điều kiện quan trọng là phải biết sử-dụng cho hợp-lý. Còn kho tàng khoa học kỹ-thuật của nhân loại thì chúng ta phải biết tìm hiểu học hỏi và đem ra áp dụng cho thích nghi với hoàn-cảnh địa-phương. Hai nguyên-tắc căn-bản có thể làm phương-châm cho việc sử-dụng viện-trợ và sự học hỏi các nước tiền tiến là :

a) Các biện-pháp trong các ngành mà các nước tiền tiến đã sử-dụng để nâng cao đời sống của họ, cần phải được hòa hợp lại thành một khuôn-mẫu để phát triển điều-hòa.

b) Các khuôn mẫu ấy phải ăn khớp, phù hợp với năng-lực của cá-nhân và đoàn-thể hậu tiến, mới mong các biện-pháp đem ra áp dụng có hiệu-quả tốt, nghĩa là phát huy được sự hiểu biết và sức lực của người dân hậu tiến.

Theo những nguyên-tắc trên thì bản-chất của quá-trình phát-triển cộng đồng là bổ túc và điều hòa các yếu-tố thành phần của nó. Phải làm sao cho nông-nghiệp được tiến triển một nhịp với sự phát-triển tiểu công-nghệ và kỹ-nghệ nhẹ ở thôn quê. Các ngành ấy có được cải-thiện là

do người dân được ăn uống sung sướng hơn, y-tế, vệ-sinh, nhà cửa, giao-thông và giáo-dục được tổ-chức chu đáo hơn. Sự cải-thiện đời sống kinh-tế đến phiên nó sẽ giúp đỡ các ngành sau này thêm lên. Để rồi sự phát-triển các tài-nguyên, tư bản xã-hội được sung túc hơn, đời sống sung sướng hơn, ấm no hơn, sẽ theo kịp sự phát-triển về văn-hóa và kỹ - thuật, theo kịp sự phát-triển năng-lực hiểu biết, tổ-chức và kinh-nghiệm của con người. Sự phát-triển những năng-lực công dân và cá-nhân sẽ thúc đẩy sự tiến-triển vật chất. Để rồi sự tiến-triển vật chất sẽ thúc đẩy

sự khéo léo và mở rộng tầm hoạt-động cho các khả-năng của con người. Tóm lại : Các yếu tố kinh-tế, văn hóa xã-hội... trước kia luẩn quẩn ảnh-hưởng tại hại cho nhau, bây giờ sẽ ảnh-hưởng luẩn-quẩn tốt đẹp đối với nhau, trong một khuôn mẫu phát-triển điều-hòa, lưu ý đến mọi phương diện của con người và nhờ áp-dụng những biện-pháp, những kỹ-thuật phù hợp với khả-năng của con người, phù hợp với trình độ của đoàn-thể.

HUỖNH VĂN LANG

- ★ Người cầm đầu phải biết tăng-gia lần lần trách-nhiệm cho người cộng tác, tùy theo nỗ lực và khả-năng của họ. Ngoài ra, cũng phải giúp đỡ họ thắng các khó khăn tinh-thần, tìm cách cho họ tự hiểu biết họ và hướng-dẫn cho họ thắng tiến mãi lên. (Carrard)
- ★ Người ta dễ chán nản và không thiết đến công việc khi người ta có cảm-giác mình chỉ là những bánh xe trong một bộ máy, không biết nguyên ủy nó ra sao và năng-xuất của nó thế nào. Trái lại, người ta thường say mê với công việc khi thấy công việc ấy là của chính mình, biết rõ nó đi tới đâu, thành quả của nó tùy thuộc mình đến mức độ nào. (Courfois)

Kẻ có tâm thần thác loạn nhất

Trong « Tập bàn về sự biết Chúa và biết mình », (Traité de la connaissance de Dieu et de soi-même), J.B. Bossuet có nói một câu về sự thác loạn của con người : « *Le plus grand dérèglement de l'esprit, c'est de croire les choses parce qu'on veut qu'elles soient, et non parce qu'on a vu qu'elles sont en effet* », kẻ có tâm thần thác loạn nhất là kẻ tin tưởng sự vật xảy ra như ý mình muốn, chứ không tin tưởng đúng như mình đã thấy nó xảy ra thật ».

NHÂN DỊP NGƯỜI ĐẢNG DÂN - CHỦ ĐẮC-CỬ TỔNG-THỐNG HIỆP-CHỨNG-QUỐC

ĐỒNG MỸ - KIM

CÓ THỂ BỊ GIẢM-GIÁ KHÔNG ?

HOÀNG - MINH - TUYNH

Do cuộc vận động tuyển cử diễn hành náo nhiệt tại Hiệp-Chứng-quốc, dư luận thế-giới nghĩ rằng ứng-cử-viên của Đảng Dân-chủ có nhiều hy-vọng lên nắm chính-quyền. Một trong những hậu-quả của sự-kIỆN bất ngờ đó là giá vàng trong thế-giới vọt lên rất cao, mặc dù có lời thanh minh chính-thức của Quốc-khố Hiệp-Chứng-quốc ngày 21 tháng 10 rằng : « Hiệp-Chứng-quốc vẫn tiếp-tục mua và bán vàng... theo giá đã ấn-định là 35 mỹ-kim một once vàng ròng ».

Chúng ta có thể tự hỏi tại sao sự-kIỆN một đảng-viên Dân-chủ lên nắm chính-quyền tại Hiệp-Chứng-quốc lại có thể khiến cho giá vàng vọt lên cao được ? Đó là vì có người dự đoán và cố tình tung dự đoán của họ ra, rằng : nếu người đảng Dân-chủ ngồi tòa Bạch-ốc, đồng mỹ-kim sẽ bị giảm giá do bởi chủ-trương của Đảng này đã tiết-lộ ra từ hai năm trước. Dự đoán ấy phát xuất từ đâu ? Kê phát xuất ra nó nhằm mục-đích gì ? Liệu nó có phần nào xác đáng không ? Chúng tôi xin dựa theo ít nhiều tài-liệu báo-chí ngoại-quốc, cố-gắng tìm lời giải đáp cho những câu hỏi nêu trên (1).

*
* *

Đồng-tiền vững mạnh nhất hoàn-cầu, đồng tiền được dùng làm căn-bản phù-trợ và làm đơn-vị kế-toán cho hầu hết các đồng tiền khác trong thế-giới tự-do, dĩ-chí các nước Cộng-sản và các nước vệ-tinh của họ cũng phải thừa nhận trong việc mậu

dịch giữa họ với nhau, đồng tiền ấy hiện nay đã tới lúc bị mọi người nghi ngờ tính chất ổn cố, bất dịch.

(1) Đặc - biệt từ Le Monde économique et financier, 25-26 tháng Chín 1960.

Không phải ngày nay người ta mới nghĩ tới giả-thuyết đồng Mỹ-kim có thể bị giảm giá. Sau chiến-tranh, nhiều người đã nêu lên vấn-đề đồng Mỹ-kim bị giảm mãi lực tới 50%, và nhiều nhà sản-xuất vàng trong thời gian đó cũng tung ra nhiều đề-nghị đòi phục hồi giá vàng, thực tế do quốc-khố Hiệp-chúng-quốc ấn-định từ năm 1934 mà không hề thay đổi từ đấy (35 Mỹ-kim một once — 31, 10 gờ-ram vàng).

Đến nay, vấn-đề lại được nêu lên một cách mãnh liệt hơn, đó là vì hoàn cảnh kinh-tế đã khiến cho đồng Mỹ-kim hóa thành suy yếu hơn trước thật sự, và có lẽ nhất là vì người ta nghĩ do kỳ tuyển-cử tổng - thống Hiệp - chúng - quốc tới đây, người đảng Dân - chủ sẽ ngự trị nơi tòa Bạch-ốc. Ai cũng biết từ hơn hai năm nay, giữa Đảng Dân-chủ nổi lên một phong-trào đòi giảm giá đồng Mỹ-kim, chúng có là họ đã thảo một dự luật về vấn-đề đó và đã đưa trình Quốc-hội.

Muốn giải quyết vấn đề trên, không thể chỉ giản-dị lý-luận rằng đồng Mỹ-kim từ 1934 đã mất mãi lực hơn 50% thì phải giảm giá đi 50%, khiến cho giá vàng tăng lên 70 Mỹ-kim một once; hoặc lý-luận ngược lại rằng áp lực của những kẻ muốn giảm giá đồng Mỹ-kim chỉ là áp lực của bọn sản xuất vàng (nhất trong khu vực Anh-kim) nghĩa là của một nhóm tư nhân chủ trương giảm giá để thủ lợi cá nhân, nên áp lực ấy không đáng cho quốc dân đếm xỉa tới.

Thật ra thì vấn đề phức tạp hơn thế nhiều: Có những sự kiện xảy ra tỏ rõ đồng Mỹ-kim đã bị suy yếu và có thể ngày càng bị suy yếu hơn do bởi nhiều yếu tố kinh tế, xã hội và chính trị. Tuy nhiên, điều chúng

ta cần phải tìm hiểu lúc này là coi xem cứ như tình thế hiện nay, liệu Hiệp Chúng-quốc đã có thể giảm giá đồng Mỹ-kim chưa và, liệu họ có tái diễn cái thủ thuật giải phẫu, opération chirurgie, tổng thống Roosevelt đã thi hành hai mươi sáu năm trước đây để đối phó với những hoàn cảnh hết sức bí đát của Hiệp-Chúng-quốc hồi đó không?

Những triệu-chứng suy yếu của đồng Mỹ - kim

Dấu hiệu cụ thể nhất chứng tỏ đồng Mỹ-kim đã bị suy yếu là từ gần ba năm nay số vàng dự trữ của Hiệp - Chúng - quốc trong các hầm chứa tại Fort-Knox cứ thấy giảm đi lần, từ cuối năm 1957 số vàng dự trữ còn gần tới con số 23 tỷ Mỹ-kim; đến cuối năm 1958, còn 20 tỷ, 5; đến cuối năm 1959, còn 19 tỷ, 5 và hiện nay lại giảm thêm xuống dưới 19 tỷ.

Đồng thời, trái quyền của ngoại quốc bằng Mỹ-kim đối với Hiệp-Chúng-quốc—nói theo cách thường là quyền của ngoại quốc được đòi Hiệp-Chúng-quốc mắc nợ phải trả cho họ bằng Mỹ-kim — ngày càng tăng lên mãi. Cuối năm 1958 tổng số trái quyền tính ra tới trên 16 tỷ; cuối năm 1959, tới 19 tỷ 3 và vừa rồi tới trên 20 tỷ. Như vậy là số vàng dự trữ, gọi tắt là số trữ kim, tính tới đầu năm 1960 giảm xuống dưới số trái vụ — hay thái sản—ngoại-quốc có nghĩa vụ phải trả cho Hiệp-Chúng-quốc bằng Mỹ-kim.

Hai chiều tăng giảm trên chính lại là kết quả của tình hình cán cân chi phó, chênh lệch khác nhau trong giao dịch kinh tế giữa trú dân trong nước và trú dân ngoài nước.

ĐỒNG MỸ-KIM CÓ THỂ BỊ GIẢM GIÁ KHÔNG ?

Cán cân chi phí này nhập không phụ xuất, tính ra thiếu hụt tới 3 tỷ, 8 Mỹ-kim trong năm 1958 ; 5 tỷ, 2 Mỹ-kim trong năm 1959 và trong năm nay tuy có giảm đi mà người ta vẫn dự tính còn thiếu hụt vào khoảng 3 tỷ mỹ kim nữa.

Sự thiếu hụt dù cho không tăng gia thêm và có cơ tiêu trừ được nữa, Hiệp-Chúng-quốc vẫn có thể còn mất thêm vàng khá nhiều nếu các người có mỹ kim trong tay nhờ các ngân hàng phát hành làm trung gian đổi Mỹ-kim để lấy vàng về.

Đó là việc đã thấy xảy ra từ mấy tháng nay, khiến cho đồng Mỹ kim đã suy yếu, lại càng suy yếu thêm, trên nhiều thị trường hối đoái trong hoàn cầu.

Vì sao đồng mỹ-kim có thể bị tổn thương ?

Muốn biết rõ nhược điểm của đồng Mỹ-kim, không phải mất công tìm kiếm đâu xa. Ta có thể gặp những yếu tố lạm phát trong mỗi bước đi của nền kinh tế Hiệp-Chúng-quốc, bước ấy đi lần từ chút một nên có nhiều người không nhận thấy rõ.

Cũng như các nước khác, tuy với một độ kém hơn, Hiệp-Chúng-quốc đã dùng lạm phát để tài trợ chiến tranh, nâng đỡ các nước đồng minh, và cải hồi nền kinh tế, sau ngày kết liễu chiến tranh ; rồi lại phải tái vô trang gập rút và đối phó với cuộc chiến tranh lạnh. Hiện nay, Hiệp-Chúng-quốc vẫn còn phải dùng phương thế lạm phát để tài bồi quân bị, viện trợ các nước hậu tiến, và nỗ lực thám hiểm không gian. Tất cả những công cuộc này đòi hỏi những khoản kinh-phí vĩ-đại mà

vì cuộc « sống chung hòa-bình » Hiệp-Chúng-quốc không thể nào thoái thác được.

Nói theo ngôn-ngữ chuyên môn tài chính, thì các khoản kinh-phí trên thể hiện ra bằng một ngân-sách hết sức nặng nề. Đánh rằng về ngân-sách năm 1960-1961, các nhà cầm-quyền Hiệp-Chúng-quốc trừ tính làm đôi được một thặng dư lỗi 4 tỷ, song tổng số chi vẫn không dưới mức 80 tỷ (một phần năm lợi tức quốc-gia) đối với 8 tỷ trước chiến-tranh và 42 tỷ trong năm 1949-1950.

Quốc trái, gồm niên kim và trái khoán, là những khoản nợ của nhà nước, lên tới 40 tỷ trong năm 1939 và 250 tỷ trong năm 1949, nay lại tăng 284 tỷ hoặc 280 tỷ nếu thặng dư ngân-sách năm 1960-1961 có thể thực hiện được như đã nói trên.

Trên địa hạt đối ngoại, chính - sách này tất sẽ làm cho cán cân chi phí thiếu hụt. Cán cân này, khi phân tích ra, cho ta thấy cán cân mậu dịch vẫn có chiều thuận lợi cho Hiệp-Chúng-quốc, mặc dù số thặng dư xuất - cảng đối với nhập - cảng có khuynh hướng giảm sút đi từ mấy năm nay (6 tỷ, 2 mỹ-kim thặng dư trong năm 1957 ; 3 tỷ, 1 trong năm 1958 ; 0 tỷ, 9 trong năm 1959).

Tuy nhiên, số thiếu hụt chủ yếu gây ra bởi quân phí ở ngoại-quốc (2 tỷ, 8 mỹ-kim mỗi năm) bởi các khoản tặng dư của chính-phủ (1 tỷ, 6 mỹ-kim), bởi các món cho vay và chi tiêu ở ngoài nước (1 tỷ trong năm 1957 và 1958 ; 1 tỷ, 7 trong năm 1959).

Đó là về mặt tài chính. Về mặt kinh tế và xã hội, lạm phát cũng gây ra nhiều hậu quả không lợi. Trong kỳ kinh tế Hiệp-

Chúng-quốc bị ngưng trệ cách đây hai năm, các nhà kinh tế đã đặc biệt lưu ý tới sự kiện giá-cách tại Hiệp-Chúng-quốc không những không giảm, mà cứ tiếp tục tăng cao. Bấy giờ, có người đã cho đó là một hiện tượng « lạm phát trong tình trạng kinh tế ngưng trệ ». Thật ra thì do bởi những thủ đoạn thông đồng, cộng mưu giữa các nhà kinh-doanh và bởi sự cạnh tranh giữa các nhà kinh doanh ấy trở nên yếu ớt mà giá-cách tại Hiệp-Chúng-quốc trở nên cố tri, rắn chắc, khó lòng hạ bớt xuống được. Sự cố tri, rắn chắc của giá-cách tiêu thụ đó gây ra bởi sự cố tri, rắn chắc của giá thành, mà yếu tố quan trọng nhất trong giá thành là tiền công của người thợ.

Cũng trong thời kỳ kinh tế ngưng trệ hồi năm 1958, người ta nhận thấy mức độ tiền công ngày càng tăng, mặc dù số người thất nghiệp ngày càng nhiều và số giờ làm việc ngày càng giảm.

Sự cố tri, rắn chắc của tiền công và giá thành có thể cắt nghĩa cho ta hiểu một phần lớn về khả năng cạnh tranh suy yếu của người nước Mỹ đối với người nước ngoài. Mặc dù thi hành một chế độ bảo hộ mậu dịch thật nghiêm khắc, nước Mỹ không sao ngăn cản cho số nhập cảng khỏi tăng, trong khi số xuất cảng giảm, chỉ vì giá tiền công của một người thợ Mỹ gấp bốn lần giá tiền công của một người thợ Pháp.

Điều đó không có gì khó hiểu. Nguyên Hiệp-Chúng-quốc, sau chiến-tranh, trong một thời-gian khá dài, là nước duy nhất có đủ khả-năng cung-cấp tài-vật cần thiết cho Âu-châu trong công cuộc trùng-tu xú sở và chấn-hưng công-nghiệp. Một khi Âu-châu đã hoàn-thành xong công cuộc đó, tự nhiên Âu-châu không những không cần mua của

Hiệp-Chúng-quốc, mà còn có thể bán cho Hiệp-Chúng-Quốc nhiều thứ với giá rất rẻ, bởi điều kiện sản-xuất của Âu-châu có chiều thuận lợi hơn của Hiệp-Chúng-quốc thập phần.

Sự suy yếu của các nhà sản-xuất Hiệp-Chúng-quốc trong cuộc cạnh tranh với các nước ngoài thấy phát hiện trên nhiều địa hạt một cách hết sức rõ rệt : xe hơi, trang bị điện khí, thép, dụng-cụ bằng máy. Theo lời các kỹ-nghệ-gia Mỹ, 35 tới 40% dụng-cụ bằng máy hiện đang sử dụng tại Hiệp-Chúng-quốc do từ nước ngoài chở đến. Cũng một loại máy tương đương, giá loại máy ngoại-quốc chỉ bằng 60% giá loại máy Hiệp-Chúng-quốc thôi.

Thêm vào những yếu-tố bất lợi cho đồng Mỹ - kim trên, các nhà chủ-trương giảm giá đồng Mỹ-kim viện thêm ra một chứng cứ cuối cùng là cần phải xúc tiến kinh-tế Hiệp-Chúng-quốc cho thật mạnh mẽ và thật quyết-liệt.

Kinh-tế Hiệp-Chúng-quốc hiện đã có những dấu hiệu suy yếu không thể chối cãi và có nhiều nhà quan-sát cho rằng Hiệp-Chúng-quốc khó lòng tránh khỏi một cuộc ngưng trệ về kinh-tế mới, sau cuộc ngưng trệ kỳ trước xảy ra cách đây hai năm. Đó hình như cũng là dư luận chính thức, vì các nhà có trách-nhiệm về chính-sách tiền tệ Hiệp-Chúng-quốc đã tỏ ra thay đổi thái độ trong dịp mùa hạ vừa qua, bằng cách giảm lợi xuất chiết khấu liên tiếp vào tháng năm và tháng tám, từ 4 xuống 3%, cho các nhà kinh-doanh nhờ lợi xuất giảm nhẹ sẽ đưa nhau đem thương phiếu chiết khấu tại các ngân hàng mà lấy tiền lo việc mở mang nghề nghiệp, hầu tránh nạn kinh-tế ngưng trệ cho quốc-gia.

ĐỒNG MỸ-KIM CÓ THỂ BỊ GIẢM-GIÁ KHÔNG ?

Những yếu tố bất lợi có thể xoay
chuyển thành thuận lợi.

Về mặt ngân-sách, các kinh-phí cần phải xuất ra để đối phó với tình-hình quốc-tế và cuộc đấu - tranh Đông - Tây trên hết mọi phương-diện có thể được bù đắp bằng cách tăng-gia số thu về thuế khóa, tăng-gia không vượt quá mức tăng-gia của lợi tức quốc-gia.

Vả chăng, nếu cần, Quốc - hội Hiệp-Chúng-quốc sẽ giảm các kinh-phí về viện-trợ quân-sự và kinh-tế cho ngoại-quốc, như hồi năm ngoái trong khóa họp Hội-ngập tiền tệ quốc-tế, F. M. I., Hiệp-Chúng-quốc đã ráo riết yêu cầu các nước phần-thịnh Âu-châu tiếp tay gánh đỡ với mình khoản viện-trợ cho « thế-giới đệ tam ».

Đồng-thời vấn-đề cán cân chi phó cũng sẽ giải-quyết được và vàng cũng sẽ ngưng hay bớt chạy ra ngoài.

Không đi tới chỗ cắt đứt viện-trợ cho các nước bên ngoài, Hiệp-Chúng-quốc có thể thương-thuyết với các nước liên-minh, tìm ra những phương-thức tài-trợ mà không đến nỗi làm cho cán cân của họ phải thiếu hụt.

Mặt khác, cán cân mậu dịch, mặc dù có chênh lệch, cũng không đến nỗi khiến phải bi quan. Các kỹ nghệ gia Mỹ vẫn tự vệ được một cách tích cực, như vừa rồi họ đã sản xuất được nhiều loại xe hơi « compactes », « thu gọn » để đối phó với sự xâm nhập của các loại xe hơi kiểu nhỏ Âu-châu. Lại nữa, cán cân mậu dịch năm nay có chiều cải tiến được và số thặng dư có thể đạt tới con số 4 tỷ Mỹ-kim.

Sau hết, vấn đề vàng xuất ngoại cũng chưa hẳn là một vấn đề đáng lo ngại cho Hiệp-

Chúng-quốc lắm. Sở dĩ sang Hiệp-Chúng-quốc xuất ngoại nhiều là do bởi Hiệp-Chúng-quốc trở lại chủ trương đoái hoán, đổi tiền giấy lấy tiền thật. Hiệp-Chúng-quốc khuyến khích chủ trương đoái hoán để đáp ứng nguyện vọng của nhiều nước muốn cho số dự trữ vàng được phân chia lại giữa các nước trong thế giới tự do. Một lý do nữa khiến vàng xuất ngoại nhiều là bởi có sự sai biệt về lợi xuất giữa Mỹ và Âu, sai biệt có thể ngăn chặn không khó khăn gì.

Còn nếu mức độ giá thành có cao thì Hiệp-Chúng-quốc có thể dùng thủ đoạn tăng giá-biểu quan-thuế để đối phó với sự tràn ngập của sản-phẩm ngoại quốc vào thị-trường nước mình, mặc dù đó là một thủ đoạn không được cao-siêu cho lắm.

Trên bình diện kinh tế, ta chưa thể quyết đoán tình trạng kinh tế ngưng trệ của Hiệp-Chúng-quốc đã phát hiện hay chưa.

Triệu chứng tuy đã rõ rệt, song xét nguyên sự kiện chính phủ nói rộng sự kiểm sát, ta có thể tin rằng họ không còn sợ bị « nung nấu quá độ » nữa. Nếu thị trường chứng khoán Wall Street có xuống giá thì đó là bởi những lý do về chính trị hơn là kinh tế.

Nếu Hiệp-Chúng-quốc giảm giá đồng Mỹ-kim là thứ khí giới cuối cùng để đẩy lui tình trạng kinh tế ngưng trệ lúc này thì chính là họ dùng một khẩu súng thần công để giết một con ruồi. Tình trạng hiện nay của họ không thể so sánh được với tình trạng khủng hoảng năm 1933 vì khi đó có hàng 15 triệu công nhân thất nghiệp đói rách biểu tình trước những vựa hoa mầu thu hoạch luôn ba mùa liên tiếp mà không bán đi được, trong khi các ngân hàng lâm

vào cảnh khánh tận hàng dãy, khiến cả khu vực Wall Street phải đóng cửa hoàn toàn...

Chúng cứ sau hết người ta đưa ra để bác chủ trương của phái đòi giảm giá đồng Mỹ-kim là : người Mỹ không thể để cho người Nga được khoải trá trước cảnh ngộ đồng Mỹ-kim bị giảm giá, sự khoải trá sẽ làm mất uy tín của Hiệp-Chúng-quốc trước dư luận hoàn cầu (Liên-xô chắc sẽ không bỏ lỡ dịp rêu rao biến cố đó là dấu hiệu suy yếu của chế độ tư bản). Đó là chưa kể việc giảm giá đồng Mỹ-kim sẽ làm tăng giá trữ kim Xô-viết lên — trữ kim người ta tin là rất quan trọng — để cho điện Cẩm-linh được dịp can thiệp vào thị trường quốc tế một cách quyết liệt. Tuy nhiên lý luận đó nếu có giá-trị về phương diện tuyên truyền, chưa chắc đã có giá trị trên địa-hạt thực tế, vì nếu trữ kim của Nga có quan trọng thật như thế và nếu thật ông Kơ-rút-sốp không biết dùng nó làm gì như ông vẫn thường nói (ông nói trái lại với Lê-Nin) thì tại sao ông không dùng nó để mua các sản phẩm hiện ông đang thiếu, hoặc để tung nó ra mà lũng đoạn các thị-trường của phe tư-bản? Tại sao ông phải chờ cho tới khi có sự giảm giá đồng Mỹ-kim và đã chắc gì đồng Mỹ-kim sẽ bị giảm giá?

Sự giảm-giá đồng Mỹ-kim có lợi gì cho thế-giới tự-do không?

Bây giờ ta thử xét coi thái độ của thế giới tự do trước vấn-đề giảm giá đồng Mỹ-kim thế nào? Nếu đồng Mỹ-kim bị giảm giá, ta có thể tin rằng không phải ai cũng than tiếc nó. Trong khu-vực Anh-kim chẳng hạn, có nhiều nước hy-vọng việc giá vàng lên

cao sẽ khiến cho đồng Anh-kim lấy lại được địa vị bá chủ tiền tệ thế-giới ngày trước.

Tuy nhiên, hy-vọng ấy chưa chắc đã không trở thành thất vọng vì phải ngờ rằng hết mọi tiền tệ — kể cả đồng Anh-kim — sẽ bó buộc phải theo đà giảm giá của đồng Mỹ-kim, dù chỉ vì lý do thương mại và lý do phải dùng Mỹ-kim làm bảo chứng cho sự lưu thông. Kẻ hưởng thụ duy nhất chính là những nhà sản-xuất vàng. Dưới góc cạnh này, khu vực Anh-kim chắc chắn sẽ là khu vực lợi dụng được nhiều hơn hết thảy. Nhưng đồng Anh-kim liệu có thể nhờ đấy mà trở nên vững mạnh hơn không? Chưa chắc. Vì một tiền tệ vững mạnh trước hết phải là phản ảnh của một nền kinh-tế cường liệt và phồn thịnh chân thật.

Tuy nhiên, vẫn có người cho rằng, nếu vàng sản-xuất được nhiều thì thương-mại quốc-tế có thể nhờ đấy mà tránh khỏi sự bế tắc cùng trở nên thông hoạt hơn. Thật ra thì khó có thể quyết chắc sự khan hiếm phương tiện chi-phó lúc này là trở lực nghiêm trọng cho các công cuộc mậu dịch quốc-tế và chúng ta từng thấy việc dùng đồng Mỹ-kim làm đơn-vị quốc-tế đã gây nên nhiều nỗi trắc trở, bất tiện, rất mực phiền hà cho toàn bộ thế-giới hiện nay.

Do đấy, chúng ta thấy lợi ích của sự giảm-giá đồng Mỹ-kim thật không đáng kể. Trái lại, chúng ta e rằng sự giảm giá ấy sẽ gây ra trong các nền kinh-tế của thế-giới tự-do, những đảo nghịch đáng sợ mà khỏi cộng-sản không thể không lợi dụng triệt để trong việc tuyên-truyền.

Vả chẳng, vấn-đề giảm giá đồng Mỹ-kim, xét cho cùng, đã nêu lên không nhằm cách. Đầu tiên, nó nêu lên bởi các nhà sản-xuất

ĐỒNG MỸ-KIM CÓ THỂ BỊ GIẢM-GIÁ KHÔNG ?

vàng. Hiện nay, nó trở nên dao động chỉ vì trư-kim Hiệp-Chúng-quốc đã bị suy yếu liên tiếp từ ba năm nay. Đó chỉ là những khía cạnh nhỏ nhút của vấn-đề, mặc dù những kẻ đầu cơ đã dụng tâm quảng bá lớn lao để trục lợi.

Điều cần biết là : những lý do suy yếu nội tại của đồng Mỹ-kim hiện nay liệu đã đủ mạnh để phải giảm bớt kim-giá đi chưa ? Tình hình kinh-tế Hiệp-Chúng-quốc liệu đã nguy-ngập đến nỗi khiến cho nước này phải dùng đến sự giảm giá tiền-tệ làm một phương-tiện thúc đẩy giả-tạo chưa ? Và các nước khác trong thế-giới tự-do liệu có thu-hoạch được lợi-lộc gì do sự giảm giá đồng Mỹ-kim không ? (sở dĩ chúng ta

nêu lên câu hỏi sau này vì chúng ta nghĩ những nước trong thế-giới tự-do lấy Mỹ-kim làm bảo-chứng cho tiền-tệ của mình tất cũng có quyền được tham-gia ý-kiến mới phải.)

Căn cứ vào những yếu-tố trình bày trên, chúng ta thấy khó lòng trả lời khẳng-định cho những câu hỏi đó được.

Cho nên chúng ta tin rằng người đảng-p'ai nào lên nắm chánh-quyền Hiệp-Chúng-quốc lúc này cũng không thể liều-linh phiêu-lưu đưa quốc-gia vào một con đường vô định, để rồi gây nên ra những hậu quả tai hại không biết thể nào mà lường trước cho vận-mệnh, tiền-đồ của cả một dân-tộc.

HOÀNG-MINH-TUYNH

- ★ Trong một tập-thẻ, phải để cho mỗi phần tử được tự-do đề-nghị sự tiến thủ. Không gì nguy hiểm bằng kim hãm chí tiến thủ, vì kim hãm mãi tất đưa người muốn tiến thủ tới chỗ thoái bộ ; sáng kiến bị ngăn chặn mãi tất phải suy giảm. (Courtois).

ĐÍNH CHÁNH

Bài « Hiệp-Chúng-quốc trước ngày tuyên-cử tổng-thống » của Hoàng-Minh-Tuynh, Bách-Khoa số 92 :

— trang 5, cột 1, dòng 27 :

Ngày nay, đã tám năm xa cách, ta khó lòng tưởng tượng nỗi của hàng triệu người Mỹ... xin đọc là : *Ngày nay, đã tám năm xa cách, ta khó lòng tưởng tượng nỗi khí thế của hàng triệu người Mỹ.*

— cùng trang, cột 2, dòng 10 :

Canh bài koker... xin đọc là : *Canh bài poker...*

— cùng trang, cột 2, dòng 25 :

Ông chỉ là một người bình thường... để khiến cho ai nhận ra được mình ở trong con người của ông cũng có thể ông. Xin đọc là : *Ông chỉ là một người bình thường... để khiến cho ai cũng nhận ra được mình ở trong con người của ông.*

THẨM CẢNH NGOÀI BỀ KHƠI

HAY CÁI CHẾT BI ĐÁT
CỦA 108 NGƯỜI TRUNG - HOA
THỜ TẠI ĐỀN CHIÊU-ỨNG Ở HUẾ

✱
BỮU - KẾ

tiếp theo B. K. số 92)

TRONG số Bách - Khoa trước, các bạn đã đọc sự - tích của 108 người Trung-Hoa tử nạn, giờ đây xin mời các bạn vào thăm chùa Chiêu-Ứng, dựng lên đề thờ phụng các vị ấy. Chùa nằm trên con đường Chi-Lăng, phường Phú-Cát thành phố Huế.

Ban đầu người ta thờ các vị này tại chùa Quỳnh Châu Hội-quán, nơi thờ bà Thiên-Hậu (4).

Nhưng chẳng bao lâu, cái chết bi - đát của các thương-gia đã được thần thánh hóa, không những người Trung - Hoa mà người Việt cũng lui tới kêu cầu. Do đó, vào năm 1887, người Tàu thuộc ban Hải - Nam đã lập rất nhiều ngôi chùa, không những ở Huế mà cả ở Sài-gòn, Tân-Gia-Ba và Thái-Lan.

Riêng về ngôi chùa ở Huế, tuy không đồ sộ cho lắm, nhưng lối kiến-trúc cao rộng chạm trổ tinh vi, do những bàn tay khéo

léo của những người thợ Trung - Hoa từ Hải-Nam gởi sang.

Tiếp giáp với đường quan lộ là một hàng rào sắt, phía giữa có cửa lớn đề ra vào, trên cửa có một tấm biển đề mấy chữ : Thông Minh Chính Trực (Tuyên thống Canh-tuất — 1910). Một cái sân lát gạch, hai bên có bồn hoa, nối liền công trước với ngôi chùa. Chùa lợp bằng ngói ống tráng men, một thứ ngói mà ngày nay không còn nữa. Mặt trước của chùa, những bức tượng, áo mào hia đai như trong tường hát. Trong gian phòng rộng treo la - liệt trướng liễn, sơn son thếp vàng, phần lớn do khách thập phương dâng cúng : Đại loại có những câu : « Hải Vũ Ân Quang » (Ân đức của các vị rực rỡ cả vũ - trụ) — Trạch Cập Hậu Nhân (Ân đức rưới xuống đến người đời sau) Khí Túc Nam Châu (Khí anh linh bao trùm nước Nam)

— Đương niên đông khách Nhật-Nam, phụ khuất quyền sinh, di hận nan điền Tinh-vệ thạch.

— Chung cồ chiêu linh hải-thượng, cứu trầm chần nịch, hiện thân thường lập Ngũ-tư triều.

(Đại ý : Năm ấy, người Trung - Hoa là khách của Việt - Nam, chết một cách oan khuất, nỗi oán hận khó lấp, khác nào Tinh-vệ ngâm đá lấp bề. Những anh - hồn linh-thiên, mãi mãi phiêu diêu trên mặt bể giống như ngọn triều Ngũ - tử để cứu những kẻ đắm chìm.

Hai vế câu đối trên lấy điển con gái vua Thiếu-Hiệu, chết đuối ở biển hóa thành chim Tinh - vệ, ngâm đá lấp biển và việc Ngũ-tử giúp vua Ngô. Câu-Tiến dâng Tây-Thi làm mê hoặc vua Ngô, Ngũ-tử can - gián không được, nổi giận nói rằng : Quân Việt sẽ phá vỡ và biến nước Ngô ra thành sông hồ. Vua Ngô trao cho Tử-Tư thanh kiếm bắt phải tự tử. Lúc chết, đầu của Tử-Tư treo ở trên thành, còn xác ném xuống sông, Tử-Tư hóa làm thần sông).

— Khí tự nhi thân giả vi thần, tòng cồ anh linh đa do oan khuất.

— Đức thi ư nhân tắc nghi tự, hưởng đồng tang tử, hưu tại tha hương. (Khí tự lại rồi bùng ra hóa thành thần, từ xưa những kẻ anh linh đền nhân gặp những việc oán hận mà ra. Ân đức giúp cho đời lẽ nên thờ phụng, hưởng cùng quê quán lại ở tha hương).

Trong bàn thờ, tòng rất uy-nghiêm, bài vị, đóng khung sơn son thếp vàng, chạm trổ và đề một hàng chữ : Sác Phong Nghĩa Liệt Chiêu Ứng Bách Bát Anh Linh Thần Vị *

* *

Ngoài việc đến đền Chiêu-Ứng, kêu cầu dễ đi đường được thuận buồm xuôi gió, dân chúng còn đến đền xin thẻ mỗi khi muốn biết điều hung cát.

Theo sách « Chiêu Ứng thiết lục », thì muốn xin một quẻ thẻ, trước tiên phải khấn những câu như sau : Âm dương bất trắc vị chi thần, biến hoá vô cùng vị chi thánh. Thần thánh chi đạo cảm nhi toại thông, cần thú thanh-hương, kiến thành bái khải, cung vọng thán từ, phủ thùy giám nạp. Kim hữu mỗ nhân, vi mỗ sự, cần bổ ngu trung, ngưỡng ư cao thánh, sư hữu cát hung, mặc đảo đồng giám, minh tứ linh tiêm, đại chương báo ứng). Âm dương không lường được gọi là thần, biến hóa vô cùng gọi là thánh. Đạo thần thánh có cảm mới thông, kính cần đốt nén hương thanh khiết, cúi lạy giải tỏ nỗi lòng, ngửa trong lòng từ bi của thần thấu nạp. Nay chúng tôi tên là..., nhân có việc gì đó... kính cần phô bày tấm lòng ngu dốt, ngửa nhờ ân trên soi xét, việc hung cát như thế nào, ban cho một quẻ thẻ linh nghiệm để rõ việc báo ứng.

Thẻ có 50 câu cả thầy, trong đó có những câu :

Thẻ 27. —

Hắc vân già nguyệt ám mông lung,

Am muội môn đình sự vị trung.

Thả nghi thủ cự phương vị cát,

Trục đãi vân khai sự phương thông.

Dịch nghĩa

Mây đen che ánh trăng mờ,

Cửa nhà vận hãm vẫn chưa thỏa lòng.

Bôn ba thôi cũng uổng công,

Mây tan rồi sẽ vẫy vùng muợn chi.

Thẻ 47. —

*Thập tải tiềm tu phụ hựu quân.
Thi thơ bất phụ thế-gian nhân.
Phong vân tương hội kìm triều ngộ,
Tự thị văn chương khả lập thân.
Ta đã mười năm giúp đỡ người,
Thi thơ đâu có phụ người đời.
Ngày nay, mây gió cùng nhau gặp,
Từ đó thân danh mới gặp thời.*

Trong quyển thiết lục này, chúng tôi còn thấy tác giả đưa vào những câu chuyện xảy ra ở Hải-Nam, chứng tỏ các vị ấy đã đem những quyển lục linh thiêng để phù trì cho dân chúng :

1.— Khoa thi Canh ngọ đời Đồng Trị (1862-1874), sĩ tử trong ấp đi thi Hương, thi xong trở về. Trong số sĩ tử có Thái công vừa đỗ hiệu-liêm. Lúc đi đàng bỗng sóng to gió lớn, thuyền bên cạnh đứt dây neo va vào sau lưng thuyền của Thái công. Trong lúc hoảng hốt, người trong thuyền đốt hương cầu chúc 108 vị anh hùng cứu trợ. Trong cảnh sóng gió, phảng phất thấy có người cỡi trên những chiếc ghe nhỏ, che chở cho thuyền, khiến chiếc thuyền đứt dây neo kia phải trôi qua dòng nước khác. Chẳng mấy chốc trời quang mây tạnh, các người trong thuyền được bình an vô sự. Lúc trở về, đề tỏ lòng biết ơn, họ làm một tấm biển ngạch đề cúng vào chùa.

2.— Cũng dưới thời Đồng Trị, vào năm Nhâm thân, — quý dữ, trong tỉnh giặc cướp nổi lên, dân chúng sợ hãi. Thân hào ở Định An, thành tâm cầu đảo Anh liệt chiêu ứng 108 vị che chở. Các vùng lân cận đều bị khuấy phá, riêng có Định An là thoát nạn giặc cướp.

3. — Quang Tự (1875-1902) năm ất hợi, mùa đông, Hiếu liêm Hàn Công ở Quỳnh châu, đến nhậm chức ở Phủ lợi châu, thuộc huyện Từ Vân.

Nhân thân quyển có người chết, ông do đường thủy trở về nhà chịu tang. Đi chưa được bao lâu thì thuyền gãy bánh lái, nước cuốn đi. Trong lúc nguy cấp, Hàn công cùng gia quyến thành tâm cầu đảo 108 vị, nước bỗng trở nên xuôi dòng thuyền về đến nơi đến chốn.

Riêng tại Huế, chúng tôi không được thấy những việc linh ứng nào. Nhưng trước đây, mỗi khi có dịch tả thì nhiều người đã đến đền này đề cầu xin che chở.

*
* *

Vụ tàn sát 108 người Trung-Hoa thờ ở đền Chiêu Ứng, ngoài cái tội ác Của Tôn-Thất-Thiếu và Phạm - Xích, do lòng tham mà ra, ta còn thấy một lý do nữa, tuy là gián tiếp, nhưng không kém phần quan-trọng. Tôi muốn nói đến bọn giặc tàu ô.

Lúc bấy giờ, không riêng gì triều Tự Đức, mà ngay từ các triều trước, bọn Thanh phi (Giặc khách) đã gieo một tai họa cho dân chúng miền biển, cho tàu bè Nam Bắc chở vật hàng về Kinh, cho những thương thuyền đi buôn tỉnh này sang tỉnh khác. Triều đình, xem đó là cả một cái ung-nhọt cần phải điều trị, nhưng thật ra không tìm được phương thuốc nào linh-nghiệm cả.

Nhìn chung tình hình thì ta thấy rằng cứ năm bảy ngày lại xảy ra một vụ cướp trên mặt biển hoặc các địa hạt thuộc miền duyên hải. Thuyền giặc dùng đại bác đề bắn hoặc

áp lại gần các thương thuyền rồi nhảy sang, xử dụng dao búa hay mã tấu có khi súng tay để uy-hiếp hành-khách. Có khi chúng cướp của cải, vật hạn trong thuyền, nhất là lúa gạo, hoặc bắt những chiếc tàu buôn đi theo rồi mất hẳn tấm dạng.

Tuy thế cũng có khi các chủ thuyền, các thủy thủ, may mắn được thoát nạn bằng cách, dùng xuồng hay tròng vượt biển vào bờ kêu cứu.

Tàu đi tuần của triều đình lực - lượng mạnh hơn thuyền giặc nhiều, nhưng chúng vẫn khinh dễ vì thuyền chúng thường thường chạy nhanh hơn. Hễ vắng bóng thuyền tuần-dương thì chúng lại xuất hiện để khùng bố thương thuyền, rồi hễ thấy tuần thuyền thì chúng lại lần trốn. Câu chuyện cứ quanh quẩn như vậy. Nhận thức điều đó, trong một bản Dụ, vua Minh-Mệnh đã nói rằng: . . . Cũng có khi tuần thuyền gặp giặc bắn chết một vài tên, cướp lại thuyền buôn, nhưng chưa từng bắt được cả bọn chúng để xử trị nên chúng vẫn tiếp tục cướp bóc. Duyên do vì các viên quan tuần tiểu sợ sóng gió, nhưng cũng còn một duyên do nữa là tàu đi tuần của ta hoặc thuộc vào loại đa sách (nhiều dây) hoặc loại bọc đồng, bọn giặc vừa trông thấy đã lần trốn, còn nếu phải các loại như Bình hải, Định hải thì nặng nề chậm chạp không đuổi kịp giặc, còn thuyền Ô, thuyền Lê lại quá nhỏ và thấp, chỉ lợi đánh nhau trong sông, còn ra biển gặp giặc rất bất tiện . . .

Nhà vua ủy cho Bộ Binh phải cải chế các loại thuyền, không quá to cũng không quá nhỏ, chạy thật nhanh để đuổi giặc cho kịp...

Như bạn đọc đã thấy, những vụ giặc cướp hồi đó rất nhiều, không sao kể lại hết được, nên tôi chỉ chọn một vụ mà tôi tạm gọi

là vụ điển hình vì những vụ khác phần nhiều cũng tương tự như vậy.

Tài liệu này ở trong Châu - bản triều Nguyễn. Một tờ phiếu của Bộ Binh dâng lên Vua Tự-Đức ngày 9 tháng 4 năm thứ tư

Tàu tuần tiểu gồm có nhiều hạng. Hạng Kinh phái tức từ Kinh Đô sai đi, những chiếc tàu ấy có nhiệm-vụ tuần phòng nhiều tỉnh một lần. Hạng tỉnh phái do các võ quan trong tỉnh đảm nhận và chỉ tuần phòng nội địa hạt trong tỉnh. Còn một hạng nữa chỉ tuần trong từng khu vực do những võ quan chức phẩm nhỏ điều khiển một toán lính ít ỏi. Ngoài ra, tham dự vào cuộc tuần phòng, lại có ông tẩn thủ tức viên quan tuần phòng lại có ông tẩn thủ tức viên quan trông coi cái đồn đóng trên bờ bề.

Ngày 19 tháng tư năm Tự Đức thứ tư (1851) vào lúc giờ thìn (từ 7 đến 9 giờ sáng) Suất đội Võ - Ôc đang đi tuần thì trong thấy một chiếc thuyền buôn đi ngang qua cửa bể Nha Phu, nằm chênh chếch về phía Mũi Cây Sung. Bỗng từ hướng đông một chiếc thuyền trên đó phóng vài ba chục tên Thanh phi phóng tới để cướp đoạt. Trong lúc ấy, Võ-Ôc lại thấy một chiếc binh thuyền của Phạm-phúc-Trung đi trước, chiếc binh thuyền của suất đội Đỗ-Hữu đi sau cách thuyền của Võ-Ôc chừng ba bốn trăm trượng: chiếc tàu đồng Kinh phái của Nguyễn-Học nổi theo đuôi chiếc binh thuyền của Đỗ-Hữu. Thấy mình không đến nổi cô độc, Võ Ôc thừa thế suất thuyền ra bắt giặc. Bọn Thanh phi thấy binh thuyền đến, liền rời chiếc thuyền buôn ra để nghênh chiến với bọn Võ-Ôc. Đánh nhau đã lâu mà Võ-Ôc vẫn không thấy chiếc thuyền nổi trên đến tiếp viện. Bỗng lại xuất hiện một chiếc thuyền giặc nữa, phóng lối 50 tên

cùng với chiếc trước vây đánh Võ - Ốc. Binh lính ít (trong số đó 4 người đã bị đâm chết) lại thiếu cả thuốc đạn nên thuyền của Võ Ốc bị giặc phóng hỏa đốt cháy. Binh lính hết hoảng nhảy xuống biển. Võ Ốc, thơ lại Đỗ-văn-Hy thả xuống một chiếc tròng nho nhỏ để trốn cùng với 3 tên lính nữa. Nhưng chẳng bao lâu chiếc tròng chìm nhưng may nhờ có thuyền chài chèo ra cứu được, còn năm tên nhảy xuống biển đều mất tích. Không rõ vì sao, ngay đến thuyền của viên tấn thủ cũng không thấy.

Tại Kinh, Phó vệ Úy Nguyễn Học được phái đi tuần tại các tỉnh miền trong, trên chiếc tàu đồng Định dương, ngày 18 đến hải phận Khánh hòa, bỏ neo tại Cù Huân. Phó lãnh binh Phạm-Phúc-Trung, do tỉnh phái, đến nơi để đón tiếp.

Đêm đó, thương thuyền của Lê-tấn-Bảo phi báo hiện có hai chiếc thuyền giặc, qua lại ngoài biển. Phạm-Phúc-Trung hay tin liền đến tàu đồng thương nghị với Nguyễn Học rồi cả hai cùng kéo đi bắt giặc.

Theo lời khai của Phạm-Phúc-Trung thì lúc bấy giờ thuyền của Thanh phi cách

thuyền của Trung đến hơn 1.000 trượng. Vì sóng to gió lớn, thuyền của Trung không tiến lên được và ngay cả chiếc tàu đồng của Nguyễn-Học cũng vậy. Bọn giặc thấy thuyền của Phạm-Phúc-Trung liền bắn ba phát đại bác. Trung hạ lệnh bắn trả lại ba phát, bọn giặc hoảng sợ bỏ chạy. Việc Võ-Ốc cùng với giặc đánh nhau hai viên này không trông thấy, duy chỉ thấy khói lửa bốc lên ở mũi Cây Sung mà thôi.

Quan Tỉnh Khánh-Hòa xét thấy lời khai của Võ-Ốc và lời khai của Nguyễn-Học, Phạm-Phúc-Trung không giống nhau nên đã lấy thêm lời khai của những người khác.

Trà-Văn-Lý, người chủ thuyền chài đã cứu sống bọn Võ-Ốc, lời khai giống như Võ-Ốc.

Nguyễn-văn-Tường, viên thơ lại trên chiếc tàu đồng của Nguyễn-Học khai rằng : Sáng 19, y trông thấy một chiếc thuyền giặc đang cướp một chiếc thuyền buôn tại Cây Sung. Khi ấy thuyền của Phó lãnh binh Phạm-Phúc-Trung tiến lên trước, cách thương thuyền chừng ba bốn trăm trượng. Tàu đồng đi sau, cách thuyền Phạm-Phúc-

Sự nghiệp ở nơi danh sơn

Thời đại dân chủ có tự do ngôn-luận. Tự do ấy là kết quả cuộc tranh đấu trường kỳ của nhân loại trong suốt mấy ngàn năm. Ngày xưa, người làm sách không công bố được ý kiến của mình, như trường hợp tác giả bài tự tự của sách Sử ký. Do đấy, có câu : « *Danh sơn sự nghiệp* », chỉ sự nghiệp trước tác phải giấu ở nơi danh sơn để mong hậu thế có người biết đến.

Trung 100 trương. Mọi người đều thấy chiếc tuần thuyền giao phong với giặc. Nhưng lúc ấy vì thiếu gió nên chiếc tàu đồng không chạy được, thấy thế tàu của Phó lãnh binh Phạm-phúc-Trung cũng không chịu tiến tới nữa thành thử tuần thuyền bị giặc tiêu chìm.

Nguyễn Mâu, tẩn thủ của Nha Phu khai : Ngày 19, thuyền của y đi về làng Trăn Thị lấy củi và nước, ngày 20 ra biển tuần, đến Mũi Cây Sung thấy Binh thuyền của Phạm-Phúc-Trung và nghe việc tuần thuyền của Võ Ốc lại bị giặc đốt cháy. Lúc hai bên giao phong với nhau thì y không có mặt tại đó.

Đỗ Tài, tẩn thủ của Cù Huân khai rằng : Y gặp Thuyền hộ (tức thương gia đi buôn trên thuyền) Nguyễn-Đắc-Tường vào ăn núp ở cửa Cù Huân hỏi thì Đắc-Tường cho biết : Y quán làng Cảnh Dương, tỉnh Quan Bình, lần này đi thuyền vào cửa Thuận an buôn bán. Đến cửa Nha Phu, Mũi Cây Sung thì bị giặc chặn cướp, may nhờ có tuần thuyền của Võ - Ốc giải cứu. Thuyền giặc thả thuyền của y ra để giao chiến với binh thuyền, nhờ thế mới thoát nạn. Soát lại trong thuyền thì chỉ mới mất hơn 300 quan tiền, còn 500 quan nữa và các vật hàng thì nguyên vẹn.

Quan tỉnh Khánh-Hòa là Lê-Thiên một mặt trình cho Bộ Binh biết về câu chuyện này, một mặt sai thuyền bè đuổi theo quân giặc, vớt xác những thủy - thủ lên cùng những thứ khí-giới trong thuyền của Võ-Ốc hiện đang nằm dưới biển.

Trong khi trình lên Bộ Binh, quan Tỉnh có đề nghị xử phạt như sau :

Võ-Ốc trông thấy thuyền giặc cướp thuyền buôn, lại trông thấy thuyền của Phạm-Đức-Trung chỉ cách có ba, bốn trăm trương, tại sao không phi báo, tự tiện một mình khinh suất giao phong với giặc để phải thất bại. Tuy anh dũng chống với địch không nghĩ đến thân khiến thuyền buôn nhờ đó mà thoát nạn, thì cũng nên lượng tình nhưng việc để thất trận, tội ấy rành rành ra đó.

Tẩn thủ Nguyễn-Mâu, cướp xảy ra trong hải phận mà không hay biết. Phó lãnh Binh Nguyễn-Phúc-Trung, Suất đội Đỗ - Hữu, Phó vệ Úy Nguyễn-Học mục kích thuyền giặc mà không đến cứu, tội quá rõ ràng, và riêng quan Tỉnh Khánh-Hòa cũng xin chịu tội về việc sai phái không nghiêm.

Bộ Binh dâng phiến lên vua Tự-Đức với những lời luận tội : và vua y theo lời đề-nghị của Bộ (Đoạn này tôi xin dịch theo nguyên văn);

*Bộ chúng tôi vâng xét : Thuyền Thanh phi chặn cướp thương thuyền ở Mũi Cây Sung, mà tẩn-thủ sở tại lại không hay biết gì cả. Các thuyền Kinh phái, Tỉnh phái đều mục kích thuyền giặc nhưng lại không đến cứu khiến cho binh thuyền thất trận. Chiếu theo lệ tuần dương thì Tẩn-thủ bị giáng 4 cấp, quân vệ cơ giáng 2 cấp, suất đội giáng 1 cấp. Nếu trong khi xảy ra việc giặc cướp, tuy không bắn giết hay bắt được giặc nhưng giải cứu được thuyền buôn, thì được khỏi tội. Nếu thấy thuyền giặc mà không đuổi theo cho đến kỳ cùng lại tìm cách ăn núp lại có ý rút lui, việc phát giác sẽ bị nghiêm trị v.v... Nay xét Võ-Ốc tuần phòng thất bại tội ấy không chối cãi được. Nhưng gặp giặc liền anh dũng tiến tới, cứu được thuyền

buôn, nhưng vì binh lính ít nên không dịch nôi lại thêm viện binh không đến mới phải thất trận, tội ấy cũng đáng dung tha nên chỉ phạt giảm hai cấp lưu. (Lưu là ở lại, không phải dời đi nơi khác). Còn Tinh phái Phó lãnh binh Phạm-Phúc-Trung, Kinh phái Phó vệ úy Nguyễn-Học, trong lúc đi tuần chính mắt trông thấy thuyền giặc cùng tuần thuyền giao chiến với nhau, không chịu tiếp ứng ngay để đến nỗi Võ-Ốc cô thế thất lợi. Hỏi các nhân chứng đều nói rằng thuyền của hai viên ấy cách thuyền của Võ-Ốc không xa, thế mà lại trù-trù không chịu tiến tới, lại lấy cớ sóng gió, rõ ràng khiếp nhược, yếu đuối. Phó Lãnh binh Phạm-Phúc-Trung Phó úy Nguyễn-Học đáng lẽ phải cách ly (cách chức dời đi), nhưng hiện nay đang ở vào thời tiết tuần phòng, nên hai viên ấy nên cách lưu (tuy cách chức nhưng vẫn lưu lại để dùng) khiến

phải đốc suất binh thuyền đuổi bắt cho được bọn giặc để trị tội, nếu không được công trạng gì sẽ xử trị sau. Suất đội Đỗ-Hữu của tinh phái, và các viên suất đội Kinh phái nghĩ nên giảm tội, giáng 2 cấp lưu; Tấn-thủ sở tại là Suất đội Nguyễn-Mâu nên chiếu theo lệ « tuần dương » giáng 4 cấp; các quan tỉnh đốc suất không nghiêm đều bị giáng 1 cấp lưu, còn những binh丁 đã chết thì Tinh cấp tuất rồi, còn những tên bị thương phải chiếu lệ cấp tiền hai quan. Mấy tên thất lạc, Tinh phải tra cứu cho ra, những khí giới bị chìm phải lặn lên cho đủ. Nay vào lúc trời yên bể lặng, thương thuyền thường thường lai vãng. Vậy các tỉnh phải tuần phòng trên mặt bể cho được cần mật để bọn cướp không còn dám hoành hành nữa.

BỮU-KẾ

(còn tiếp 1 kỳ)

- ★ Có nên ra nhiều chỉ-thị và nhiều quy-tắc không? Đó là vấn-đề tùy theo từng người và từng biện-pháp. Ra nhiều quá thì hóa nhàm, ra ít quá thì mất thì giờ và sức lực, vì phải luôn miệng nhắc đi nhắc lại mãi. Ở đây, vẫn phải dung hoà khiêu tình - nhuệ với náo qui - cũ. (Courtois)

Điều bay cá nhảy

Hán văn có câu chỉ cái động tác tự nhiên, không được ép : « *Diên phi ngư được* » điều thì bay, cá thì nhảy. Ý nói : động tác tự nhiên của con điều thì bay, của con cá là nhảy, không nên bắt con điều nhảy, con cá bay. Nguyên-Điền có câu giải thích chân lý ấy rõ hơn : « Chim không thể chạy, ngựa không thể bay, can gì chê nhau những điều không thể hay ».

Dòng tư-tưởng...

« Tề thiên hạ »

Trần-Bình, đời Hán, khi hàn vi, lĩnh việc tề nhục cho làng ; Bình làm việc rất mực chu đáo, chia thịt rất phân minh, khiến mọi người đều hài lòng. Lời khen của dân làng lọt đến tai Bình, Bình than : « Nếu sau này Bình tề thiên hạ thì Bình cũng sẽ khéo léo như tề nhục lúc này ! ».

Về sau, quả nhiên, Bình trở nên một bậc tề tướng đại tài.

Có người cho sở nguyện « tề thiên hạ » của Trần-Bình đạt được là nhờ bởi hai yếu tố mà phàm người muốn thành công to tát không thể không có : một việc dù lớn nhỏ, phải cố tiến tới chỗ tinh vi, tận thiện tận mỹ, và đang khi làm những việc tầm thường thời vị ngộ, vẫn dưỡng thành chính khí, dám suy nghĩ những phần việc lớn lao, đem lại phần vinh, hạnh phúc cho dân tộc.

PHẠM-HOÀNG

BÁCH KHOA XCIII

SỐNG MẠNH HAY KHÔNG SỐNG MẠNH ?

ĐOÀN-THÊM

Có những thứ vải Mỹ được nhiều người dùng, tôi quen mắt cũng dùng theo may quần áo, mặc khá lâu và tin là tốt, rồi sau mới có lần chợt nghĩ: quái, mình ở xứ nóng mà mang toàn màu sẫm, tối đen để bắt nắng hay sao? và trong khi phụ-nữ các giới bận quần trắng, đàn ông hầu hết mặc quần thẫm, trái hẳn thời xưa, vì sao vậy?

Có nhiều tiếng nhiều chữ, thầy nhiều người nói hay viết, tôi cũng viết hoặc nói theo; mãi mãi rồi nhân dịp nào đó, tôi ngẫm lại mới thấy khía cạnh khác, ngờ vực ý - nghĩa thông-thường mà bao lâu tôi đã yên trí là đúng, có khi phải tiếc rằng mình nhẹ dạ dễ tin: tí như trường-hợp một thành - ngữ với thành-kiến mà nó bao hàm, nhất là ở phạm-vi văn - chương nghệ-thuật: *sống mạnh*.

*
*
*

Tôi thường được nghe:

— Làm văn - nghệ phải sống mạnh, nghĩa là phải xông pha lặn lội, nếm hết vị chua cay, mặn chát, tìm những xúc cảm sâu xa trong mọi nỗi vui buồn chỉ thấy trong cảnh sóng gió và nhất là ái - tình. Phải vượt ra ngoài các nề nếp, mực thước nó ép kẹt tâm - hồn vào những khuôn mẫu «lành-mạnh», «tiểu - tư - sản», «trường - giả». «Chí thú» thì đừng làm văn-nghệ, có thời giờ thì dắt vợ con đi hóng mát có lẽ thích-hơn với những con người thích ngay ngắn, bằng phẳng, đúng giờ. Một cái máy mà làm văn, có khéo lắm cũng chỉ đèn mực ngoan ngoãn «chân chỉ hạt bột»; làm thơ, thì đúng niêm luật và tròn tru là cùng. Máy văn thơ thơ sao có được tính - chất văn - nghệ để phổ cập các tầng lớp xã - hội? Phải liễu - lĩnh, ngang - tàng, say sưa trong những cảm-giác mới lạ, và chịu những

SÔNG MẠNH HAY KHÔNG SÔNG MẠNH ?

cảnh đau khổ về vật - chất hay tinh-thần mới hấp thụ được nhiều sinh-khí mà đem vào tác - phẩm cho sung túc để truyền cảm. Còn nếu đầy đủ trong cảnh vinh-thân phì-gia, thì cứ việc tọa hưởng, chớ đem cái tâm - hồn nồng cạn tự-mãn tâm-thường vào lãnh-vực mộng mên của văn-nghệ làm chi ?

Vì muốn tìm hiểu kỹ, tôi đã xin giải - thích rõ xem những đặc - tính quan-trọng nhất của «đời sông mạnh» đó là gì, thì được biết : yêu, yêu tha thiết, yêu nhiều lần và càng nhiều người càng hay, sẽ có thể cực sướng cực khổ và cảm mạnh, thương, nhớ, giận, ghen, sầu, ghét, mừng... nếu chỉ lấy vợ đẻ con thì khô khan hẹp hòi lắm, hiểu sao nỗi người đàn-bà là vai trò trọng-yếu trong mọi tác-động và tác-phẩm văn-nghệ ?

Từ khi tôi còn ở trung - học, vài ông thầy, dăm tác-giả lãng-mạn, một số bạn sớm rẽ ngang vào văn-nghệ, đã xác nhận khiến tôi càng tin những điều kể trên, cho tới khi đọc nhiều và nhận xét kỹ hơn về những cuộc đời văn-nghệ-sĩ.

Sự thành-công trong văn-nghệ, dĩ-nhiên đòi hỏi một tinh-thần phong-phú, kết-tinh của những cảm-giác dạt dào hay sâu rộng, những kiến-thức do sự huân - luyện và tiếp - xúc với nhiều thực-trạng sinh-hoạt trong nhiều hoàn-cảnh và biến-chuyển, cùng sự giao-hưởng của tất cả các sự vật trong tâm-hồn. Ấy là chưa kể khả-năng tiếp nhận, khai thác, và sử dụng cái nguồn chan chứa đó.

Nhưng làm sao tạo được sự kết-tinh giàu mạnh kia ?

Chưa ai có thể trả lời một cách dứt khoát, và sự quả-quyết ở đây chỉ là một sự táo-bạo hoặc chứng tỏ lối nhìn một chiều.

Người thời xưa thường tin là nhờ ở « tú-khí giang-sơn » chung đúc lại. Nhưng trên giang-sơn có hàng bao nhiêu triệu người, sao chỉ qui tụ vào một số rất ít ? Tại mạch đất kết phát, hay số tử-vi của đương-sự có nhiều văn-tinh ? Ấu cũng là một cách giải-thích để che đậy sự không hiểu mà thôi.

Về sau, người ta xét thân-thể của tác-giả để cắt nghĩa tác-phẩm và tài-nghệ, theo lối một số nhà phê-bình phương Tây, thì thấy một số văn-hào, thi-sĩ, họa-sĩ, nhạc-sĩ... sống một cách phóng-túg (như Lý-Bạch, Verlaine) phong-trần (như Villon, Nguyễn-Công-Trứ) mê-ly lãng-mạn (như Musset, Beaudelaire) bệnh hoạn hay đau thương (như Van Gogh, Beethoven) rồi có những người kết luận vội vàng rằng các văn-nghệ-sĩ khác đều phải như thế, và hơn nữa, nếu không như thế, tất chẳng thể làm văn-nghệ.

Khi còn nhỏ, tôi đọc truyện thấy vài ba công-chúa đẹp, rồi sau đó, hễ ai nói đến công-chúa là tôi liền tưởng ngay đến nhan-sắc lộng lẫy : về sau tôi đã được chiêm ngưỡng hình ảnh nhiều con gái vua trên các tạp-chí ngoại-quốc : nhiều nàng răng vâu, mắt quặm, hay lùn mập. Đến khi võ vẽ văn-học, đã có hỏi tôi tưởng phải gặp cảnh

đời bi thương, hoặc tạo ra cảnh đời
buông thả khác thường, thì mới
có tâm-hồn tài-tử; đến nỗi hễ nói đến
họ, là tôi nghĩ liền đến những vị rên
la « thể-thái nhân-tình » than vãn về
sự « trăm-thăng, vật đổi sao dời », rung
đui ở xóm ả-đào — hộp đêm thời
trước — đời rượu « tiêu sầu vạn-cổ »,
(theo lời nhiều người thời trước);
hoặc nhớ tới cặp mắt mơ màng,
những mái tóc bờ phờ, lúc nào cũng
tơ mơ một em mộng-tưởng ở bờ
hồ hay vườn vắng, những bộ mặt
chiêu đăm hay những thái-độ ngôn-
ngữ phần nộ của kẻ sẵn sàng nổi
loạn chồng ai hay cái gì (theo lời một
số người phương tây). Một số bạn
học của tôi hồi đó đã nhập hàng ngũ
này và khuyến khích tôi theo gót. Song
tôi nhút nhát không dám, hay nghi ngờ
nên đã cố tìm tòi để tự giải đáp những
nỗi thắc mắc:

*Có thể sống trong sự sung-túc mà
làm văn-nghệ không, hay là sự thỏa-
mãn về vật-chất bóp nghẹt nghệ-
thuật?*

Phần đông thi văn-hào Âu Mỹ xưa
nay có mức sống cao hơn nhiều của
đại-đa-số chúng ta ở giai-cấp trung-
lưu: Ronsard, Racine, Corneille, v.v...
đều viết trong cảnh dư-dật, ấy là chưa
kể những ông giàu có như Montesquieu
hay Voltaire. Victor Hugo, Marcel
Proust, André Gide, François Mauriac
v.v... đều là con nhà phoung-lưu từ
nhỏ. Những lâu đài của Picasso hay
biệt-thự của J. Cocteau, những đồng
Mỹ-Kim Anh-Kim của Hemingway
hoặc S. Maugham chẳng khiến họ kém

sút tài-năng: trái lại, đáp máy bay vèo
sang Phi-Châu hay Á-Châu tìm cảm-
hứng, vẽ hay ngâm vịnh cạnh ly rượu
quí giữa vườn hoa thơm, hình như
cũng nhiều thú-vị hơn đề dễ dàng
sáng tác.

Có lẽ chúng ta quen cảnh nghèo,
nên hay ngờ rằng bụng no thì óc bí và
bút cùn? V. Hugo được nuôi dưỡng
bằng nhiều mỹ-vị, có khi ăn nửa con
cừu, ở những toà nhà độ-sộ hay
lộng lẫy dù Les Feuillantines hay tại
chôn tị-nạn Jersey và Guernesey:
tại sao vẫn thành thi-bá? Tôi chỉ mơ
ước cho mỗi văn nghệ-sĩ Việt-Nam có
ngôi biệt thự đầy cây leo bóng mát
như của E. Zola ở Medan, hoặc của
Colette ở Saint-Sauveur. Mỗi người
cầm bút của chúng ta, biết đâu không
viết được nhiều và hay hơn, nếu có
một phòng riêng làm việc phong-quang
tĩnh-mịch, với những ghế êm bàn
rộng, tranh tượng và tủ cao chứa hàng
trăm pho sách gáy vàng như của P.
Bourget, A. France, J. Moréas, R. Ba-
zin, S. Prudhomme, H. Bordeaux, A. Gi-
de v.v... mà tôi đã được ngắm nhiều
hình ảnh.

*Địa-vị xã-hội và nghề - nghiệp có
thể tương-khắc với nghệ - thuật
không?*

Nói một cách khác, những địa-vị
và nghề nghiệp đó, bởi ràng buộc vào
những lễ-lỗi hoạt-động máy móc, có
thể nào làm khô cạn tình cảm, thu hẹp
nhõn-giới, và lỏng ép cả lý-trí vào
những khuôn mẫu cứng nhắc không?
Vị nếu quả như vậy, thì văn-nghệ-sĩ

SÔNG MẠNH HAY KHÔNG SÔNG MẠNH ?

khó lòng kiêm nhiệm-vụ nào khác việc sáng tác ? Nhưng có thực chẳng ?

Chateaubriand, Stendhal, P. Claudel, J. Giraudoux, S. John Perse, J. Supervielle... vốn là công chức cao-cấp ngạch ngoại-giao, đã từng giữ trách-nhiệm tổng lãnh-sự, sứ-thần, đại-sứ, tổng thư-ký, đặc-phái-viên, tổng-ủy : họ vẫn thành văn-hào, thi-sĩ, kịch-gia nổi tiếng. Họ chẳng thua kém người Việt người Tàu thời trước ; người Á-Đông làm vua như Lê-Thánh-Tôn hay Tự-Đức, trị dân hay đánh giặc như Nguyễn - Du, Nguyễn - văn - Thành, Nguyễn - Công - Trứ, Yên-Đỗ, Chu-Mạnh-Trinh... vẫn làm văn thơ để lại cho hậu thế. Nhiều người đậu tiến-sĩ và xuất chính thời nhà Đường mà thành ra những Đỗ - Phủ, những Vương-Duy, Vi-Thừa-Khánh, Trương Cửu-Linh, Liễu tôn-Nguyên v.v...

Đại-Tướng Gustave Leroy, chỉ huy-trưởng Cao-Đẳng Bách-công, tham-mưu-trưởng quân-đội Pháp năm 1944 đã làm một tập thơ hay mà nhiều báo đã lấy đăng hoặc đem phát thanh.

André Maurois, con nhà kỹ-nghệ, nổi nghiệp cha điều-khiển nhà máy dệt : người chưa biết ông, đoán ông chỉ có khả năng tổ-chức, tính toán, tăng gia sản - xuất và sống một đời thiết thực. Nhưng ông là tác - giả trứ - danh 9 tiểu - thuyết dài, 11 tiểu-thuyết ngắn, 7 truyện cho nhi-đồng, chưa kể 12 cuốn tiểu - sử, 3 bộ sử, 46 tập bình-luận về mọi văn-đề văn-hóa, kinh-tế, triết-lý, xã-hội, chánh-trị, phổ-thông và không biết cơ

man nào bài báo chí : ở nước ông, người ta chẳng hề lầy lầm lạ.

Saint-Exupéry là phi-công giỏi, lại rất chuyên-chú vào cơ khí, đến nỗi một mình có 13 bằng sáng-chế, tuy vậy vẫn nổi danh với những tác-phẩm như « Bay đêm Vol de nuit », « Đất của loài người Terre des hommes », « Phi-công chiến đấu, Pilote de guerre ».

Theo một tài-liệu mới đây, thì tại Huế-Kỳ, trong 15.000 thi-văn-sĩ, chỉ có chừng 200 người chuyên sống về ngòi bút, còn thì phải kiêm một hoạt-động khác làm sinh-kê. Chắc hẳn cũng chẳng có mấy nghề « thơ mộng » (J. Rosenthal, Anatomie de l'écrivain — Information et Documents No 117),

Có cần sống một đời buông tuồng, cực nhọc, sóng gió, hay cứ giữ mực thước theo nếp sống chung của mọi người khác, cũng có thể thành văn-nghệ-sĩ ?

Đời tư của nhiều văn-nghệ-sĩ có tên tuổi, chẳng có chút gì kỳ-dị để viết tiểu-thuyết hoặc đem quay phim điện-ảnh.

Thi-hào P. Valéry sống phăng lạng với con cháu, dù khi làm công-chức bộ Chiến-tranh, làm nhân-viên hãng thông-tần Havas, hoặc giáo-sư Cao-học Pháp - Quốc Collège de France, F. Mauriac nhà văn Công-giáo, thì lúc nào cũng nghiêm-nghị, chừng chặc, đàng hoàng ; — M. Proust chỉ lui tới vài phòng khách văn nhân rồi tha-thân trong nhà vắng mà suy nghĩ.

ĐOÀN-THÊM

Claude Farrère, Pierre Loti là những sỹ-quan thủy-quân, phải sống trong kỷ-luật như St. Exupéry hay G. Leroy ; ăn mặc đứng ngồi nói năng đều theo khuôn phép : nhưng đã ai phủ nhận biệt-tài sáng-tác của những quân-nhân đó ?

Ai tò mò đọc tiểu-sử những vị kể sau — đã lừng tiêng ở Âu-Mỹ —, cũng khó lòng tìm ra thái-độ hành-vi nào lạ lùng ; trái lại, họ sống một cách bình dị, êm đềm, vui vẻ cùng gia-đình hoặc các bạn thân :

Fenimore Cooper,	tiểu - thuyết - gia	Huê - Kỳ	(1789 - 1851)
Washington Irving	— — — —		(1783 - 1859)
H.W Longfellow,	thi-sĩ		(1707 - 1882)
Arthur Rubinstein,	nhạc sĩ	hiện còn sống	
Leonard Bernstein,	—nt—	—nt—	
Cole Porter	—nt—	—nt—	

Ở Huê-Kỳ hiện nay, trừ một nhóm lập-dị « Beatnick » đại-đa-số các thi-văn-sĩ sống một cách ẩn dật, không hay tụ họp ở các ca-lâu-từu quán như ở Pháp, đó là một đặc-điểm rõ rệt nhất tại Hợp-Chủng-Quốc Mỹ, theo lời J.Rosenthal (D'abord, et c'est sans doute le trait le plus marquant, l'écrivain américain est un solitaire. Aux Etats Unis, peu de cafés littéraires, encore moins de salons dans les grandes villes).

Nhiều vị cũng có hạnh-phúc, thầy tình yêu trong gia - đình, chớ cũng chẳng phải điều đứng vì những người đẹp hay nàng thơ nào hết : văn-hào Saint-Exupéry, nhạc-sĩ Cole Porter, tiểu-thuyết gia Scott Fitzgerald (1896-1940) đều cưới được bạn gái tâm đầu ý hợp. Nhạc-sĩ Rubinstein, mà cả thế-giới mến tài, chỉ thích 4 đứa con nhỏ và mong cứ 10 năm lại sinh được một đàn tương-tự.

- * Mỗi người cầm đầu đều phải tìm cách phát-triển ở nơi kẻ dưới quyền, lòng tự tin và não độc sáng.
- * Sau một lỗi phạm, cần phải tìm xét lai do của lỗi phạm ấy và giúp cho kẻ lỗi phạm tự hiểu đáng lẽ họ phải nên hành-động thế nào.
 Khi người dưới hành-động vì thiện-chí, mà người trên trách vắn họ khiến họ mất lòng tự tin đi, thật người trên đã phạm một sai lầm quan-trọng.
- * Nhân từ và kiên nhẫn không phải là dấu hiệu của sự yếu đuối, nếu người dưới cảm thấy sau lòng nhân từ và tính kiên nhẫn phát xuất tự thâm tâm ấy, có ý-chí cương-quyết đạt cho tới được mục-đích đã ấn-định. (Courtois)

SÔNG MẠNH HAY KHÔNG SỐNG MẠNH ?

Nhưng « chí thú » đền tiết hạnh khả phong như thế, thì làm sao tìm nguồn rung cảm và nhất là biết đàn bà ?

Có lẽ chẳng mấy thi-hào thấu triệt âm lý phụ-nữ bằng Racine, và giá-trị các vở kịch của ông phần lớn nhờ sự diễn tả một cách vô-cùng linh-động, xác-thực và sâu-sắc những trạng-thái biến chuyển và ảnh hưởng của yêu thương ghen ghét giận thù giữa nam nữ. Song có một điều rất lạ, mà các nhà phê-bình văn-học chưa giải thích nổi : Racine có một căn-bản công-giáo rất nghiêm-khắc, và không hề sống một cách lãng-mạn, tại sao đi tới kết quả trên ? Có người cho là ông đã một hồi say mê đào hát Champmeslé ; song nhiều vị khác không chịu, vì thiếu tài-liệu bằng-chứng cụ-thể, chắc vì nàng có tài và được đóng nhiều vai chính trong tuồng của ông, nên thiên-hạ dễ nghi ngờ. Theo tu - sĩ Brémond (1) thì Racine chẳng cần phải chính mình yêu mới tả nổi ái-tình điên cuồng, chỉ cần linh cảm thấy ở mình ít nhiều, rồi quan sát kẻ khác mà thấu rõ. F. Mauriac không tin hẳn như vậy, song cũng phải chịu rằng bí-quyet của Racine có tính-cách huyền-diệu « un miracle » (2).

*
* *

(1) « On est tenté de supposer que si Racine a si bien peint la passion extrême, l'amour-maladie, c'est qu'il l'a ressenti pour son propre compte. « Cela n'est point nécessaire. Il suffit que le poète en ait pu étudier en lui-même les commencements et chez d'autres les extrémités... » (Abbé Brémond).

(2) F. Mauriac — Vie de Jean Racine.

Tóm lại sự « sông mạnh » như một số người đã quan niệm, không thể coi là điều-kiện tối-yếu của tất cả các môn các ngành, và các đường lối nghệ-thuật.

Ngoài những rung cảm lãng-mạn, còn những tâm-tình trong sạch hay thiết tha sâu rộng, mà bức tài đức thấu rõ để diễn tả và kích động ta, không cần gặp sự đảo lộn cuồng nhiệt chi hết.

Họa-sĩ Matisse sông lành mạnh, chẳng phải lạc loài đau khổ như Van Gogh : cũng thành bắt-tử với màu sắc lộng lẫy.

Lời lẽ thông thiết lâm-ly của Đặng-Đức-Siêu khóc Ngô-Tòng-Chu, Võ-Tánh, chỉ có thể bật ra khi tâm-hồn biết thâm phục tiết-thảo anh hùng : mà sự thâm phục đó, do giáo-dục chứ không phải do sự bôn ba trăm bồng trong đời.

Thăm dò tiềm-thức để mong bắt gặp bản-ngã mà thuật lại, cũng vẫn nên thơ lãng lãng như mây hay óng ánh như ngọc : trường-hợp P. Valéry. Sự đẹp có thể tìm thấy bất-cứ ở đâu, không riêng ở những tình cảnh phi-thường.

Tập thơ không vắn « Odes » của P. Claudel, ký-sự « Notes intimes » hay thi-phẩm « les Chansons et les heures » của bà Marie Noël, không phải là kết-quả một cuộc sông phong-trấn trong xã-hội : đó là những tiếng kêu cầu ánh sáng, những khát-vọng đời sông siêu-phạm, hoặc những thắc-mắc về tôn-giáo của những tâm-hồn đã từng bị

xâu xé giữa hoài-nghi và tín-ngưỡng, mặc dầu thân-thể các tác-giả không hề bị sóng gió quay cuồng.

Nói theo giọng thầy bói, thì có nhiều vị « thân nhân tâm bất nhân » nên không lẫn lộn giữa nhân-quần, mà vẫn có nợ duyên cùng văn-ngệ. Họ xông pha ít, nhưng nhìn kỹ nghĩ nhiều, khiến đời sống nội-tâm dào-dạt dù bề ngoài yên - tĩnh, và bất cứ họ làm gì, kỹ-sư, phi - công, kỹ - nghệ-gia, đại-sứ hay nhân-viên bàn giấy bộ Quốc-Phòng. Họ cũng biết thưởng thức mọi vẻ đẹp, hoặc giữa vàng lụa, vẫn đau buồn theo số kiếp chung con người, sáng tác để thoát ly hoặc tô điểm và tìm ý-nghĩa cho sự sống.

Sống mạnh để sáng tác, phải chăng còn là nhận xét cho kỹ ngoại-giới hay nội-tâm, theo dõi mọi đường lối biến chuyển, tìm hiểu mối tương-quan ảnh-hưởng của sự vật, để tới những đặc-sắc gì mà rút kinh-nghiem cho sự sinh-hoạt của mình hoặc của những người chung quanh ta ? Những cảnh tình giao cảm với ta, có khi phải tìm mới thấy, hoặc thường ngẫu-nhiên xảy ra và hiện ra trước mặt ta. Ta muốn đóng hay phải đóng vai chủ-động buồn vui, nhưng cũng có thể chỉ làm khách bàng-quan chăm chú ?

Có những trạng-huồng éo le khe khát phải do chính mình từng trải mới đem nổi chắt sống vào tác-phẩm « đoàn-trường ai có qua cầu mới hay », như lời cụ Nguyễn-Du. Vì có như vậy mới cảm xúc mạnh được.

Bởi rần mình vào cảnh gian - lao, André Malraux đã nhận định rõ tinh-thần trách-nhiệm và ý-nghĩa sự sống trong hoạt-động và nguy-nan, để viết bộ sách có giá-trị như « Thân phận con người, Condition humaine ».

Nhưng cũng còn biết bao nhiêu loại văn khác đòi hỏi những điều-kiện khác.

Vẫn có thể cảm xúc mạnh khi chỉ đứng ở địa-vị quan-sát-viên. Đó là trường-hợp nhiều tác-giả, nhất là khi chọn những đề-tài ở ngay quanh mình, ở gia-đình, ở giới đồng-nghiep, ở cuộc đời bạn bè, ở những câu chuyện xảy ra hàng ngày nhưng đầy ý-nghĩa nếu biết phân tích. Những đề-tài đó đòi hỏi những con mắt biết soi xét, những bộ thần-kinh bén nhạy, những trí-não biết suy luận, hơn là một cách sống chìm nổi ba đào ở tác-giả. G. Courteline hài hước về những cảnh mà ai cũng có thể thấy : hà-tất buộc ông phải có cuộc đời khác thường ?

Trái lại, từng trải bao nhiêu quốc-biên trong 15 năm qua, và cũng chịu đựng bao nỗi lao khổ bị thương, mấy chục triệu đồng-bào chúng ta đã sống trong những kích-thích đảo-lộn mãnh-liệt, không ai có thể chỗi cãi : nhưng tại sao trong cuộc sống như vậy, mà chúng ta vẫn còn đương mong đợi những kiệt-tác thành-công đặc-biệt, được đại-đa - số coi như điển - hình của thời-đại ?

Ngược lại, những G. Flaubert, V. Hugo những J. M. de Herédia, tuy không rần mình vào những cuộc biến-động chính-

SÔNG MẠNH HAY KHÔNG SÔNG MẠNH ?

chiến vẫn làm sông lại được một cách hùng hồn linh hoạt, nhiều giai đoạn lịch sử đã qua với ánh sắc của mỗi thời ? Hàng triệu quân-nhân đã theo Nã Phá-Luân ra vào khói lửa trong hai mươi năm : song nào có ai tả được những trận Moskowa hay Waterloo bằng tác-giả « Les Châtiments » và « Les Misérables », tuy ông chẳng có mặt tại các chiến-trường ?

Nói thế chẳng phải chủ trương rằng sáng-tác chỉ là tưởng tượng, nhưng để chứng tỏ không cần đóng vai chủ-động trong những trường-hợp dùng làm đề-tài, cũng nhiều khi xây dựng được công-trình văn-nghệ, nếu biết căn cứ vào những tài-liệu xác-thực, hình dung được những cảnh tình đã qua, và cảm mạnh để làm sống lại những cảnh tình đó.

Văn-đề quá phức-tạp, chúng ta còn phải nghiên-cứu nhiều hơn. Dù sao, tôi thiết nghĩ : *muốn làm văn-nghệ, vẫn có thể sống như người mọi giới, một cách ôn lương dung dị, không buộc phải đứng ngoài lề gia-đình xã-hội, nhưng hòa mình vào cuộc sống chung.*

Cuộc sống vô biên với muôn vàn sắc thái, mỗi con người văn-nghệ ở bất cứ xứ nào thời nào, chỉ có thể tự hạn trong một lãnh-vực nào đó, để mong bắt lấy một vài khía cạnh mà thôi : nào đã chắc đâu ?

Cho nên, nếu người khác đứng trong lãnh-vực khác và tìm những khía cạnh khác, ta đừng vội chê là không « sông mạnh ».

B. T.

Hộp thư Bách-Khoa

Cùng các bạn gửi bài về số « Bách-Khoa Đặc-biệt kỷ-niệm Đệ tứ chu-niên » (15-1-1961)

Để có đủ thời-gian lựa chọn, trình bày, minh họa chu-đáo số « Đặc biệt kỷ-niệm Đệ tứ chu-niên Bách-Khoa », trân trọng mong các bạn gửi bài về Tòa-soạn Bách-Khoa trước ngày 30-11-1960.

Những bài gửi đăng xin các bạn viết cho một mặt giấy và rõ ràng để tiện việc sắp chữ. Xin ghi địa chỉ cùng tên thật để chúng tôi tiện liên-lạc trao đổi ý kiến với tác-giả.

B. K.

NỮ - SĨ NHẬT

NGUYỄN-CHÂU dịch



TOSHIBUMI NAKAJIMA

Từ mấy năm gần đây, các nữ tiểu-thuyết-gia, nhất là các cây bút thuộc lứa tuổi hai mươi, đã tạo được những tiên-bộ ngoạn-mục trong làng văn Nhật. Người ta có thể mệnh-danh nó là một kỷ - nguyên của phụ - nữ thông-minh. Biết bao tác-phẩm do họ sáng-tác đã được quán-chúng Nhật niếm - nở đón nhận, và khi được phóng-tác thành chuyện phim và kịch-bản, những tác-phẩm vừa kể vẫn gặt hái được những thành-công tương tự. Tuy nhiên, vì phần lớn những tác-phẩm đó chưa được dịch ra ngoại-ngữ và giới-thiệu với năm châu, nên giá-trị quốc-tê của chúng vẫn chưa định được.

Dẫu vậy, đây là lần thứ nhất đối với Phù-Tang, và có lẽ đối với bất cứ một quốc-gia nào, mà trong một

khoảng thời-gian hết sức ngắn ngủi như vậy có đến gần chục nữ - sĩ tạo được thanh-danh và được đa số độc-giả trong nước tán-thưởng đến thế. Điều này một phần lớn chắc chắn là nhờ ở sự thay đổi bi-thiết trong nền tảng xã-hội Nhật từ thời chiến. Vì trong xã-hội phong-kiến và quân-phiệt thời tiền-chiến, chỉ riêng một sự-kiện thuộc phái yếu cũng đủ khiến cho họ bị cầm - đoán không được dự vào những tiên - bộ xã - hội. Với sự đầu hàng của Nhật, dân-chủ được đưa vào Phù-Tang Tam-Đảo, tu sửa kiến-trúc xã-hội theo hình-thức mới. Đặc-biệt hơn cả, nó đã hiến tự-do và những hy-vọng không bao giờ dám mơ tưởng tới cho người đàn bà Nhật, lớp người mà từ trước đến nay bị buộc chặt với gia - đình và buộc phải chờ hết thời - giờ cũng như

tâm - lực vào việc tế - gia nội-trợ. Trong xã-hội hiện tại, chẳng còn ai hoài hời bàn-cãi về cái quyền xác-định tín ngưỡng cá-nhân và những ham muốn tự-nhiên của con người, miễn là có những giá-trị thích-đáng về quyền-lợi cũng như bốn phận đi kèm với những hành-vi vừa kể. Người đàn bà Nhật, tự xóa mình đi trong tập tục cổ-truyền và hệ-thống gia-đình, nói khác đi, người đàn bà không cá-tính, vẫn còn được đa số phái lão coi như mẫu người lý-tưởng, nhưng nam cũng như nữ giới thuộc thể - hệ tr , đã thấu hiểu cái ý nghĩa chân-thực của sự tự xác-định. Và, khi mà sự luyện-ái của con người là chủ - đề phổ-thông và quan-trọng nhất trong các tiểu - thuyết, thì những cây bút trẻ thuộc nữ-giới đang mô-tả và tìm tòi sự thực của nó kia, có thể là đang hoàn thành một sứ-mạng quan-trọng trong việc chỉ dẫn cho người đàn bà Nhật cái hướng đi tinh-thần của họ.

*
**

Ayako Sono

ột ngày nọ trong năm 1951, nhà phê-bình văn-ngệ hữu-danh Yoshihimi Usui được một thiếu-nữ có dáng dấp một nữ sinh-viên Đại - Học đến thăm. Cô ta cho biết bút-hiệu là Ayako Sono, một tên quen thuộc với ông ta. V hời đó Usui có phụ-trách một mục trên tờ báo văn - nghệ Bungaku Kai (Văn-Học Giới) tháng tháng phê-bình các tác-phẩm do các văn-đoàn khắp trong nước phát - hành, ông ta đã nhận thấy Ayako Sono là một cây bút

hứa hẹn. Sono là sinh-viên tại (*College of the Sacred Heart* (Trường Thánh-Tâm) tại Đông-Kinh, trường mà Hoàng-tức Nhật đã từng học, và đứng đầu về môn văn - chương Anh.



AYANO SONO

nữ-sĩ Nhật nhiều nữ tính nhất, mở đầu cuộc đột khởi.

Những lời ca tụng nồng - nhiệt của Usui về mấy truyện ngắn của nàng đã một sớm một chiều làm Ayako Sono nổi tiếng, và truyện *Người Khách Viên Phương* (Visitor from Afar) mà nàng cho xuất-bản ngay sau đó đã được tuyển lựa tham dự giải Akutagawa một cách xứng-đáng. Đó là một giải thưởng đáng ước ao, cửa ngõ đưa tới vinh-quang của các cây viết mới Phù-Tang. Nàng không đoạt giải, nhưng trở trêu một nỗi là chính sự thất-bại của nàng đã khiến nàng được bàn tán đến nhiều hơn, nhất là người ta được biết rằng cái lý-do của sự loại bỏ này chỉ là vì nàng quá trẻ.

Ngoài ra, riêng cái sự - kiện được tuyên chọn dự giải Akutagawa không thôi, cũng đã đủ tăng thêm thanh-thẻ cho tác-phẩm của một người mới chân ướt chân ráo bước vào làng văn. Có điều hiển nhiên là các tác-phẩm của Sono từ đó trở đi đã đạt đến một mức độ giá - trị khá cao cả về phẩm lẫn lượng, không cần phải nhờ đến giải-thưởng nào hộ-trợ.

Tác - phẩm *Người Khách Viên-Phượng* mà ta có thể gọi là tác-phẩm đầu tay của nàng, viết về một chuyện rắc rối ở một khách-sạn do Quân - đội Hoa - kỳ chiếm cứ tại Hakone, một nơi du - lịch hữu danh. Câu chuyện được thuật lại bởi một nữ thông dịch viên, hay nói khác đi, chính tác-giả tả lại những hành vi của một sĩ quan cao cấp keo-bản và sợ vợ, một viên trung úy Quân Y có kiến thức nhưng lạnh lùng và một viên đội tốt bụng nhưng phải tội lỗi.

Sono còn có một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng khác nữa. *Năm Mổ trùng dương*, cảm hứng rút ra từ cuộc đời. Trong thời gian còn tòng học, nàng có viết một bài luận Anh ngữ khá hay được đăng trên tờ nhật báo Anh ngữ Japan News. Bài đó được Thạc-sĩ Thomas Baty để ý, ông là một chuyên gia về Quốc-tế pháp và là cố-vấn cho Ngoại-trưởng Nhật, nàng nhận được thư khen ngợi của ông ta, nhưng được ít lâu sau ông mất tại một tỉnh duyên hải gần Tokyo. Trong truyện của nàng, một học giả Anh tên là Brighton vẫn thường đóng vai cố vấn cho Ngoại trưởng Nhật, bị tước bỏ

quốc tịch Anh vì trong thời chiến ông ta khẳng khái chủ-trương rằng phải để Á-châu cho Nhật-Bản. Sau đó ông ta sống cô đơn trên đất Nhật với một người chị. Mặc dầu bị mất quốc tịch Anh, ông yêu mến nước Anh và nhất là Nữ-Hoàng Anh hơn bất cứ một công dân Anh nào, ông nghe trực tiếp truyền thanh buổi lễ đăng quang với tất cả xúc động. Cuối cùng ông chết, nhưng thể theo nguyện vọng của ông, viên quản-gia Nhật rắc tro xác của ông giữa những mòm đá trên mũi đất, để sóng trùng dương cuốn lớp tro đi.

Sono có một tương lai rất rạng rỡ, vì nàng diễn tả các tình-cảm tề-nhị một cách hết sức tài tình và sự hiểu biết cũng như trí thông - minh thực vô cùng phong phú.

Trong *Thị trấn nơi hoang dã*, nàng tả một vị nữ giáo sư dạy võ Nhật bản, có tiếng là ghét đàn ông và chỉ sống vì nghệ thuật, đột nhiên nhận thấy rằng chính bà ta bị quyến rũ bởi một nam vũ-sinh nhỏ tuổi hơn bà ta rất nhiều. Tác phẩm này Sono viết vào tuổi hai mươi bốn, đó là một thiên nghiên-cứu có tính-cách chuyên-môn về tâm-trạng giảng xé tả tơi của người đàn bà độc-thân và lịch-duyet của lứa tuổi ba mươi, nhưng nó cũng đủ lý-thú để làm thỏa-mãn lớp độc-giả thông thường.

Sono nhận lễ rửa tội vào năm 1948 và trở thành một tín-đồ Công - giáo. Một tác-phẩm trong khoảng thời-gian này là *Phép lạ của Chị thợ giặt* miêu tả khắc khoải tinh-thần của một người chị trong lúc xung tội với một vị Cha về sự ngờ-vực người em đã quá-cô

NỮ-SĨ NHẬT

của chị ta, một nữ tu-sĩ, đã tin-tưởng là được gặp Chúa, nghe thấy tiếng của Người và đã làm nhiều phép lạ trước khi cô ta chết.

Trong những tác-phẩm mới nhất của nàng cuốn *Biển cả của người chết* trình bày những sinh-hoạt tinh-thần của một thủy-thủ đứng tuổi trong thời kỳ chiến-tranh trên một chiếc tàu vận tải đã làm anh mòn mỏi tuổi xanh, và một tuyển tập 6 truyện ngắn với nhan đề : *Những mộ bia của tình tôi*.

Bốn năm trước đây, Sono, đi một vòng quanh Đông-Nam-Á dưới quyền bảo của cơ-quan văn-hóa Đông-Nam - Á (the South-East Asia Cultural Foundation). Năm 1953, nàng kết hôn với Shumon Miura, một nhà văn kiêm giáo-sư Ngữ học tại Đại-học. Họ có một con và đã nêu một tấm gương hòa thuận và yêu thương thâm-thiết hiếm có của một cặp vợ chồng nghệ-sĩ.

(2) Sawako Ariyoshi

Một nữ-sĩ nổi danh khác là Cô Sawako Ariyoshi, sinh tại Quận Waka-yama vào năm 1931. Suốt tới cuối Thế-chiến, cô và gia-đình di-chuyển hết nơi này sang nơi khác khắp trong vùng Đông-Nam-Á. Vì không lớn lên trên đất Nhật cũng như trong phong-tục tập-quán của xứ sở, nên tư-tưởng của cô dễ am-hợp với văn-hóa xã-hội mới của nước Nhật buổi hậu-chiến và có một sức lôi cuốn đối với đám quảng đại quần-chúng, những người đã hoàn-toàn chuyển-hướng

theo nếp cảm - nghĩ dân - chủ. Về phương-diện này, Ayako Sono cũng có thể coi như đôi-thủ của cô.

Ariyoshi, người đã thực-sự dựng nên *cuộc đột khởi của các cây bút nữ giới*, không ngừng lại ở truyện-ngắn và tiểu-thuyết. Cô viết kịch cho vô tuyến truyền thanh và truyền-hình cùng những vở kịch thơ Phú Tang, vũ kịch và cả nhạc kịch nữa. Cô ta không thực sự là một mỹ-nhân nhưng quả là một nữ-nhân thông-minh.



SAWAKO ARIYOSHI

« G W » dẫn tới cuộc khám phá Mg-Châu-

Năm 1956, cuốn tiểu-thuyết Ngâm-khúc (*Ballad*) của cô được tuyển tranh giải Akutagawa, và tiếp đó cuốn *Bạch Phiến* (*White Fan*) được tuyển nhận dự tranh giải Naoki, cửa ngõ

dẫn các cây bút mới bước vào làng văn đến đài danh vọng. Sự thất bại trong quá khứ cùng những toan-tính này đã lần lượt làm báo chí thêm nồn nả và từ đó trở đi cô đã dần dần tìm được chiều ngồi trong đám văn-sĩ hữu danh của thời đại mới. Mía mai thay, cả hai tác-phẩm đều không đoạt được giải, nhưng chắc chắn chúng đã khích động mọi người về khả-năng sáng tác dồi dào của cô. Từ đó, trong khoảng vài năm trời, cô đã sáng tác rất nhiều tiểu-thuyết kịch-bản và cô đã cho xuất-bản làm mười tập riêng biệt, một thành-tích mà không một cây bút mới đoạt giải Akutagawa và Naoki nào có thể đạt tới được.

Trong Ngâm-khúc, cô đã rút văn-liệu từ âm-nhạc cổ-diễn Nhật, và trong nhiều tác-phẩm khác, có đã trình bày thế-giới Kabuki, nghệ-thuật hát bội cổ-diễn Nhật. Yêu chuộng những đề-tài cổ-diễn này chẳng phải là muốn hoài niệm nền phong-kiến Nhật mà vì cô có tham vọng nắm vững hiện tại bằng sự am-hiểu thấu suốt nghệ-thuật cổ-truyền. Với định-ý này, người ta thấy rằng sự nghiên-cứu văn-chương Anh của cô tại trường cũng như sự hiểu biết thấu-đáo của cô về văn-hóa Tây-phương đã giúp-ích cho cô rất nhiều.

Các nữ văn-gia thời tiền-chiến Nhật thường đến với văn-chương bằng con đường gian-nan của chính kinh-nghiệm bản thân. Họ viết về sự cùng khốn, tật bệnh và những mối tình ngang trái, và thường bị giam-cầm vì bị buộc tội có những tư-tưởng

ngược lại với đặc-tính quốc-gia mà họ đã viết bằng chính máu của họ.

Một trong những tác-phẩm đặc-sắc của Ariyoshi là *Gheisa Waltz Italiano*, khung cảnh lồng trong thế giới của Gheisa, những xóm mua vui không một người đàn bà đứng đắn nào đặt chân tới. Ariyoshi chưa tới ba mươi tuổi. Gần đây cô có sang Hoa-Kỳ. Lúc đi cô tuyên bố : « Tôi ước ao viết được những cuốn tiểu thuyết xây dựng trên những vấn đề không có thể diễn tả được bằng bất cứ phương-pháp cũ nào, phải dùng những hình thức diễn tả khác biệt cho những chất-liệu và tư-tưởng khác-biệt. Đây mới thực là nghệ - thuật. » Tương - lai của cô được đa số quần - chúng Nhật chăm chú theo dõi.

(3) Toyoko Yamazaki

Các phóng-viên trở thành văn-sĩ không phải là chuyện hoạ-hiêm, sự-kiện này ở Nhật rất nhiều. Tuy vậy, đa số thuộc nam giới, và cô Toyoko Yamazaki có lẽ là một trường - hợp hoạ-hiêm trong giới nữ phóng-viên chuyển sang ngành văn một cách thành công. Yamazaki, sinh năm 1924, là phóng viên văn-nghệ của báo Mainichi Shimbun. Cô bước vào làng văn với truyện ngắn *Noren* (*Màn cửa tiếm*), trong đó cô trình - bày hai thế - hệ của một nhà buôn rong bễ. Một tác - phẩm khác, *Hananoren* (*Cuộc đời của một bà thâu - khoán*) đã khiến cô được trao tặng Giải-thưởng đáng ao-ước Naoki, đây là lần đầu tiên trong mười năm một



TOYOKO YAMAZAKI

phát biểu giúp các thương-gia Osaka

phụ-nữ đoạt được vinh-dự ấy, và đã xác-định địa-vị văn-gia của cô. Nhà phê-bình văn-ngệ Masato Ara đã viết về cô như sau. « Nền văn - nghệ mới Nhật-Bản đã thừa-hưởng trực-tiếp cái truyền-thống của môn phái tự-thực (naturalism) hình-thành giữa khoảng 1908 và 1918. Trong trường phái đó chủ - đề chính nằm trong tính - dục (Sex). Sự đòi hỏi thôi thúc của tính-dục vẫn biết là một trong những tình-cảm mãnh-liệt nhất của con người, nhưng nó chỉ mới là một phần chứ không phải là toàn thể, vì còn có những đòi hỏi thôi thúc mạnh mẽ khác, sự ham muốn giàu sang, sự đòi hỏi thôi thúc vật-chất này cũng mãnh-liệt chẳng kém. Nền văn-ngệ mới đã lảng tránh chủ-đề này. Về phương-diện này, Yamazaki đã đề cập đến chủ-đề ấy một cách hết sức thẳng thắn trong *Noren* và *Hananoren*, và đã

thành-công hết sức rõ ràng. Nó thích-hợp với thời-đại này vô cùng, và có điểm tương-đồng với những chuyện thành - công đã lập nên một trường phái của văn-chương Mỹ ».

Chúng ta không thể không biết rằng những tác-phẩm của Yamazaki đã chịu nhiều ảnh-hưởng của cái thế-giới mà cô ta đã trưởng-thành. Cô ta là con một nhà buôn rong bèo ở thành-phố thương - mại Osaka. Cẩn mẫn, gắng gỏi, tận tiện, bền bỉ và khôn ngoan là những đức - tính phản - chiếu trong những nữ nhân-vật của tiểu-thuyết cô. Cờ nhiên, cô ta có thay đổi đôi chút về tính-chất nhân-vật, nhưng cô ta khai-thác triệt-đề những chất-liệu ở ngay quanh cô. Cô mất sáu năm mới hoàn - thành xong tác - phẩm *Noren*. Điểm trời nhất trong tiểu-thuyết của cô là sự thận-trọng sưu-tầm những sự-kiện thực, nhờ kinh-nghiệm phóng-viên của cô, và sự chính-xác trong việc trình-bày. Cuốn tiểu-thuyết đoạt Giải Naoki. « *Hananoren* », trình-bày một mụ đàn bà Osaka lúc nào cũng chỉ nghĩ đến tiền bạc, và có thể liệt vào một loại truyện thành công. Một cô gái con nhà gia-giáo, lúc lập gia-đình, thấy chồng mình là một gia-trưởng nghèo nàn bèn quyết-định kiếm tiền bằng cách bao thầu các gánh hát. Nàng khởi nghiệp trong căn nhà lụp sụp. Sau bao vất vả nàng trở thành một xí-nghiệp-gia thành công. Khi con quay đã khởi sự quay thì nó cứ quay mãi quay mãi cho đến khi đổ mới thôi. Tác giả đã tả người đàn bà Osaka họ đã vì một lần quay mà phải quay mãi mãi thế nào — hy-sinh cả

hạnh-phúc gia-đình và tâm-hồn đơn-độc. Yamazaki nói về tiểu thuyết của cô như sau : « Tôi không thể viết những cuốn tiểu thuyết giống như những mảnh vườn nhỏ cắt xén gọn gàng. Tôi cho rằng tiểu - thuyết của tôi giống như những ngọn cây trồng trên một ngọn đồi trọc, hết cây nọ đến cây kia. Trong tương-lai sẽ có lúc tôi đi một vòng quanh Đông-Nam-Á để thu lượm tài-liệu ngõ hầu miêu-tả bộ mặt quốc-tê của những thương gia Osaka. »

Yamazaki có lẽ có thể gọi là nữ Hemingway Nhật - Bản. Hiện nay cô đang viết một loại bài nhan đề là Trê thơ trên tờ tuần báo, Shukam Shincho. Những bài ngắn khác của cô là *Semba Maniac*, *Ai tín*, *Cửa Hồi Môn*, và một truyện huyền-bí tên là *Cửa cái bố quên*. Cô vừa bị một ít lâu và vừa bình-phục. Làng văn Nhật mong mỏi cô khỏe mạnh trở lại, ngõ hầu đem thi giờ và nghị lực ra để thu-lượm tài-liệu cho những truyện ngắn mới mang hình-thức cũng như lối xây-dựng cá-biệt của cô.

(4) Yasuko Harada.

Ba người vừa kể trên quả xứng-đáng là đại-diện cho lớp nữ tiểu-thuyết gia mới của nước Nhật ngày nay, nhưng ta cũng phải đặc-biệt kể tới một ngôi sao băng trên nền trời văn nghệ Phù-Tang, Bà Yasuko Harada. Tập *Bi-Ca* (Elegy) của bà mặc dầu là tác-phẩm đầu tay, đã lập kỷ-lục trong loại « best-seller », bán tới 700.000 tập ngay khi vừa ra khỏi máy

in. Harada không phải là một cây viết sáng tác nhiều, bà sinh năm 1929 tại Hokkaido. Trong khi làm phóng-viên tại miền bắc đó, có trao tác phẩm đầu tay *Bi-Ca* cho tờ báo Hokkai Literature, một tờ báo của một nhóm văn-nhân địa phương chủ trương và đoạt giải thưởng Nữ Văn-sĩ. Tác phẩm này đoạt giải vì nó đã nắm trúng tâm-lý phụ nữ. Bà trình-bày một cách nét sức linh-động phong - tục của Hokkaido, và diễn-tả cái mặc-cảm cá-biệt của lớp người lợi-tức kém một cách rất thực. Cuốn tiểu-thuyết đã được quay thành phim và là một trong những phim thành-công nhất trong hồi gần đây.



YASUKO HARADA

« Elegy » khởi đầu sự nghiệp

Khung cảnh lồng trong một thành phố cạnh bờ biển ở Hokkaido, ở đó có một cô gái làm việc trong bộ-môn nghệ-thuật của một ban hát tài tử. Thay vì yêu một diễn - viên trẻ, cô ta

lại đắm say mê một viên kiến-trúc-sư già, chẳng những thế cô ta lại còn cảm thấy một sự hấp - dẫn huyền - ái đồng-tính với vợ ông ta nữa. Tình-trạng thế thắm đến nỗi vợ viên kiến-trúc-sư phải tự tử.

Những tác-phẩm khác gồm có *Hoài niệm Sabita*, *Những loạt ca*, *Phế viên*, *Ồ tuyết*, nhưng không có cuốn nào đặc-sắc cả.

(5) **Tomoe Yamashiro**

Ở Nhật-Bản có một loại tiểu-thuyết được mệnh danh là Văn - chương Nông - Dân. Bà Tomoe Yamashiro là một nữ tiểu-thuyết-gia thuộc loại này. Tác-phẩm tiêu - biểu của bà là *Nóng dân xa ca* ngoài ra, còn có *Tháp Rhubarb*, *Tới khi cỏ dại mọc*, *Okane-San*, và *Lớp người sáng-tạo Dân-ca*, tất cả đều qui-tụ vào chủ-đề thôn-dã. Trong thời - kỳ chiến - tranh, bà và chồng bị bắt vì tội vi phạm đạo luật Ngăn Cầm Hòa-Bình (Peace Prevention Law) và bị giam giữ năm năm, trong thời-gian ấy chồng bà chết. Từ hồi chiến-tranh chấm dứt bà làm việc ở một trang trại tại thành Hiroshima, và đồng thời thu lượm dân-ca và viết tiểu-thuyết. Tác-phẩm tiêu biểu *Nóng dân xa ca* của bà được quay thành phim và đã đoạt một giải cao tại đại-hội điện-ảnh quốc-tê Tiệp-Khắc trong mùa Hạ năm 1959.

(6) **Những cây bút khác**

Năm nay Giải Naoki được trao tặng cho hai cây bút mới thuộc nữ



YUMIYE HIRAWA

cây bút mới nhập tịch hàng văn



MIYAKI NISHIMURA

khởi nghiệp bằng đạo văn (?)

giới, cô Kimiko Watanabe với cuốn tiểu thuyết *Sông Matruchi* và cô Yumiye Hiraiwa với cuốn *Taganeshi*,

nhưng hiện thời khó mà tiên-đoán được tương-lai của hai nữ-sĩ mới phát-triển bao xa. Một việc rắc rối đáng tiếc xảy ra gần đây khó làm người ta quên được, vì nó liên quan đến văn-đề đạo văn.

Tờ Nguyệt - san phụ-nữ *Fujin Koron* vừa lập giải - thưởng Fujin Koron Newcomer's Award hồi gần đây đã chấm cuốn tiểu thuyết *Đồng hồ không kim* của cô Miyuki Nishimura đoạt giải, đây là cuộc tổ-chức thứ nhì kể từ ngày thành lập. Ba vị giám - khảo đã khen ngợi cuốn tiểu thuyết đó hết sức xúc-động về loại

tình-cảm trong truyện, vì nó biểu-hiện tinh-thần và hành-vi bệnh-hoạn của một thiếu nữ ở lứa tuổi hai mươi. Tuy nhiên, chẳng bao lâu người ta khám-phá ra rằng nhiều đoạn miêu-tả trong cuốn tiểu thuyết đó tương-tự với những đoạn của nhà văn Mỹ William Faulkner trong cuốn *Sanctuary* (Thánh đường). Giải Thưởng lập tức bị đình-hoãn. May mắn thay đây là vết nhơ độc nhất làm thương-tồn đến sự gắng gỏi trong lãnh vực văn-nghệ của Phụ-nữ Nhật ngày nay.

(Asia Scene)

NGUYỄN-CHÂU (dịch)





ĐÔI NHẬN XÉT VỀ ÂM-ĐIỆU VỌNG-CỔ

TRƯƠNG - ĐÌNH - CỬ

TRONG những âm điệu cổ-nhạc miền Nam, bản vọng-cổ là một âm điệu phổ - thông nhất, được áp-dụng trên sân khấu cải lương từ trước đến nay như một phương tiện độc đáo để cho diễn viên sân-khấu diễn tả sự đau khổ lâm ly của một vai tuồng.

Gọi đúng tên của Âm - điệu là « Vọng - cổ hoài lang » sát với nội-dung của câu ca thứ nhất từ lâu còn lưu lại, tóm tắt có bốn chữ : « Từ, đưa Phu tướng » để bắt đầu vào âm - điệu. Bản Vọng cổ gồm tất cả là 20 câu, và bắt đầu từ câu thứ 7 trở đi, nhạc điệu được lặp lại nhiều lần giống nhau cho đến câu thứ 20 là dứt.

Khắp mọi nơi, chúng ta không những chỉ nghe điệu Vọng-Cổ qua sự trình-bày của các diễn - viên Ca.

kịch sân-khấu mà còn được mục-kích các ca-nhạc-sĩ tài-tử (không chuyên môn) hàng đêm tụ họp lại để đàn ca, tự thưởng thức âm - điệu với nhau thật là say sưa. Qua máy phát thanh, qua các đĩa hát, âm - điệu Vọng - cổ được diễn tả bởi giọng ca của các nữ danh-ca như Tư-Sạn, Tư-Bé, Năm Cẩn-Thơ, Ba Bên-Tre, Út-Bạch-Lan, Thanh-Nga, Bích - Hợp v.v... và của các nam danh-ca như Ba-Giáo, Năm-Phối, Tám-Thừa, Năm-Nghĩa, Hồng-Châu, Tư - Út, Hữu - Phước, Ngọc-Toàn, Út-Trà-Ôn, Huỳnh-Thái v.v...

Những nam nữ danh - ca kể trên phần đông là diễn viên của sân-khấu Cải-lương trước và nay.

Thường thường trên sân-khấu, các ca-sĩ lấy giọng để trình-bày âm-điệu, áp dụng hơi cổ để than một câu lời ngắn, ngân dài âm - thanh trước

âm - thanh « Hò » (1) và xuống « Hò » để bắt vào âm - điệu, (âm thanh ngân dài thường là một chữ không dấu). Khi dứt câu « vô » điệu ở nốt « Hò », luôn luôn ca - sĩ được đón tiếp bằng một tràng vỗ tay của thính-giả. Do đó, chúng ta nhận rằng âm điệu Vọng-Cổ đã quen thuộc với thính-giác và hợp với cảm quan người miền Nam nói riêng đến mức độ là khi ca-sĩ chỉ mới bắt giọng vào âm-điệu, thính-giả đã không kìm chế nổi sự cảm-xúc hoặc sự biểu lộ tán thưởng. Ngoài ra, có thể nói rằng tất cả giới bình-dân toàn quốc, ai ai cũng ca được Vọng-cổ, tuy ca trật nhịp, nhất là có thể bắt vào chữ « Hò » của Âm - điệu một cách hài hước hoặc thành thật cảm hứng.

(1) Áp dụng theo nhạc lý tây phương, nốt «Hò» của Vọng-Cổ nằm ở vị trí thứ 5 của âm giai ; nốt « xang » nằm ở vị trí thứ 4 là chủ âm. Đàn bản Vọng-Cổ trên Cung Ré chẳng hạn, nốt « Hò » là La (át âm) và Xang là Ré (chủ âm)

Nhiều nhạc sĩ cổ nhạc miền Nam sử dụng Tây ban cầm để đàn Vọng Cổ, cần đàn khoét hững xuống để nhấn, đã áp dụng cách so dây đàn theo quãng năm (quinte) (đúng theo cách so dây của nhiều nhạc khí huyền động Âu phương) So giây theo cách nói trên, các nhạc sĩ này đã sử dụng cung Do. Đây chỉ là sự chuyển vị (transposition) không có gì lạ. Theo Cung Do, chữ Hò sẽ đồng thanh với Sol (át âm của cung Do) và chữ Xang đồng thanh với Do (chủ âm của cung do) — áp dụng cung này, âm điệu hơi lai Quảng (Quảng Đông) và các nhạc sĩ gọi là đàn theo giây Rạch Giá. Âm giai Vọng cổ nói trên đã phát nguyên từ tính Rạch Giá chăng ?

Thêm một điều cần chú ý : âm thanh mà thính giác đòi hỏi để được thỏa mãn khi. Nghe một loạt âm thanh kéo dài và chấm dứt thường là chủ âm của âm giai ấy. Nhưng trong âm điệu Vọng cổ, âm thanh mà thính giác đòi hỏi để được thỏa mãn không phải chủ âm (tonique) mà là át âm (note dominante) của âm giai. Chữ Hò (át âm) làm thỏa mãn thính giác hơn là chữ Xang (chủ âm).

Thử hỏi như vậy đã có thể nâng Âm - Điệu Vọng - Cổ vào một loại dân ca đáng chú trọng của kho tàng Nhạc cổ chúng ta chưa ?

Phân tích bản Vọng-Cổ trên phương diện Tiết-điệu và nhận xét sự biến chuyển của Tiết-điệu qua các ngón đàn nhạc-sĩ.

Bản Vọng cổ phát nguyên từ nhịp tư (4 nhịp trong một câu) dần dần biến chuyển lên nhịp 8 rồi đến nhịp 16... nghĩa là gấp đôi lên. Hiện nay, các ca sĩ Cổ nhạc miền Nam hay quen vừa ca vừa nhịp và nếu nhạc sĩ đánh đàn « thúc » (1) câu, người ca sĩ bị lỗi cuồn, nhịp chân theo rất gấp, xem có cảm tưởng như ca sĩ ấy đang nhịp theo một điệu « Swing » của nhạc khiêu vũ. Người ca sĩ cổ nhạc còn cần phải biết phân câu hát lốt chữ ca để xuống đúng song-lang (nhịp-chính giữa một câu) và phải biết dứt câu nhịp nhàng với ngón đàn, (nên nhớ là lời ca trong âm điệu Vọng-cổ không ăn rập theo từng âm thanh của âm điệu, chỗ đàn nhiều nốt, đôi khi ca rất ít chữ, chỗ bỏ ngón chậm rãi đôi khi lại phải nhồi một loạt lời ca dài). Thêm nữa, người ca sĩ cổ nhạc muốn nắm vững nhịp nhàng phải ý thức được tiết tấu của mỗi ngón đàn, vì mỗi ngón đàn nhạc sĩ cổ nhạc điều luyện đều có cách áp dụng nhịp ngoại, đảo thì rất khác biệt nhau.

Bản Vọng-cổ ngày nay trong mỗi câu, gồm có nhiều âm thanh hơn ngày

(1) thúc : đánh mau, đánh từ thường dùng của nhạc-sĩ,

ĐÔI NHẬN XÉT VỀ ÂM-ĐIỆU VỌNG-CỔ

xưa (có thể nói là gấp 4 lần hơn) — Các nhạc-sĩ ngày nay đã sáng tác và theo áp dụng nhiều lối xếp đặt âm thanh cá tính, nhằm mục đích phát huy thanh điệu cho nên lời ca hiện nay cũng vì thế mà thay đổi, thêm nhiều chữ hơn và sự sắp đặt bình trắc, cách sắp xếp vần cách « nhồi » (1) chữ cũng phải tùy thuộc ở lối bỏ ngón theo cá tính của nhạc sĩ. Do đó, lời ca nầy của âm điệu thích hợp với nhạc sĩ nầy mà chời tai đối với một nhạc sĩ khác, lý do là vì sự sắp đặt âm thanh bình trắc trong lời ca cùng sự sắp xếp vần và cách nhồi lời ca của soạn giả không thể nào hòa hợp với 2 ngón đàn cá tính khác nhau.

Kể ra hiện nay âm điệu vọng cổ nhịp theo 32 nhịp trong mỗi câu, hoặc 64 nhịp, hoặc 128 nhịp hay gấp đôi lên nữa như các ca sĩ thường nhịp khi ca, cũng chỉ có nghĩa là thay vì nhịp 1 nhịp trong một loạt âm thanh, chúng ta nhịp lên thành 2 nhịp, thành 4 hoặc 8 nhịp chẳng hạn. Âm điệu vọng cổ biến chuyển đến nhịp 16 (nếu ghi bản vọng-cổ nhịp 16 theo nhịp C, mỗi trường canh (barre de mesure) sẽ được tính thành 1 nhịp. Còn nếu lấy dấu đen (noire) làm đơn vị nhịp căn bản, điệu vọng cổ nhịp 16 ghi theo nhịp C sẽ có 64 nhịp) coi như đã dừng biến đổi để chờ đợi một sự biến chuyển khác. Xem như vậy, ta thấy rằng âm điệu vọng cổ hiện nay dài gấp 4 lần hơn bản vọng cổ nguyên thủy và điệu vọng cổ nhịp 16 vẫn có thể nhịp theo 32, 64 hoặc 128 nhịp như đã trình bày trên.

(1) nhồi = viết nhiều chữ đả ca trong một đoạn nhạc tương đối ngắn,

Qua một thời gian khá dài, (gần 20 năm) nhịp 16 vẫn còn được áp dụng cho đến nay và hình như được giới mộ điệu tôn trọng và chấp nhận.

Nói đến điều trên, ở đây chúng ta cần nhắc đến Nhạc-sĩ Sáu Tưng, điều luyện về cây « kìm » (1) người nhạc sĩ đã sáng tác và khai phóng một kỷ nguyên mới về điệu vọng cổ nhịp 16. Nhạc sĩ đã cố gắng làm giàu thêm cho âm điệu bằng những nét nhạc có nhiều màu sắc mới lạ. Còn rất nhiều nhạc sĩ khác cũng đã có công đóng góp vào phần xây dựng âm điệu, chúng ta cần nhắc đến một số nhạc sĩ sau đây = Mười Cửa, Lân, Thạch, Trích, Thiều, Chín, Chín-Hòa, Ba-Xây, Mười-Còn, Huyện, Biểu, Sáu-Sơn, Năm-Diệp, Văn-Vỹ v.v tất nhiên còn rất nhiều nhạc-sĩ khác, có thiện-chí mà không lộ diện và có lẽ đang âm thầm làm việc để phát triển âm-điệu càng ngày càng mới lạ, nhất là các nhạc-sĩ ẩn danh ở miền Hậu-giang — (Những nhạc-sĩ có tên kể trên toàn là những nhạc - công đã biểu diễn công cộng hoặc ở hậu-trường Sân-khấu Cải-lương.)

Xem như vậy, chúng ta thấy rằng bản Vọng-cổ là một âm-điệu đang còn ở thời kỳ phát-triển thụ động của các ngón đàn nhạc-sĩ. Vì thế, căn-bản của âm-điệu, nhận xét trên phương diện thanh điệu (mélodie) thiếu hẳn tính-chất ổn định toàn diện.

Nguyên chất của âm-điệu rất nghèo nàn về phương diện chuyển cung (modulation) — Âm-điệu chỉ nằm mãi

(1) đàn nguyệt, gọi theo miền Trung

ở một cung nhạc (tonalité). Để giảm bớt sự nghèo nàn ấy, các nhạc-sĩ cổ nhạc miền Nam đã áp dụng nhiều cách bỏ ngón (variation) nhiều lời hoa hoè (ornement), đã tìm hết cách để bỏ khuyết, nhưng tất cả sự tìm tòi này chưa mang lại kết-quả mong muốn. Nếu chỉ hòa đàn trọn bài Vọng-cổ, không có lời ca phụ họa, thì một thính-giác dù thích âm - điệu Vọng-cổ đến mức nào nữa, cũng đã bắt đầu thấy nhàm từ câu thứ bảy trở đi. Sáu câu đầu đã gần như giống hần nhau, còn câu thứ 7 tức là câu thứ 1 được lặp lại v.v... Chính nhờ lời ca mà thính-giác quên được ít nhiều sự nhàm chán về cách lặp đi lặp lại của âm-điệu.

Nhiều nhạc-sĩ Cổ-nhạc miền Nam nhận thấy điều trên, đã tìm cách chuyển cung giữa những câu nhạc gần như giống hần nhau như đã nói trên. Sự chuyển cung thiếu chuẩn bị và tùy hứng này vẫn có đem lại cho âm điệu đôi nét mới mẻ, nhưng vì thiếu chuẩn bị nên thường thường nhạc công phải bằng lòng trở lại giọng chính (ton initial) ngay sau đó. Và lại, trong sự chuyển cung, nhạc sĩ cổ nhạc vấp phải 2 trở ngại : trở ngại thứ nhất là ca-sĩ cổ-nhạc phần đông không nhận định được lời chuyển cung này, do đó cơ thể dễ lạc giọng trong khi ca — Trở ngại thứ hai là sự chuyển cung có thể làm cho thính giác của sô đông khó chịu vì không quen nghe. Nhưng trên căn-bản là vì sự chuyển cung nói trên không thích ứng chút nào với âm điệu vọng cổ.

Sau đây, nếu chúng ta thử đem so sánh và chỉ so sánh trên phương diện thanh-điệu những điệu Nam-Ai Nam-Bình của Miền-Trung (2 âm điệu này cũng được phổ-biến trong toàn cõi miền Trung) với âm-điệu vọng-cổ của Miền Nam, chúng ta nhận thấy rằng nhạc điệu miền Trung được nhận định rõ ràng trong lúc hòa tấu, mặc dầu các nhạc-sĩ cũng áp-dụng đủ ngón đàn theo cá tính. Nhưng khi chúng ta muốn thưởng-thức những nhạc-sĩ cổ-nhạc Miền Nam hòa tấu, chúng ta chỉ nhận định được trường canh, âm thanh của song lang và âm thanh của nhịp dứt câu còn những loạt âm thanh phát lên do nhiều lời bỏ ngón cá tính, trên những nhạc khí âm hưởng khác biệt làm cho chúng ta khó mà nhận định cho thật rõ ràng thanh điệu.

Căn bản của thanh điệu Vọng-cổ chỉ căn cứ trên âm thanh của nhịp song-lang và nhịp dứt câu. Ngoài ra, nhạc-sĩ toàn quyền phát-triển và áp dụng đủ loại, đủ ngón đàn theo sự cảm-hứng trong lúc đàn. Do đó, âm điệu Vọng-cổ sẽ còn phát-triển và biến hóa mãi mãi, và hiện chưa có một căn bản thanh điệu rõ rệt duy nhất.

Người nhạc-sĩ cổ-nhạc miền Trung có thể áp dụng ngón đàn cá nhân theo sự cảm xúc trong diễn tả, nhưng luôn luôn tôn trọng triệt để thanh điệu cổ hữu.

Sự trung-thành hoặc không trung-thành với thanh-điệu Cổ Việt - Nam đều có những khía cạnh tốt và xấu. Vấn đề chính yếu là phải biết khai

ĐÔI NHẬN XÉT VỀ ÂM-ĐIỆU VỌNG-CỔ

thác và phát triển đúng theo nguyên-tắc Nghệ-thuật âm thanh để tiến đến chỗ hoàn mỹ.

Đền đây, tưởng cũng cần nêu lên sự tương quan giữa giọng người và nhạc khí, khi muốn bàn đến sự phát triển của âm điệu Vọng-cổ.

Mỗi ca-sĩ cổ-nhạc miền Nam đều có 1 lời ca riêng biệt. Do ảnh hưởng của lời ca, do cách sắp chữ để ca, do cách n ân giọng của ca-sĩ, nhiều nhạc-sĩ đã tìm ra được những ngón đàn mới mẻ. Ngược lại, nhờ ảnh hưởng của những ngón đàn điêu luyện, nhiều ca - sĩ đã phát-minh được một kỹ-thuật ca hấp-dẫn. Sự tương-quan giữa giọng người và nhạc khí quả thật là huyền diệu. Đứng trên quan niệm này, nhiều nhạc-sĩ vì chủ-trương phát-triển thanh điệu theo sự cảm xúc và biến - chế của mình, đã bị các nhạc-sĩ đời-lập xem là thiếu «căn». Nhưng tưởng rằng sự bất chấp nầy có lợi cho âm điệu hơn là trung thành với một thanh điệu xét ra không có gì đáng phải tôn trọng. Sự biến hóa của âm điệu từ 20 năm nay đã chứng minh điều đó.

Khác hẳn với những cổ điệu hoặc những bài dân ca phổ thông, âm điệu vọng-cổ cũng như nội-dung lời ca thay đổi phát-triển và biến hóa không ngừng.

Sự thay đổi, phát-triển và biến hóa nầy tùy thuộc ở các nhạc-sĩ cổ-nhạc và ở các soạn-giả lời ca làm việc theo cảm quan của quần chúng thưởng-thức.

Căn Muốn nói về căn bản thanh điệu (danh từ thường dùng của nhạc sĩ).

Đôi trở ngại.

Về phần nhạc-sĩ, phần đông các nhạc-sĩ chỉ tự mình rèn luyện ngón đàn, sáng tác những lời bỏ ngón mới lạ như nhạc-sĩ Sáu Tưng đã từng làm trước đây. Phải qua một thời-gian khá dài, công-trình sáng-tác kia mới được phổ biến bằng cách người nầy truyền ngón lại cho người khác. Khi số đông trong giới nhạc đã thưởng thức, công-trình sáng-tác kia mới được đem ra áp-dụng thử - thách ở thị-trường.

Đôi với các nhạc-sĩ sáng - tác cổ-nhạc, điều trình-bày trên quả là một trở ngại lớn. Sự phổ-biến quá chậm tiêu - diệt sự ham - thích sáng-tác của họ.

Tất cả nguyên nhân là do các nhạc sĩ nói trên thiếu hẳn một phương-pháp tinh-vi để ghi chép sự sáng-tác của mình (đã có một vài nhạc-sĩ cổ-nhạc đã chế ra một lời ghi chép riêng nhưng vì thiếu tính-chất khoa-học nên ít ai biết đến). Phần đông các nhạc sĩ cổ nhạc là những kẻ có khiếu thiên-nhiên về âm nhạc, có hoa tay, có đôi tai tề-nhị, có tâm hồn cảm xúc, được thụ giáo bằng cách truyền ngón của các bậc đàn anh nhạc-sĩ, về phương pháp sử dụng nhạc khí. Khi đã đạt đến mức cao sử dụng nhạc khí, các nhạc-sĩ nầy mới nghĩ đến sự phát huy tài năng bằng cách sáng tác một lời bỏ ngón (doigté) riêng biệt của mình và họ không ghi chép được công trình sáng tác của họ.

Về phần các soạn giả viết lời ca cho âm điệu Vọng-cổ, chúng ta nhận thấy

thiếu hẳn một sự nghiên cứu tập thể để xây dựng bài ca.

Từ trước đến nay, chúng ta đã nghe không biết bao nhiêu là lời ca cho âm điệu Vọng-cổ. Nội quy lời ca thuộc về đủ loại tình cảm : yêu đương, yêu nước, lòng hy sinh, tình mẫu tử, tình nhân loại, tình cha con, tình bạn bè, tình nghệ sĩ, nói lên sự căm thù, sự uất hận rồi để thở than bi đát. Gắn đây qua đài phát thanh, chúng ta còn nghe Âm-điệu Vọng-cổ với những lời ca phục vụ.

Mỗi soạn giả soạn theo một lối riêng thường nhắm vào ngón đàn của nhạc công và cách diễn tả của ca-sĩ để sắp đặt câu kéo, chữ đôi, chữ kép, âm thanh bình trắc thích hợp với ngón đàn của nhạc-sĩ và lối trình bày của ca-sĩ ấy. Vì không thực hiện được sự tổ chức tập thể nghiên cứu âm điệu để xây dựng một lời ca điển hình, các soạn-giả đã bằng lòng với lời ca mà nội dung thường căn cứ vào một vai tuồng bi trong một vở ca - kịch (trường - hợp soạn lời cho một vai tuồng để diễn xuất) hoặc căn cứ vào sự cảm-xúc cá nhân của soạn giả để nói lên sự cảm-xúc riêng rẽ ấy.

Để kết luận, nội dung âm điệu Vọng-cổ vẫn còn biến-hoá tuy đã tạm dừng biến đổi về phương diện tiết-điệu (nhịp 16) và nội dung lời ca không nhất thiết khuynh về một loại tình cảm nào nhưng theo đà phát triển đã nhận xét và nếu có sự tham gia nghiên cứu tập thể, nhất định âm điệu vọng cổ phải tiến đến chỗ thống nhất, và duy nhất về Thanh điệu, tiết điệu lời ca sau này.

Âm điệu vọng cổ có thể ghi bằng kỹ-thuật Tây-phương không ?

Bản vọng cổ gồm nhiều tiếng lợ, nhân, vút, phi, chụp, mổ, láy và nhất là chữ « XANG » quan yếu trong âm điệu cao hơn nốt RÉ (nếu chúng ta nhận định chữ HỒ là nốt « LA ») cho nên sự ghi chép âm điệu bằng kỹ thuật Tây-phương không thể thực hiện được.

Nhưng nếu chúng ta dùng kỹ thuật Tây phương để ghi âm điệu vọng cổ trên một hình thức tĩnh (ngón đàn Vọng-cổ thuộc về một trạng thái động nhất là chữ « XANG ») thì chúng ta có thể ghi tạm tạm được. Người sử dụng ký âm âm điệu vọng cổ lúc bấy giờ tất nhiên phải am hiểu cách so giầy của nhạc khí (nếu là nhạc khí Tây phương như tây-ban-cầm, vĩ - cầm, măng-đô cầm v. v...) Còn về nhạc cụ Việt-Nam như kim, tranh, cò v. v... người sử dụng ký âm âm điệu vọng cổ phải am hiểu trước tiên cung bậc của nhạc khí và sau hết, muốn diễn đạt được phần nào màu sắc của âm điệu, người sử dụng ký âm âm điệu vọng cổ còn cần phải biết áp dụng các dấu ghi riêng biệt nữa.

Nếu đặt vấn đề ghi bản vọng cổ bằng kỹ thuật Tây phương với các dấu riêng biệt để có thể diễn đạt phần nào màu sắc của âm điệu và nếu đặt vấn đề rằng sự ghi chép này chỉ nhằm mục-đích theo dõi sự phát-triển của âm điệu trong mỗi giai đoạn để sau này khỏi thất lạc đồng thời giúp cho các nhạc - sĩ có sẵn kỹ thuật ghi chép Âu - phương có thêm tài liệu để

ĐÔI NHẬN XÉT VỀ ÂM-ĐIỆU VỌNG-CỔ

góp phần nghiên-cứu và nếu có thể, kiện toàn thanh điệu, nếu chỉ nhằm những mục - tiêu ấy thôi thì thiết-tưởng sự ghi chép hiện nay âm điệu Vọng - cổ, trong lúc chờ đợi phát-minh một phương pháp ghi chép tinh vi hơn, không hẳn là làm một công việc hoàn toàn vô ích.

Bản Vọng - cổ, một âm điệu quen thuộc của mọi người Việt, có triển-vọng trở thành 1 bản dân ca đượm màu dân-tộc do sự nghiên-cứu tập thể của cả đôi giới, tân và cổ - nhạc Việt - Nam. Sự nghiên - cứu sẽ nhằm kiện toàn thanh điệu và để ra 1 phương pháp ghi chép tạm thời để phổ biến.

Chúng ta hi-vọng rằng công việc trên sẽ được tiến hành đôi với bản

vọng cổ cũng như đôi với những điệu Bắc điệu Nam trong cổ nhạc miền Nam hiện đã được đề cập trong sự nghiên-cứu tập thể.

Vì lẽ âm điệu vọng cổ phát hiện màu sắc một âm giai đặc biệt dân tộc, ngoài ra âm điệu vọng cổ từ lâu nay đã thâm sâu trong đại đa số quần chúng Việt-Nam, nhất là trong tâm hồn của quần chúng miền Nam, bản vọng cổ đang đòi hỏi ở tất cả các nhạc sĩ nhiệt tâm đôi với Nghệ-Thuật dân-tộc, một sự phối hợp tập thể rộng rãi có thể phát-triển và kiện-toàn, kiện-toàn một công-cụ phát-biểu tình-cảm có cả chiều rộng và cả chiều sâu.

TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BAO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo - Hiểm

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

Société Indochinoise de Documentation et de

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON

Kính gởi Ông Nguyễn-Quang Báo Phở-Thông

Thưa Ông :

Cuộc tranh luận giữa Ông và tôi về việc Hồng-Bảo, tôi không muốn kéo dài trên tờ Bách-Khoa, vì thấy cần đề chỗ cho những bài khác. Nên tôi đã viết một bài đề thương-xác lại với Ông và gởi cho báo Phở Thông. Nhưng bài của tôi không được Ông Nguyễn-Vỹ ăng vì lý do : «... Bài của ông Nguyễn-Quang đăng trong Phở-Thông là đáp lại bài của Ông đã đăng trong hai tạp chí Đại-Học và Bách-Khoa. Vậy theo thông lệ báo chí, và để giữ nhã độ văn hóa đối với hai quý đồng-nghiệp của tôi, tôi rất tiếc không thể đăng được bài trả lời của ông. » (trích bức thư của Ông Nguyễn-Vỹ gửi cho tôi,

Tôi nhận thấy trong bài của Ông có khá nhiều điểm sai lầm. Nếu Ông thuyết-phục được ông Nguyễn-Vỹ đăng bài tôi lên thì ông sẽ thấy (Bản-thảo còn nằm tại tòa-soạn Phở-Thông). Tuy thế tôi vẫn chưa chỉ trích tất cả. Nếu cuộc tranh luận còn được phép kéo dài trên tờ Phở-Thông thì tôi sẽ gửi thêm một bài nữa với những tài liệu đích xác trong sử sách chứ không phải nói lối mơ hồ như trong « quý bài » : « Ngoại sử chép rằng... Có người bảo rằng... Dư luận cho rằng »...

Ông có nhã ý khuyên tôi đến Thông Tin Hoa-Kỳ mượn quyển The Smaller Dragon của Ô. Joseph Butlinger mà đọc. Tôi xin cảm ơn Ông nhưng tiếc rằng sau khi đến thăm chúng tôi trở về nước, tác giả đã biếu chúng tôi một quyển ấy rồi nên chúng tôi khỏi phải đến Sở Thông-Tin Hoa-Kỳ làm gì. Nhưng quyển ấy phần lớn lấy theo tài-liệu của Pháp, chắc gì đã hoàn toàn đúng mà tin theo ?

Sau khi đọc xong những bài của Ông trả lời tôi, tôi nhận thấy Ông quả là người có tài, nhưng tài viết về chính-trị chứ không phải tài viết về lịch-sử.

Xin trân-trọng kính chào Ông.

Bửu-Kế

BÁCH KHOA XCIII

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuồng họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯ'ONG-VĂN-CHOM

Dược-khoa Tán-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Thuyết hoán cải và đào thải tự-nhiên của **DARWIN** còn đúng không ?

CỔ - LIÊU

THẢO - mộc và cầm-thú tiến-hóa là một sự kiện hiển nhiên, đã có sự việc ngoài đời chứng minh. Những khám phá mới mẻ về hóa-thạch-học lại xác-định điều đó.

Hiện thời người ta cắt nghĩa sự tiến-hóa của sinh-vật bằng thuyết Tân - Đạc - Uyn (Néo Darwinisme). Thuyết này giải-thích một cách cụ-thể được phần lớn những hiện tượng sinh-vật, nhưng sự giải thích không thể kiểm soát được bằng thực nghiệm. Đó chỉ là một loại giải thích hậu quyết những hiện tượng cần cả ngàn thế-kỷ mới thành tựu, nhà khoa-học không làm thế nào thực hiện một hiện tượng như thế trong phòng thí-nghiệm để kiểm soát.

Thuyết Tân-Đạc-Uyn căn cứ vào khoa-học di truyền (génétique) và luật đào thải tự nhiên (loại trừ giống kém cỏi)

Sự đào thải và sự hoán cải, hai quy-luật Tiến-hóa

Nếu trứng một loài côn trùng, hạt một loài thảo - mộc đều nở thành con và con

đều sống cả thì trái đất sẽ không đủ chỗ cho sinh vật sinh trưởng. Vậy phải có sự quân bình, nghĩa là phần lớn sẽ chết đi. Nhưng con nào cây nào, sẽ chết ? Những con vật, những cây cối yếu ớt, bệnh tật, không đủ điều kiện để tranh đấu. Sinh vật nào có đủ tư cách hơn cả sẽ sống. Đó là câu trả lời của Đạc-Uyn. Ông đề ra công thức «tranh đấu để sống còn »,

Muốn tìm hiểu Đạc-Uyn chúng ta phải tìm hiểu chút ít về khoa di-truyền-học. Khoa học này dựa vào hai thuyết căn bản :

1) *Tính cách bất di bất dịch của sự di-truyền.* Thí dụ loài người, những yếu tố di truyền của mẹ sinh ra con với những tính nết và hình dạng di truyền của cha và mẹ. Những tính nết và hình dạng ấy sẽ truyền lại mãi. Tuy nhiên nếu bất thường trong đời một người gặp tai nạn bị cụt tay hay chột mắt, thì khi sinh con đứa bé vẫn không bị những tật đó, vì sự cụt tay, chột mắt vì tai nạn không ảnh hưởng đến yếu tố

di truyền. Người ta đã chặt đuôi hàng trăm đời con chuột mà không thể tạo ra được một giống chuột cụt đuôi.

2) Thứ hai là thuyết hoán cải. Cái gia tài truyền thống bất di bất dịch cũng có khi bị biến đổi bất thường. Trong một vườn xà-lách người ta thấy có một cây lá dài hơn, quăn hơn. Nếu lấy hạt cây ấy làm giống thì lứa xà-lách sau cũng lá dài hơn quăn hơn giống thường. Sự truyền thống đã bị hoán-cải vậy. Trong nghề trồng tỉa người ta tạo ra nhiều giống cây tốt bằng cách hoán cải truyền thống nhân tạo.

Đây là thuyết rường cột của phái Tân-Đặc-Uyn :

Sự tiến hoá của muôn loài từ 3 hay 4 tỉ năm về trước để trở thành những sinh vật hiện có trên trái đất ngày nay phải giải thích bằng hai quy-luật.

— Sự hoán-cải làm xuất-hiện những giống sinh vật mới.

— Sự đào-thải loại trừ những giống kém cỏi không đủ điều kiện tồn tại, chỉ để lại những giống đủ tư cách để sống.

* *

Nhà hoá-thạch-học Mỹ George Gaylord Simpson đã căn cứ vào thuyết Tân-Đặc-Uyn để cắt nghĩa tất cả mọi hiện tượng sinh vật một cách duy vật : chỉ có luật lý-hóa đã tình cờ tạo nên những hiện-tượng đó chứ không có tính cách cứu cánh nào cả.

Ta lấy con hươu cao cổ làm thí-dụ : cổ cao, chân dài có thể với tới những cây cao để ăn lá. Thuyết Tân-Đặc-Un không cho đó là một sự xếp đặt có ý nghĩa của Hóa-Công. Hóa-thạch học đã chứng

minh tổ-tiên của hươu cao cổ chân và cổ cũng vừa phải thôi. Nó phải cạnh tranh với giống khác cũng ăn loại cây ấy. Đến một kiếp nào đấy, một sự hoán cải thuận lợi cho con hươu cao cổ làm cho cổ dài ra.

Con cháu nó giữ nguyên cổ dài. Chúng được ưu-thể để dành ăn các lá cây trên cao, những giống cùng loài nhưng cổ chưa dài phải tàn lụi dần vì kém thể không giành được đủ miếng ăn. Nếu sự hoán cải xảy ra không thuận lợi cho nó, như cổ vẫn ngắn, mà lông còn sặc sỡ, thì không những nó khó kiếm ăn mà còn dễ bị mãnh thú trông thấy, bắt ăn thịt nữa. Vậy luật đào thải đã loại trừ những con sinh ra không được lợi thể về thể chất và để tồn tại những con cổ dài, lông nhợt lẩn với cỏ vàng dễ kiếm ăn và tránh khỏi mãnh thú ăn thịt. Dần dần từ đời nọ sang đời kia những sự hoán cải liên tiếp cứ làm cổ và chân hươu dài mãi ra cho đến ngày nay con hươu cao cổ cao tới 6 thước.

Phần nhiều loài vật có những cách che giấu hình hài để tránh loài khác ăn thịt mình hay trái lại để dễ rình mồi. Con nhái xanh màu lá cây dễ lẫn với lá, con ấu trùng châu chấu màu đất dễ lẫn với đá sỏi, đỡ bị loài khác ăn. Con cọp vàng vắn đen lẩn với cỏ dại để loài vật khác khó thấy, nó dễ kiếm mồi.

Như vậy luật đào-thải tác-động theo 2 hướng, một đằng để tồn tại những hoán cải thuận lợi cho loài châu-chấu tránh được chim ăn, một đằng thuận lợi cho loài cọp dễ kiếm mồi. Châu-chấu cũng như cọp nếu loài nào có màu sắc dễ lộ hình hài, đều bị đào thải vì châu-chấu bị ăn đi mà cọp thì không kiếm được mồi ăn.

Tổ ong là một công trình kiến trúc và mỹ-thuật phức tạp và tinh tế. Luật đào thải chỉ để tồn tại những sự hoán cải nào thuận lợi cho giống ong xây được tổ hoàn mỹ nhất cho dễ sinh sống. Qua hàng tỷ năm chọn lọc con ong ngày nay đã đạt tới mức tinh vi về sự xây tổ.

Ta thấy rằng với hai quy luật đào thải và hoán cải, thuyết Tân - Đạc - Uyn giải thích tất cả mọi điều bí-mật của sinh-vật. Người Anh tin tưởng rằng không có cách giải thích nào thay thế được thuyết Tân-Đạc-Uyn, nhưng người Pháp kém óc bảo thủ đã nêu lên nhiều thắc mắc.

Thuyết Tân-Đạc-Uyn không cắt nghĩa được nhiều hiện-tượng sinh - vật

Trước hết là những thắc mắc về nguyên-tắc.

Luật đào-thải loại trừ những loài vật kém điều-kiện sống. Nhưng ông Cuenot nói rằng trong một giống vật sự kiện bị hủy diệt không có tính cách đào-thải. Trong 120.000 con nhái xanh ra đời chỉ có 2 con sống sót. Khó mà tin rằng 2 con sống sót được là vì có đủ tư cách hơn 199.998 con khác chứ không phải do sự tình cờ. Người ta lại thường câu được những con cá có tật, tất nhiên kém điều kiện tranh-đấu.

Ta biết rằng loài cá bị đào thải còn gât gao hơn giống nhái xanh. Vậy mà luật đào thải không loại trừ những con tàn tật, kém điều kiện tranh đấu.

Ông Chauvin cho rằng thuyết Tân Đạc Uyn không thể kiểm soát bằng thực nghiệm được vì thế kém phần giá trị. Nhờ thống-kê, nhờ ghi nhận những điều quan-sát liên-

tục các sự việc xảy ra hàng triệu thế-kỷ, người ta cũng chỉ biết được rằng có sự hủy diệt gât gao trong các giống vật có điều kiện sống sót. Làm sao thực hiện những hiện tượng ấy trong phòng thí-nghiệm ?

*
* *

Mặt khác, thuyết Tân-Đạc-Uyn nêu lên những thắc mắc sau đây :

1) Hầu hết côn - trùng không thể dùng làm thức ăn cho loài khác được đều có mã đẹp. Tín đồ Tân-Đạc-Uyn cắt nghĩa : « Nhờ thế loài khác nhận biết nó mà không ăn đi. Luật đào thải hủy diệt dần những giống côn-trùng không ăn được mà mã xấu (vì bị ăn lầm) chỉ để lại những giống không ăn được mà mã đẹp .»

Nếu quả luật đào thải tác-động như thế thì tất cả mọi sinh-vật không thể dùng làm đồ ăn cho giống khác đều trở thành có mã đẹp. Nhưng người ta thấy biết bao thảo-mộc rất độc không có mã đẹp tí nào hay cũng không có dấu hiệu gì tỏ ra bắt đầu sinh mã đẹp. Chúng cũng lẫn với đám cây ăn được mà không có gì đặc sắc, khác thường cả.

Trường hợp này chỉ có một cách giải thích : đối với thảo mộc sự kiện bị ăn không phải là một yếu-tố đào thải, vì thảo mộc bất cần mình bị ăn hay không.

Tuy nhiên, thực tại đưa ra những chứng cứ rằng thảo mộc cũng chống cự lại kẻ ăn mình bằng cách phát-triển những bộ phận bảo - vệ như gai nhọn, nhựa độc, lá nhọn v.v...

Người ta sẽ nói rằng muốn trở mã đẹp cần có khả-năng di-truyền sinh ra màu rực-rỡ, côn-trùng hơn thảo mộc điểm ấy.

THUYẾT HOÁN CẢI VÀ ĐÀO THẢI...

Nhưng sự thực, màu sắc tươi đẹp của hoa đã cải-chính lối giải-thích này. Cũng theo nguyên-tắc « đẹp mà không ăn được, xấu mà ăn được » thì tất cả những hoa độc đều phải có mã đẹp còn những hoa ăn được đều xấu mã. Nhưng sự thực không phải thế, có hoa đẹp mã mà độc cũng có hoa đẹp mã mà ăn được, hoa xấu mã cũng vậy.

2) Điểm thắc mắc thứ hai liên hệ đến một hiện-tượng rất quen thuộc với các nhà nhiên học, tức là hiện-tượng phát-triển quá cỡ của một vài bộ phận làm cho con vật phải chết mất giống vì bộ phận ấy.

Tỉ dụ trường hợp con Moérithérium, tổ tiên con voi. Những sự hoán cải lần lần làm cho vòi dài ra, nhưng đồng thời hai cái răng nanh (ngà) cũng lớn và dài theo. Trải qua nhiều thế-hệ, đến đời con mammoth (một giống voi) ngà dài quá, vướng quá làm nó không kiếm ăn được mà chết mất giống.

Con mégacère, một giống nai lớn xứ Irlande, có cặp sừng rộng đến 3 thước. Nó chết vì cặp sừng đẹp đẽ ấy. Con chim toucan có cái mỏ lớn quá, nặng hơn đầu nó làm nó lúng túng.

Những giống vật này hẳn phải oán hận ông trời sinh ra luật đào thải làm gì để làm hại chúng ! Ông Đạc-Uyn sẽ trả lời sao đây ? Nếu sự đào-thải tác-động theo một hướng thuận lợi cho sự sinh sống thì tại sao lại có lúc cản trở sự sinh sống như vậy ?

Muốn giải thích phải nhắc đến khoa-học di-truyền. Yếu-tố di-truyền của con mam-mouth làm cho mỗi khi vòi dài ra thì ngà cũng dài ra. Vòi dài thuận lợi cho sự sinh

sống, còn ngà dài là một hiện tượng liên đới với sự hoán cải thuận lợi ấy.

Ta tạm gọi hiện tượng ấy hiện tượng hoán cải liên đới. Giải thích như thế cũng hữu lý. Người ta biết có những điểm liên đới với nhau trong cơ thể người ta như tóc vàng thì mắt phải xanh. Như vậy có thể giải thích những bộ phận phát-triển quá sức bằng sự hoán cải liên đới.

Khổn thay, lại có hai chi tiết sau đây làm cho vấn-đề cần phải « xét lại ».

10/ Sự hoán cải liên đới là một luật chung có hiệu lực cho toàn-thể sinh-vật. Nhưng trong giới thảo-mộc, người ta không thấy có hiện tượng hoán cải liên đới làm một bộ phận cơ thể lớn quá độ.

20/ Trong một cơ thể, hai hay nhiều bộ phận chịu ảnh-hưởng di-truyền liên đới với nhau chỉ là tình cờ chứ không nhất định phải là những bộ phận nào. Mèo xiêm mắt xanh lơ thì điếc, chó trụi lông thì răng khắp khểnh, v.v... Nếu như vậy thì người ta nghĩ rằng cũng phải thấy những bộ phận không hờ ra ngoài lớn lên quá độ như ruột, gan, phổi v.v... Nhưng tuyệt nhiên không có những trường hợp ấy. Chỉ có sừng, chân, bộ phận phụ thuộc, nghĩa những bộ phận bên ngoài, thấy được, là biến bởi mà thôi.

*
* *

Còn có một sức nhiệm màu hướng dẫn sự tiến hóa của sinh vật mà ta chưa biết.

Quy luật hoán cải — đào thải tự nhiên-của Tân-Đạc-Uyn chỉ phối toàn thể sinh vật trên trái đất. Nói thế nghĩa là không thể nào có những hiện tượng không thể giải thích bằng công thức « hoán cải—đào thải ».

Nhưng, ác thay, những hiện tượng không giải thích được lại có thực, như theo luật chung « tất cả mọi sinh vật không thể dùng làm đồ ăn cho giống khác đều trở thành có mã đẹp » Vậy mà có những cây không ăn được mà lại không đẹp. Hiện tượng hoán cải liên đới làm cho một bộ phận lớn quá độ. Không xảy ra cho thảo mộc. Hiện tượng ấy lại không xảy ra cho những bộ phận bên trong cơ thể sinh vật.

Những hiện tượng không thể giải thích được như thế có nhiều ý nghĩa :

Thảo mộc không theo luật chung trên đây nghĩa là luật đào thải tự nhiên không hủy diệt kẻ kém cỏi, hay là sự hủy diệt kẻ kém cỏi không do tác dụng đào thải, không ảnh-hưởng đến sự tiến triển của sinh vật. Nói như vậy là lay động thuyết Tân-Đặc-Uyn đến gốc rễ.

Không có trường-hợp tự nhiên một bộ phận lớn lên quá độ trong giới thảo mộc chứng tỏ rằng hiện-tượng ấy không thể cắt nghĩa bằng thuyết Tân-Đặc-Uyn được.

Như vậy nếu không cho rằng luật di-truyền liên-đới không tác động đến thảo-mộc, thì ta bắt buộc phải kết luận rằng luật đào thải tự nhiên không « đào thải » chút nào, sự hủy diệt chỉ là tình cờ, hay là luật đào thải tự nhiên không tác động đến thảo mộc.

Nhưng kỹ thuật canh nông đã thực-hiện được những thứ hoa, quả lớn khác thường

nghĩa là thực hiện sự di-truyền liên - đới, bằng phương-pháp đào thải nhân-tạo. Vậy mà không có sự di-truyền liên - đới thiên-nhiên, đủ hiểu sự đào thải thiên - nhiên không « đào thải » chút nào cả.

Sau hết, chưa chắc sự đào thải đã tạo ra những con vật sừng lớn quá, mỏ lớn quá, chân dài quá. Trái lại sự đào thải có hướng dẫn (nhân-tạo) đã tạo ra những quả, những hạt lớn và đẹp khác thường, tạo ra những con vật khác hẳn tổ tiên nó (con cháu nó cũng giữ nguyên sự khác thường ấy). Như thế người ta phải nghĩ rằng sự tiến hóa của muôn loài còn có một sức màu-nhiệm gì hướng - dẫn mà ta chưa biết.

Thuật lại bởi khảo-luận của Almé Michel tạp chí Science et Vie tháng 8-1960

CÔ-LIÊU

ĐÔNG Y - SĨ

VŨ DUY THIÊN

Số 612/138 Phan-dinh-Phùng đường Bàn Cờ — Saigon (chùa Kỳ-Viên thẳng vào gần trường Lam-Sơn) hành nghề trước ở Nam Định và Hà Nội, CHUYÊN CHỮA ĐÀN ÔNG : thận hư, dương sự kém, liệt dương, mộng tinh, di tinh, ĐÀN BÀ khí hư, huyết hư muộn sinh đẻ. Bệnh phổi ho lao, đau bao tử, ngoại cảm nội thương, người lớn, trẻ em, giờ làm việc từ 7 giờ sáng tới 9 giờ chiều. (Chủ nhật không nghỉ).

NÊN ĐỌC VÀ CỔ-ĐỘNG TẠP-CHÍ

MAI

Dáng tịch liêu

Kính tặng anh N.

Ngày ngả sang chiều ướp nhớ thương
Buồn theo đại lộ đến công trường
Vòm trời thu hẹp buồn xưa cũ
Vai mỏng đôi bờ lạnh gió sương

Tóc xõa mềm xanh mộng chứa già
Tròn nguyên đau khổ suốt ngày qua
Chừ đây bám víu niềm an ủi
Trên những trang dài quyền giáo khoa

Ngày sắp đuổi dài dáng tịch liêu
Rớt trên tà áo sắc mây chiều
Là đây tiếc nhớ ngày thơ dại..
Sắp điền trang lòng để biết yêu

Thôi thả về đây đêm tối đen
Đề em vùng vẫy với ưu phiền
Và mong người ấy không buồn nữa
Tìm một chân trời để lãng quên

Mong mỗi bay vèo ngược ánh sao
Tìm phôi pha giữa một tinh cầu
Đêm nay chắc hẳn buồn co giãn
Đêm trắng viền thâm đôi mắt nâu.

Đầu năm Kỷ-hợi
Cô HÀ-HỢP-NGUYỄN
(Tình sử hai phương)

BÁCH KHOA XCIII

MẠN ĐÀM VỀ VĂN HÓA

II

Chuyện Phỉếm của ĐÔNG-HỒ

(Tiếp theo B. K. số 92)



Tội tại bát phở thơm.

ÔNG Hiếu-chân nói quả không sai. Là khi Văn-ngệ muốn tranh-dấu, muốn phản-ứng thì nên tranh-dấu phản-ứng ngay kịp giữa lúc ý-khí đang hăng, tinh-thần đang mạnh. Đừng để diên-trì. Ngày đợi ngày, bị vướng mắc những tầm-thường quanh mình, rồi đến hết thềm phản-ứng. Có phản-ứng nữa cũng phản-ứng một cách uề-hoài chiều lệ. Đã phản-ứng bằng cách tài-tử đó thì dầu cho không phải là Khổng-Minh, cũng đoán trước được là thất bại sẽ thấy ngay trước mắt.

Câu nói của Hiếu-chân quả là câu nói có kinh-nghiệm :

Khi diễn-giả nói trên diễn-đàn, tôi sắp xếp ghi nhớ mọi chi-tiết, chỗ nào đồng-ý, chỗ nào chưa đồng-ý, nơm-nớp đợi lúc

diễn - giả dứt lời là tôi nhảy lên góp chuyện ngay. Lúc đó, lòng đang hăng-hái, nếu tôi lên góp chuyện kịp thời thì chắc sẽ theo-thao bất-tuyệt, câu chuyện chắc sẽ phấn-khởi hào-hứng đáo-dề.

Nhưng mà, sau khi đã thoả-mãn với hai bát phở thơm, sau khi đã sung-sướng với một giấc ngủ êm-dềm, sáng hôm sau trở dậy, ý hăng-hái đã nguội lạnh, mà bao nhiêu điều muốn bàn góp với diễn-giả đã quên đi gần hết.

Bây giờ muốn nói, phải dụng-công lắm mới nhớ dần dần, còn e rằng hãy còn chưa đủ. Thôi thì đành, đây là câu chuyện mạn-dàm đầu cua tai ếch, không có bố-cục, không có khai thừa chuyện hợp gì hết.

Nếu có vậy, không biết đồ tội cho ai. Không tội tại cái cò nõi, thì tội tại bát phở thơm vậy.

*
* *

MẠN ĐÀM VỀ VĂN HÓA

Hoàn-cảnh nào Văn-hóa nấy.

Thường muốn nghe kể bất kỳ câu chuyện gì, nhất là chuyện Văn-hóa và Chính-trị thì chúng ta nên sống trở lại, không thể nào sống trở lại, thì cũng nhớ cho ra, không nhớ cho ra được, thì phải tưởng-tượng cho được, hoàn-cảnh đương-thời.

Có ở trong hoàn-cảnh, trong trường-hợp, trong bầu không-khí đương-thời thì nghe câu chuyện xảy ra mới thông-cảm đúng mức của nó.

Ví dụ muốn nghe chuyện áo mảo cần đai, thì phải tưởng-tượng sống trong hoàn-cảnh triều-dinh. Muốn nghe chuyện các ông thông-ngôn, chủ-quận, hội-dồng quân-hạt, đốc-phủ-sứ, thì phải sống trong hoàn-cảnh Tây còn thịnh thời.

Bởi vì mỗi hoàn-cảnh xã-hội có một tính-cách khác nhau.

Ngày nay, nhất là bạn trẻ khoảng mười lăm mười sáu tuổi, mà nghe nói « dân tây » « mẽ-day điều » thì làm sao mà biết được tính-cách quan-trọng ghê gớm của nó.

Những thần-tượng đó, đã bị xô ngã sau cơn quốc-biến.

Tôi phải nói dông-dài như vậy, vì chuyện tôi sắp kể đây nó thuộc về thời-kỳ và trong hoàn-cảnh xa-xa đó.

*
* *

Bại tại văn-hóa của một quan lớn.

Năm đó, có một tờ tuần báo đăng một bài giải-thoại văn-chương.

Bài đó dẫn những thơ văn tuyệt-mạng của nhà chí-sĩ Thủ-khoa Huân ở Mỹ-tho. Trong bài thơ, câu đối có mấy chỗ mà tôi thấy

không giống như chỗ tôi nghe người tại Mỹ-tho nói lại.

Cái đó, thì thiệt là không quan-hệ gì. Vì những bài thơ văn cũ còn truyền-tụng, khi sao đi chép lại, sai-biệt nhau là sự rất thường có. Ông nghe người ta truyền như thế này, mà tôi thì nghe người ta truyền như thế khác. Ông chép tiếng kia, tôi chép tiếng nọ. Không ai là có tội cả. Vì khi nghe khi chép, mỗi người đều có chỗ thưởng - thức riêng.

Nhưng trong giới văn-chương, trong làng chữ-nghĩa với nhau, tôi có quyền nói cho Ông biết là tôi nghe người ta truyền nó là chữ này, trong lúc Ông chép nó là chữ kia, đề cho Ông kiểm-điểm lại. Chẳng những cho một Ông một tôi, mà cho cả làng thơ làng văn đều thấy, đề xác-định lại xem đâu là gần đúng với « bài cái » hơn.

Chuyện đó, không phải là chuyện chỉ-trích nhau.

Thế mà, tôi đã gặp một phản - ứng ghê-gớm, khi tôi trưng ra vài chỗ sao chép của thơ văn Thủ-khoa-Huân.

Ví dụ, Ông đã chép câu đối 'tuyệt-mạng' của Thủ-khoa Huân rằng :

— Đại sự nan thành, không uổng bách niên chiêu vật nghị.

Vì công bất tị, hưu tương nhất tử báo quân ân.

Tôi, thì tôi lại nghe truyền rằng :

— Đại sự nan thành, không sử bách niên chiêu vật nghị.

— Vì công bất tị, diệc tương nhất tử báo quân ân.

Chuyện tầm-thường chỉ có thế thôi. Không dè mà đã làm cho Ông mịch lòng hết sức mịch lòng.

Mích lòng, nhưng mà Ông không thêm cái-cọ với tôi. Ông liền thuật cho tôi nghe một câu chuyện cũ. Dưới đây là lời nói của Ông, tôi sao y lại, đoạn in trong ngoặc kép. Ông thuật rằng :

« BIẾT THÌ THỐT. — Về câu đối thờ, « tự tay cụ Thủ-Khoa Huân viết ra, trước « khi lên đoạn đầu đài, mà người đời « đã truyền-tụng không đúng nguyên-văn, « bằng cứ là có câu chuyện vui vui của làng « văn cận-dại mà tôi sắp kể ra đây, đã « chứng tỏ sự sai-lạc đáng trách ấy.

« Trước đây hơn 40 năm, toàn dân « Việt miền Nam ai cũng nghe danh ông « Diệp-văn-Cương. Mặc dầu ở địa-vị « quan liêu, Diệp tiên-sinh hay « chiêu hiền nạp sĩ yêu chuộng văn- « chương, nên chi, thỉnh-thoảng ông có « thiết tiệc khoản đãi sĩ-phu.

« Một hôm như thường lệ, cụ Diệp « chiêu-tập một cuộc hội họp các văn-nhân « thi-sĩ để cùng chuốc chén nối thi. Trong « buổi tiệc, tân khách đàm luận thi phú « văn-chương, hết chuyện nọ đến chuyện « kia không biết chán. Lúc bấy giờ có một « cử tọa (xin miễn khai danh) cất tiếng ngâm « bài thi *Bị đày* của cụ Thủ-khoa Huân. « Ngâm xong, ông (khách) bắt đầu phê- « bình đôi câu đối thờ cụ :

« — Bầm quan lớn (tiếng tôn-xưng cụ « Diệp) theo như thiên ý thì hai câu đối « tuyệt-mạng của cụ Thủ-Khoa còn có chữ « chưa được ổn.

« Nghe nói thế, quan lớn Diệp hỏi gằn « (ông khách) với giọng phẫn nộ : « Chưa « ổn à ! chỗ nào chưa ổn cứ nói xem ? » « Ông khách còn ngần-ngừ chưa đáp, bỗng « nghe tiếng hỏi dồn của quan lớn Diệp

« chỗ nào chưa ổn đâu ? » Với sự luống- « cuống, ông khách buộc lòng bày giải :

« — Bầm quan lớn. Đại sự nan thành, « không uổng bách niên chiêu vật nghị, theo « tôi, nên chữa lại là « *Không sử bách niên « chiêu vật nghị* » Còn về dưới, tôi xin chữa « một chữ. Thay vì hai chữ « *Hưu trương* », « xin đổi lại là « *Diệp trương* »

« Ông (khách) nói vừa dứt lời, thì cử « tọa bỗng nghe một tiếng đánh bốp, « làm cho ai nấy sững-sốt nhìn nhau « ngơ-ngác. Thì ra ông (khách) bị quan « lớn Cương đánh cho một bạt tai « nên thân, nhưng quan lớn vẫn còn giận « dữ mắng rằng :

« — Đồ ngu như con bò mà dám cả gan chữa văn ! »

(Tuần báo X, số 44 ngày 19-9-1953 trang 7)

*
* *

Sững-sốt ngơ-ngác

Đọc xong câu chuyện « Bạt tai văn-hóa » trên đó, các bạn độc-giả ngày nay có « sững-sốt ngơ-ngác » như cử-tọa của quan lớn Diệp tiên-sinh hay không, chớ Đông-hồ, thiết đã nhiều phen sững-sốt ngơ-ngác vì nó lắm.

Sững-sốt ngơ-ngác lần đầu tiên, là lần được nghe lọt tai câu chuyện thuật trên kia, cách nay đã bảy tám năm. Rồi từ đó về sau, cứ mỗi lần nhớ tới nó, đều mỗi lần sững-sốt ngơ-ngác, cho đến hôm nay, chép lại cho độc-giả cùng đọc, lại một phen sững-sốt ngơ-ngác nữa.

Sững-sốt ngơ-ngác vì không hiểu sao mà trong làng Văn - hóa chúng ta lại có những « giai-thoại » kinh-khủng đến như vậy.

MẠN ĐÀM VỀ VĂN HÓA

Một « ông văn-hóa chủ » có tiếng « chiêu hiền nạp sĩ yêu chuộng văn - chương » mà có thể đưa tay đánh bốp vào mặt một « ông văn - hóa khách », giữa chốn trù-nhân quảng-tọa như vậy.

Thành ra ở giữa làng Văn - hóa, ông chủ-tịch cũng có những hàng-động y như một ông quan phụ mẫu, đối với đũa dân đen.

Mà phải có tội vạ gì cho cam. Chỉ vì cái một chữ chép khác nhau trong một câu đối cò.

Ví phỏng như ông khách quả thật có « dốt như bò » như ý ông nghĩ nữa, cũng không đến nỗi mà ông chủ phải đánh « khách » như đánh « bò » dôm-dốp giữa chỗ quan chiêm.

Tất quan lớn Diệp tiên-sinh phải có ý-thị vào một thể lực một uy quyền nào to lớn lắm, thì mới có những hành-động phản nghệ-thuật, phản văn-hóa đến như vậy.

Ở xã-hội ta hồi khoảng hơn 40 năm về trước, thể-lực và uy quyền nào đó ; các độc giả đã biết cả rồi.

*
* *

**Bạt tai chính - tri
hay
hay bạt tai văn-hóa ?**

Thời quan lớn Diệp tiên-sinh qua đã lâu rồi. Cử-tọa nhà quan lớn Diệp hồi 40 năm trước không biết có cho hành-động của ông chủ bữa tiệc văn-chương đó là chánh đáng hay không chánh-đáng, cũng như « toàn dân Việt miền Nam » thuở đó có lấy làm thú-vị mà nghe câu chuyện « bạt tai cái bốp » của quan lớn Cương hay không. Điều đó chúng ta nay cũng không dám quyết được.

Vì Diệp tiên-sinh đã ra người thiên-cổ mà dư-luận của « toàn dân Việt miền Nam » thì biể, lấy ai làm đại-diện bây giờ.

Duy có một điều quyết được là hồi bảy tám năm gần đây, Ông thuật câu chuyện đó cho tôi nghe, Ông còn lấy chuyện đó làm lý-thú, và Ông hãy còn cho rằng hành-động của quan lớn Diệp tiên-sinh là chánh-đáng.

Bởi vì ông đã thuật cho tôi nghe bằng một giọng thỏa-thuê sươg-khoái. Rằng ông đã tìm được thể trả lời một cách đích đáng. Ông chẳng cần phải thảo-luận với tôi làm chi, Ông chỉ thuật chuyện Quan lớn Cương, cho tôi nghe, thì cũng như là Ông đã thưởng cho tôi « một cái bạt tai đánh bốp nên thân » rồi đó.

Hơn nữa, ông đã cảnh-cáo cho tôi tỉnh ngộ. Ông nhắc cho tôi nên nhớ rằng, nếu tôi mà còn lòi-thôi cái chữ với Ông, như ông khách xưa đã cãi chữ với quan lớn Cương, thì tôi phải đề-phòng, chắc-chắn một cái bốp sẽ đến ngay cho tôi, mà tôi sẽ không tránh khỏi.

Ông nghĩ quả không sai. Vì sau khi nghe Ông thuật câu-chuyện xưa, tôi hết dám cãi chữ với Ông nữa.

Bởi vì, sau cơn sùng-sốt ngạc, tôi hỏi dò dần mà biết thêm, thì được biết rằng Ông thuật chuyện đó cho tôi nghe hình như là một quan Thăm-phán mà cũng một quan Thăm-phán biết « chiêu-hiền nạp-sĩ, yêu chuộng văn-chương », y như quan lớn Diệp tiên-sinh ngày xưa vậy.

Thảo nào mà Ông chẳng tán-thành hành-động, và hoan-nginh thái-độ của người Ông muốn học đòi.

Lời thuật chuyện đó của Ông quả là một bạt tai đánh bốp giáng-tiếp, nổi lên trong làng văn-chương chữ-nghĩa.

Duy bây giờ, chúng ta không biết nên gọi nó là một bạt tai văn-hóa hay là một bạt tay chính trị. Bởi vì cái bạt tai đó là cái bạt tai « chiêu-hiến nạp-sĩ, yêu chuộng văn-chương »

Ở trong thể Chính-trị và Văn-hóa trộn lẫn hòa tan như vậy đó, thật khó mà định-nghĩa cho phân-minh.

Phải chi, không có bữa phở tái của ông bạn già họ Vương quyến rũ, thì tôi đã bắt diễn - giả Hiếu-chân dở hàng chổng sách ra mà định cho lộn nghĩa.

Muốn định nghĩa cái « bạt-tai văn-hóa hay bạt-tai chính-trị » này cho phân minh, tôi thấy nó rất khó mà biện-biệt cho được, trong khi Chính-trị và Văn-hóa phối-hợp lẫn-lộn vào nhau, ở trong một con người quan-lớn Diệp tiên-sinh.

Thà là cứ ra mặt uy-hiếp cần-thận như ông Chính-trị trong câu chuyện của Hiếu-chân, đề cho những ông Văn - hóa, cũng trong câu chuyện của Hiếu-chân phản-ứng, Thà là cứ như thế mà hơn, vì còn biết đường lối nào mà chống đỡ.

Đàng này, không phải vậy. Trong câu chuyện tôi nghe thuật, rồi đem ra kể góp lại đây, nhân-vật chánh không hẳn là ông Chính-trị mà cũng không hẳn là ông Văn-hóa.

Bởi vì, nếu là « ông Văn-hóa » thì sao mà lại nỡ, thì sao mà lại dám, đang tay xử tàn-nhẫn với một « ông Văn - hóa » cùng

làng như vậy. Và nếu là ông Văn-hóa đã dám hành động như vậy thì sao cả làng Văn-hóa lại cứ ngồi ngậm tằm mà ngo - ngác rụng-rời, mà không dám một chút gì phản-ứng.

Đã có hành-động uy-hiếp, đã có quyền-lực hách-dịch như vậy, thì đích thị đó là « ông Chính-trị » hẳn rồi, chứ làm sao là « ông Văn-hóa » cho được.

Nhưng nguy-hiểm cho Làng văn, tai nạn cho Chữ-nghĩa là khi bị đánh, không biết đàng nào mà đỡ, như bị sét ngang mày mà không kịp bưng tai. Là bởi tin cậy ở chỗ « chiêu hiến đãi sĩ, yêu chuộng văn-chương » của quan-lớn đó. Cũng bởi ý-thị chỗ chiêu - hiến đãi - sĩ yêu chuộng văn-chương của ông chủ tiệc văn - chương mà ông khách làng-văn mới dám ngang-nhiên cái chữ không một chút e-dè, khiến cho đến lúc bị thưởng một bạt tai đánh bốp bất-thần, mới hoác-nhiên tỉnh ngộ thì đã trễ mắt rồi. Đỡ hoác-nhiên làm sao cho kịp nữa !

Than ôi ! Con người Văn-hóa vốn hiền-lành chất-phác dễ tin mà ! Không phải dễ tin vì bữa rượu ngon ở chốn quyền-môn lộng-lẫy, mà dễ tin vì một lòng tha-thiết yêu say Chữ-nghĩa Văn-chương.

Vụ Bạt tai Văn-hóa hãy tạm ngưng lại đó đi, vì thực sự nó chẳng lý-thú gì đâu ; nó buồn lắm.

Xin phép các bạn cho tôi bàn phiếm sang chuyện khác vui hơn.

(Còn tiếp)

30.X.1960

ĐÔNG-HỒ

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1.500.000 000 Frs.

**TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BAO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance France Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

LÀ THƯ HẢI NGOẠI

Alger ngày 8 tháng 8 năm 1960

Anh Nguyễn,

MẤY hôm nay tôi đi chơi lung tung vì theo cái diễn văn của cụ « Đờ », rồi đây không biết lúc nào thì Algérie được Độc-lập, tôi phải lo lợi dụng những ngày giờ quý hóa này mà đi « ngao du » cho khắp. Việc trước nhất là đi viếng những thắng cảnh rồi đến những đền đài... Đặc biệt có mấy cái « mosquée » (đền thờ của đạo Hồi-Hồi). Tôi rất lạ, hỏi bao nhiêu người Pháp ở đây từ thuở lọt lòng mẹ mà rất ít người biết và đã đến viếng những cái đền ấy. Đây cũng chỉ do ở sự khinh rẻ một dân tộc bị đô hộ.

Lúc vào trong đền thì đã mười một giờ, và cố nhiên là không dám chọn ngày thứ sáu tức là ngày lễ lớn trong tuần cũng như ngày rằm của đạo Phật hoặc ngày chủ nhật của đạo Thiên-chúa. Trước khi vào hẳn bên trong tôi còn đi dạo một vòng chung quanh nhưng bước chân cứ phải dè dặt để tránh khỏi giẫm lên áo, lên mình những người Ả-Rập đang nằm ngồi lễ lết ở trong hành lang mặt trước. Hai bên và mặt sau đền ruồi nhặng và một mùi hôi nồng do nước tiểu bị ánh nắng bốc lên.

Trong sân đền có vẻ sạch sẽ hơn, hai bên tường lát gạch bằng sành men xanh men tím chạm những hình quỉ chám. Kiến trúc theo lối cổ Ả-Rập, đền này cất từ thế kỷ thứ mười. Trước khi vào đền có mùi hôi « muôn thuở » mà tôi đã kể cho anh, lại xông lên, vì ngay ở cửa ra vào là một dãy nhà « vệ sinh ».

Đền rất rộng, có 72 cái cột vuông to đến 8 tấc mỗi bề, dưới đất trải có hàng trăm chiếc chiếu lớn. Tuy không phải là ngày và giờ lễ nhưng cũng có một vài con chiên đang rạp mình xuống lễ. Theo tục lệ họ chỉ được lễ sau mỗi cái cột. Đền không có bàn thờ, không có tượng, chỉ có một chỗ để cho các Mục sư đứng giảng kinh mà thôi. Mỗi đền đền có một chỗ riêng, hoặc là ngay trong đền hoặc là ở dưới tầng dưới dành làm chỗ rửa tay chân cho con chiên trước khi vào lễ. Mấy cái vòi nước thiêng chảy không ngừng, tôi tò mò muốn bước lại gần nhìn cho kỹ xem nước thiêng ấy từ đâu chảy ra nhưng bị họ la ầm lên cấm không cho được nhìn.

Một điểm lạ mà chưa bao giờ thấy ở trong một nhà thờ hoặc một đền chùa nào, là trong « mosquée » có rất nhiều người nằm la liệt ngủ. Hình như ngày trước thì không được đến ngủ như thế nhưng từ độ có chiến tranh luật lệ tôn giáo cũng nới rộng ra... Những người đến ngủ đây là những người tàn cư, lười không làm việc, và không có nhà cửa chắc chắn, thường lệ họ ngủ ở ngoài hành lang, thang cấp, găm cầu nhưng vì các nơi ấy ồn ào hay làm thức giấc

Thế là họ đến « mosquée » sau khi lễ xong tìm một góc nào đấy nằm lăn ra ngủ, ai lễ cứ lễ, ai ngủ cứ tiếp tục ngủ.

Sau khi viếng mấy cái « mosquée » rồi, tôi còn tìm đến một nhà giàu kiểu mẫu. Nhà chạm trổ tỉ mỉ ; một cái sân rộng ở giữa lát gạch hoa, có vòi nước. Bốn phía sân đều có nhà bao quanh, cửa sổ hướng cả ra sân chứ không hướng ra vườn. Nhà nào cũng chỉ có đệm giải làm chỗ ngủ chứ không có giường. Đây cũng là một tính chất đặc biệt còn lại của những dân-tộc du mục, chỉ sắm những gì có thể mang dễ dàng. Ngày lễ, cưới, hoặc có khách lạ đến thì tất cả đàn bà đều ở trên gác, cổ nhiên là chung quanh gác cũng có vẩy màn. Tôi đi tìm xem nhà bếp, chỗ nấu ăn nhưng không thấy, trừ những người Ả-Rập văn-minh sống theo lối Ảu còn thì nhà nào cũng nấu ăn ngay ở chỗ cửa ra vào.

Hình như trong con người Ả-Rập cái khứu-giác ít được phát triển, chỗ nào cũng thoang thoảng một mùi... hôi mà chẳng ai nhận thấy. Nhà cửa tuy chắc chắn, chạm trổ tỉ mỉ, sang trọng nhưng bên trong có gì âm u bí mật và « xua đẩy », chứ không vẻ đón mời như những căn nhà gỗ thông thoáng gió trăng ở xứ Việt.

Từ giữa những đền đài sang trọng tôi đến thăm các khu vực Bidonville. Anh đã nghe nói đến những tên như Elysabethville, Philippeville, chắc anh nghĩ Bidonville cũng tựa như thế, một thành phố nhỏ nào đấy thôi chứ gì. Bidonville đặc biệt ở chỗ là tất cả nhà cửa trong khu vực ấy đều cất bằng những cái thùng ét-xăng cũ, những ván mục, kiến trúc theo lối nhà để củi, chuồng lợn hàng sau ở miền quê xứ ta. Bề cao mỗi cái nhà chưa đến hai thước ; màu là cái màu hoen rỉ của sắt Tây, « tôn » mục, còn nói đến cái mùi thì anh tự tưởng lấy, cống nổi, rác, gỗ mục.v.v... Tôi ngắm nghía và thăm phục những con người can đảm, sống suốt đời trong những miếng sắt mục ấy mà không tìm ra lối thoát. Hàng nghìn nóc nhà như vậy chứ không phải ít, anh có hình-dung được không ?

Bây giờ tôi mới hiểu tại sao có sự dè dặt nghi kỵ, giữa dân-tộc Ả-Rập với các dân-tộc khác ; đàn ông thì táo bạo, đàn bà thì lạnh lùng, sự táo bạo gần như là vô lễ. Ban đầu lúc ra đường tôi hay nhìn ngang nhìn dọc, bây giờ thôi không dám nữa vì vô phúc mà cái nhìn gặp phải một người đàn ông Ả-Rập, tức thì họ giả lời ngay, dầu họ chỉ là một người phu đang đứng cuốc đường dưới trời nắng. Nếu cô nào đứng ở cửa sổ nhìn trời mà có một người đàn ông Ả-Rập đi ngang thì họ sẽ tưởng rằng cô ấy đang đứng chờ họ. Bệnh chủ quan đi đến chỗ nan y. Ngoài ra còn một điểm chán nhất là sự gian vật ; người ta dạy tôi rằng lúc vào phố phải xem người ta chọn hàng, phải đi theo nhìn lúc người ta cân hàng, lúc người ta gói, và phải đếm kỹ tiền lúc người ta thối lại. Anh nghĩ có bức mình không ?

Nhìn những đèn đài, những nhân vật nhà cửa, ai cũng phải công nhận rằng đây là một nền văn-minh bị ngừng trệ. Nghìn năm trước, dân-tộc Á-Rập được liệt vào hạng văn-minh nhất nhì về tất cả mọi mặt trong lúc mọi dân-tộc khác còn sống đời bán khai. Đến bây giờ, so sánh với mười thế kỷ trước họ vẫn không có gì thay đổi mấy, trong nếp sống, trong tư tưởng, con người.

Tôi đã gặp một số các ông Á-Rập trí thức, càng nói chuyện với họ lâu càng nhận thấy họ vẫn còn giữ những cái phong độ mà tổ tiên họ đã có. Vấn đề khổ tâm nhất của họ là vấn đề đàn bà. Ông nào cũng bảo rằng : « Từ xưa đến nay chúng tôi vẫn xem đàn bà là thấp kém, thế mà sau này sau khi nước nhà độc-lập, bắt buộc chúng tôi phải giải phóng cho đàn bà, rồi không biết sẽ ra thế nào đây ».

Tuy không nói nhưng ai cũng biết là ngoài cái sự khinh đàn bà ra, họ còn cái chứng ghen. Họ tự làm khổ với những câu hỏi : Trong lúc họ vắng nhà vợ họ đã làm gì, đi đâu, gặp ai, nói những gì v...v... Có nhiều ông hỏi tôi : « Bên xứ Việt-Nam khi người chồng nghi vợ có ngoại tình thì sao ». Tôi trả lời : « Thì ly dị hoặc rán chịu vì thương con ». Họ lắc đầu ; với họ thì không thế, bao giờ cũng là con dao xê, chứ họ không cần đến quan tòa. Anh nghe như thế có ghê không ?

Ngoài một số trí-thức có thể đếm được, còn thì phần đông dân chúng đều thiếu cái giáo-dục căn-bản. Tôi có phen nài với các ông trí-thức ấy thì họ cũng công nhận như thế và hẹn : Bao giờ « chúng tôi giành được độc-lập rồi thì cô sẽ thấy tất cả đều thay đổi ».

Cái khổ của họ là không phải chỉ chịu sự đô hộ của người Pháp mà thôi, họ còn phải chịu đựng cả người I-Pha-Nho, Ý-Đại-Lợi, Do-Thái. Tất cả những người này đều giẫm lên họ, đạp họ xuống không cho cất đầu mờ mắt. Họ cũng biết rằng khi giành được độc-lập rồi, cũng phải hàng trăm năm mới ngóc đầu lên được.

Nhưng thôi, không kể cho anh nghe những câu chuyện hắc ám ấy nữa, mách với anh rằng Alger cũng có cây mía, cây xà và cảm nhất là có cả một hồ sen, tuy chỉ lơ thơ có vài bông sen trắng mà cũng đủ làm cho tôi nhớ quê hương đến vô cùng. Những thứ cây tôi vừa kể là tôi đã gặp ở vườn hoa đặc-biệt cạnh sở thú, chứ không phải là ở đâu cũng mọc dễ dàng cả đâu.

Ở một phương trời xa mà gặp được cây mía, bụi xà và những chiếc lá sen to như cái nón của cô gái Huế, không cảm động làm sao được, phải không anh ?

Với mấy cô bạn Á-Rập, tôi đã len lỏi đi rất nhiều nơi, đến cả những vùng mà người Pháp dẫu cho ăn kẹo chắc cũng không dám đến, nhờ thế tôi đã được nghe và thấy rất nhiều, anh có muốn, thư sau tôi sẽ kể cho anh nghe.

MINH-ĐỨC

Căn gác nhỏ

Lời nói đầu.— Năm xưa, chúng tôi có viết một bài về Nguyễn-Nhược-Pháp, nhân ngày giỗ của nhà thơ tài hoa mệnh hạn này (Bách-Khoa số 22). Một người bạn của tác giả «Ngày xưa», sau khi xem bài báo kỉ-niệm này, có gởi đến chúng tôi vào đầu năm nay, một bài thơ chưa hề in của Nguyễn-Nhược-Pháp mà anh may mắn còn giữ được. Chúng tôi đợi đến hôm nay mới cho đăng bài «Căn gác nhỏ» nhân ngày người mất (19.XI.1938) được hai mươi hai năm là muốn hoài niệm một lần nữa nhà thơ hiền lành, dễ thương, nhưng xấu số, già từ chúng ta lúc mới hai mươi bốn cái xuân, nhà thơ đặc biệt «thơ in ra rất ít mà được người ta mến rất nhiều».

TÂN-FONG-HIỆP

Ngõ hẻm bùn rêu đầu gác nhỏ,
Văn-nhân tài-tử mười lăm người.
Ngọn đèn suốt canh thâu lấp ló,
Văn-nhân lên ở cao gần trời.

Tiền không, vui trong đời mộng tưởng,
Viết nhiều, áo họ lòi khuỷu tay,
Bờm tóc như bông bong ngắt ngưỡng,
Khi nào họ gật đầu khen : hay.

Thường khách tài-hoa mê nàng Đẹp,
Thay cơm bằng hai xu phở bò.
Có khi óc đầy nhưng bụng lép,
Thu chẵn đành ngủ dài cho no.

Rồi họ mê đời yêu họ quá,
Tri-âm là muôn ngàn tim thơ.
Rồi mơ đến Bồng-lai cảnh lạ,
Song vào Đông-hung-viên đương chờ.

Bùng mất, thì mưa thềm tí tách,
Gió thổi làn mây bay ơ hờ,
Sờ bụng không cơm, chia khuỷu rách,
Nhìn trời, họ nhăm mấy văn thơ.

NGUYỄN-NHƯỘC-PHÁP



DỊCH CÁT

NGUYỄN - VĂN - XUÂN

ĐOÀN thuyền mảnh, buồm lộng gió, chạy nhanh thoăn-thoắt trên những làn sóng xanh. Trong chiếc thuyền của Trùm-Lụy, bạn ghe chia nhau ngồi ở hai bên để thuyền lấy thăng bằng. Trùm-Lụy vẽ mặt khắc khổ, một tay giữ lái, một tay vói lại phía cái chum nước ngọt mức một bát để uống.

Chợt có tiếng hỏi :

— Lạ, luôn mấy hôm ni, răng không thấy ghe xóm Trương Liểng ra biển, hề.

Trùm Lụy thông thả uống gáo nước; nước chảy lóng lánh trên hàng râu đen đã điểm bạc, rồi bỏ gáo vào chum. Lát sau ông mới đáp :

— Nghe đâu trên nó còn « rợn » lắm...

Ông rùng mình. Con người coi thường trùng dương xông pha gần suốt đời người vói ba đào bỗng nghe lạnh phía sau lưng. Ông dừng lại và đổi giọng hỏi một người bạn ghe :

— Thằng Túc, chớ mi có mua sẵn đồ rồi chưa ?

— Dạ rồi.

Người bạn nghe vừa đáp, vừa nhìn về phía một cái đầu heo, một nhúm hương đèn và tiền giấy với một bát lớn gạo muối mang theo. Cái lệ đi ghe, đi thuyền là cứ phải cúng mãi. Nhưng hôm nay, nhìn những đồ cúng này, người bạn ghe không

khỏi nghe trong làng rung lên một niềm lo sợ kính cần mà chưa bao giờ y cảm thấy đối với những quỷ thần bạo liệt.

Cái xóm đang bị « rộ » của Trương Liểng gần như không có người ra vào. Ở bên ngoài với bột không biết ai đã đem rắc cùng trên cây cột trên mấy cái hàng rào thưa, trên lối đi. Với trắng phếu nổi bật trên màu lá xanh già không gọi một sự nhịp nhàng màu sắc mà chỉ bắt người ta kinh-tởm nghĩ đến những cơn đau quặn ruột gan, mưa thông-thắc; một mùi hôi thoang-thoảng theo gió đưa ra. Không ai có thể biết rõ mùi gì, nhưng rõ ràng nó không giống những mùi hôi quen thuộc. Tuy nó không quá nồng nặc song nghe đến là lợm giọng và nước ở chân răng tứa ra khó chịu.

Ở trước các gian nhà trống trải, phần nhiều nghèo khó, đều có thấp hương; mùi hương thơm tuy có đánh bật phần nào uế khí song lại gọi cho người đi qua một cảm-giác sợ hãi khi thấy những chân nhang đỏ chất đồng lại như từng vệt máu dưới ánh nắng gay gắt, giữa một xóm nhà ban ngày mà cửa đóng kín hết cả. Và ở đâu cũng vang ra những tiếng rên, tiếng rên khe khẽ hay thống-thiết rồi tất cả lại chết lìm khi ngọn gió biển rào rào thổi qua.

Trong nhà chị Sinh, cũng có hai người đang rên. Chị và chồng chị. Hai tay ôm chặt hai bên thái-dương, chị nằm ngoẹo đầu trên chiếc giường xiêu-vẹo và miệng không ngớt phát những tiếng khò-khè như người lên cơn sốt. Chị cũng đang lên cơn sốt, nhưng không sốt toàn thân thể mà chỉ đau triu cả đầu. Đúng như người ta bảo: đau như búa bổ. Quả, như có hàng chục chiếc búa nhỏ nhỏ của ai cứ từng lúc lại nện trong não chị và làm cho chị đau tê đau dại. Chị

không có phương-thể nào để giải cơn đau, chị chỉ còn có cách là ấn chặt hai tay vào thái-dương và khi tay yếu sức thì chị còn có thể rên to lên để dịu bớt thần-kinh. Rên to không nổi thì rên khò khè để bớt nổi thống khổ và sự lạnh lẽo hiu quạnh vây bọc cả gian nhà.

Hình như có tiếng chồng chị gọi. Chị cố nín rên để nghe. Khi chị vừa nín được thì người chồng cũng vừa mỏi sức, không gọi nổi nữa. Chị khẽ lấy tay chống vào đầu rồi ngồi lên. Tuy bị bạo bệnh, song chị mới thật mê mết từ sáng hôm qua. Chồng chị đã nằm liệt giường liệt chiếu từ bốn hôm nay, không cơm cháo gì được mà cũng chẳng có đồng tiền nào để chạy thang, chạy thuốc. Cả việc cúng cấp là việc cần hơn hết, chị cũng chỉ chạy vạy giật chỗ này, mượn chỗ kia được đủ để mua mấy thẻ nhang và một ít giấy tiền. Có lẽ lẽ vật đạm-bạc quá không làm cảm-động quỷ thần được nên bệnh chồng đã không khỏi mà càng mỗi ngày một tăng; rồi cả chị cũng bị vật xuống, mê man...

Chị ngồi dựa ngửa vào phen, hai tay vẫn không rời thái-dương. Cơn đau nhức trên đầu lại kéo đến, song chị cố trấn tĩnh. Vì chị đoán chồng chị đang kêu:

— Nư... óc... óc...

Chồng chị xin nước uống. Chị bỏ một chân xuống giường, định đứng lên. Nhưng cả hàng chục cái búa cái kim lại đến, lại đập gõ và vện vẹo khiến chị bất thần kêu lên một tiếng « ối » rồi ngã gục xuống.

Chị tỉnh lại khi nghe có tiếng « áy, phà » ở một nhà gần đó. Chị biết ông Trương-Liểng đã mời thầy phù-thuỷ về cúng cho nhà ông. Chị cảm thấy thêm khát cái địa-vị của ông trưởng lạ lùng. Những tiếng đọc chú,

những tiếng hô bắt tà ma của pháp-sư chỉ nghe như đồn lại, xông - xao chạy dưới các mái nhà đuổi tan những luồng uế khí trốn đi. Lại những tiếng khăn vải quất vào không gian phi - phạch điểm theo các tiếng hô cùng tiếng nện càn - cạch của một vật cứng xuống bàn . . . tất cả tạo nên một điệu nhạc cung bậc hết sức thay đổi, đầy màu sắc huyền-bí, như có thừa sức để xua tan không khí hắc - ám, tạo một niềm tin trong lòng những con bệnh mê-tín.

Chị cảm thấy máu trong cơ-thể điều-hòa hẳn đi và cổ đứng lên.

Lại chum nước đã gần cạn sạch, chị định cúi xuống để múc. Nhưng chị giật mình vì khi đầu cúi, thì cả từ cổ lên đến óc não cũng đều đau ran lên, mồ hôi toát ra. Chị nghĩ liền ra được một cách là ngồi xuống, quơ tay kiểm gáo rồi múc nước đem lại cho chồng.

Khi đi qua một chỗ phen trống, chị không khỏi dừng lại để nhìn: Ở đằng kia, cách nhà chị một cái vườn là nhà ông Trưởng Liếng. Một cảnh tượng hết sức huy-hoàng thành kính đang diễn ra: trên mười mấy cái bàn nho nhỏ, cứ mỗi bàn lại có hương đèn đồ giấy và những vật gì trong cái đĩa lớn mà chị biết đó là mấy chục con gà. Pháp - sư đứng ở phía trước một bàn to, mặc áo đen, tay mặt cầm chiếc khăn dài, tay trái đang bắt quyết. Ông Hương Liếng thì quỳ trước bàn thầy cúng, nhưng không lay vì hai tay mắc ôm đầu nhãn nhỏ.

Chị thốt nhiên so sánh cảnh rực rỡ đó với cảnh thâm-đạm, tiêu điều trong gian nhà trống trơn của chị. Những chiếc phen qua nhiều trận mưa đã làm cho đứt lìa chân như bị chó gặm dần không còn ra hình thù gì. Những đồ dùng cũ kỹ và thừa thớt

làm cho gian nhà thêm vẻ trống trải, hoang vu. Chị nhìn về phía chồng chị nằm.

Anh Sinh nằm ngửa, không một mảnh vải che thân. Cái quần cũ, màu đà vá nhiều chỗ cuộn tròn dưới tấm phản mọt. Không phải anh mê sảng mà tuột cả quần ra. Nguyên do chỉ vì ở cát có quá nhiều bù chắt, giống vật nho nhỏ, màu ửng-ửng đỏ thường ở trên thân-thể loài chó bản! Bù chắt nằm trong cát, chờ mát trời là rúc ra để bu vào áo, quần. Càng mát trời, chúng càng hiện ra nhiều rồi nằm sấn đó, chờ đến đêm hôm bắt đầu cắn da, cắn thịt con người. Cho nên ở bể, trước khi đi ngủ phải thay áo quần. Dân chài thiếu đồ mặc nên họ vẫn ngủ trần-trồng. Nghề đi bể cũng như nạn bù chắt đã làm cho họ quen trở lại thiên nhiên nên vợ chồng mà cả hàng xóm cũng không còn lấy làm lạ khi gặp nhau ở trong tình-trạng chướng kỳ đó.

Chị Sinh lại gần chồng đưa cái gáo nước lạnh cho anh:

— Nè, mình, uống đi.

Thấy anh vẫn nằm yên, mặt ngửa nhìn lên trần nhà với đôi mắt nhiều lòng trắng hơn lòng đen, chị hơi lo sợ. Chị mới kêu to một tiếng:

— Uống nè!

Vẫn thấy anh không nhúc-nhích. Mà hai cái tay anh cũng không ôm lấy thái-dương, lại hơi lật ngửa ra một cách trể tràng. Chị bỡ-ngờ trong một phút rồi đặt tay lên bụng chồng. Bụng đã lạnh. Chị hoảng sợ, bỏ rơi cái gáo xuống và lấy cả hai tay đặt lên ngực, lên trán chồng. Lạnh thật! Chị lùi ít bước, sờ thử vào chân! Lạnh ngất! Chồng chị đã chết thật rồi.

Chị oà lên, khóc nức nở. Tiếng khóc rít

lên như tiếng kêu rú không vượt nổi tiếng gió thông thốc thổi bên ngoài để vọng đi xa. Qua sự tuyệt-vọng đầu tiên, Chị sực nhớ cần phải giải-quyết như thế nào đây ! Hoặc phải cứu sống chồng. Hoặc phải tính sao cho yên xác chồng. Chị chạy bỏ nhào ra phía sau, lấy tay ẩy cánh cửa lên, the the kêu gọi.

Không ai đáp lại lời chị. Vì những kẻ chưa chết như chồng chị cũng đang đau rên hừ hừ. Lão phù-thủy tham tiền dám đến đây để cúng cấp có thể gọi là người mạnh mẽ hoàn-toàn và duy-nhất của xóm này. Mà cũng là người mạo-hiểm nhất từ khu-vực an-lành tới đây trong vòng tuần lễ này. Có lẽ bây giờ lão đã lấy tiền xong, cuốn gói chạy rồi. Xóm trở lại cái vắng-vẽ lạnh-lùng đến thành kinh-dị, khủng-khiếp. Chị Sinh càng hoảng hốt, càng gào to lên để mong tiếng kêu vượt qua cơn gió mạnh.

Có mấy người nghe tiếng chị, nhưng còn ai đủ sức đứng lên. Mà nếu đứng lên được, tất họ phải đi lo cho những người trong gia-đình họ đã. Kể ra cũng còn một ông lão — Cụ Xử — không cầm lòng nổi khi tiếng kêu cứu của chị cứ chan-chát đập vào tai. Cụ ráng ôm đầu đứng dậy. Cụ đi ba bước. Nhưng đến đây, hai chân cụ run bắn lên dưới cơn đau dằn-vật, rồi nó vật cụ ngã xuống một chiếc ghế dài.

Chị Sinh thấy rõ ràng ông cụ trước khi ngã xuống đã nhìn chị và lắc đầu. Rõ ràng

là một cái lắc đầu tuyệt hết hy-vọng. Nó bảo chị biết chỉ còn có chị mới lo được cho chồng chị mà thôi.

Chị thả cánh cửa, thất-thểu bước vào.

Cơn rức đầu lại đến, đến một cách quá vội vàng làm chị đứng gục đầu luôn trên cái xác lạnh của chồng. Rồi cứ nằm trong tình-trạng ấy mà mê đi. Thấp thoáng trong ác mộng, chị thấy lại những cảnh mưa gió, bão giạt, sóng vùi. Ngày vui của đời sống ở biển không nổi bật lên mà ngày buồn thì vô kể là khủng khiếp. Khi thì một tai nạn trong nghề chài lưới. Khi thì một vài chiếc thuyền vượt bể để rồi mất tích nơi nào. Khi thì biển loạn không làm nghề được, cái đói cái rét tràn tới ngập đầu. Để cho đến bây giờ, một thứ dịch rất lạ như con quỷ vô hình, đi dưới các mái nhà mà cầu xé trong đầu, trong não mọi người.

Khi hết cơn nhức trong não, nhức tê-tái đến như làm liệt cả trí giác, chị mới mở mắt ra : Cái xác lỏa lồ của chồng lại đột ngột hiện dưới mắt. Một cảm xúc lạ lùng làm lạnh toát hết cả người. Chị nhìn ra ngoài, trời đã xám xám tối.

Nhưng chị chưa phải hoàn-toàn tuyệt vọng. Vì trăng đã lên. Ở chân trời, trăng vùn vụt như một khối lửa lạnh lẽo, không có ánh sáng phi nhanh vào không gian.

Không đáng cùng mà cùng

Hoắc-Khứ-Bệnh là một danh tướng đời nhà Hán. Ông không phải là người bất-tài mà khi lâm-chiến cứ bị đánh thua hoài. Người đời không giải-thích được cái cảnh-ngộ lạ lùng ấy, thường gọi cảnh-ngộ của ông là cảnh-ngộ « kỳ cùng », cùng khổn một cách kỳ dị, không đáng cùng mà hóa cùng.

Khi nó kịp dừng lại với một hình thù bé nhỏ hơn thì ánh sáng rực-rỡ, toả ra làm rung rinh những ngọn sóng bạc đầu. Trăng chiếu qua những mảnh rách trên cửa, trên phen, làm sáng cả gian nhà bé nhỏ của chị Sinh. Ánh sáng êm đềm kia còn đủ sức gây một niềm nghị lực tìm tòi nơi chị, nơi người đàn bà có sức lực mạnh mẽ không kém gì đàn ông.

Cái xác trần tuồng của chồng bây giờ không gợi cảm tưởng quen thuộc nữa. Vì chồng chị không cùng ở cái thế giới quen thuộc của người còn sống. Không thể để cái xác ấy lại được. Nó chỉ khiến cho chị thêm thiếu náo, rồi bời ruột gan lên mà thôi. Cũng không thể để đến ngày mai.

Những thứ ruồi thứ nhặng sẽ vo ve suốt ngày. Mà đã chắc gì ngày mai chị còn đủ sức để hoạt động nữa.

Cái xác trần tuồng dưới ánh trăng mờ tỏ càng nhìn càng khêu gợi những tình cảm ít khi thấy gợn lên trong lòng một người đàn bà quần quật suốt ngày với công ăn việc làm và đến tối, chỉ biết ngủ cho thẳng giấc. Chị nhớ ngày mới cưới, chồng chị bận một cái áo đen dài bằng cái áo cụt của mấy ông nhà giàu, với một cái quần dài chỉ dài hơn đầu gối một tí. Rồi những đêm ân ái đầu tiên nó gợi nhiều cảm giác rờn rợn mà kỳ thú lạ lùng như chị chưa bao giờ biết được. Rồi những buổi mặt trời chưa dậy chồng đã lên ghe nghề để ra biển ; buổi chiều chị cùng bè bạn tới tấp ra đón ghe về. Những ngày giỗ tết bên nhà chị, hai vợ chồng trở về với những con cá ngon lành, và tuy đi xa nhau cả buổi đường mà chị còn thẹn đỏ cả hai gò má màu đồng mặt của khi có người quen nhìn tưởng như xoi mói... Tất cả kỷ niệm ấy

bây giờ chỉ còn lại một cái xác lạnh lẽo trần truồng...

Thốt nhiên chị đứng lên. Chị lại cạnh giường chồng đào một cái lỗ huyết dài. Vốn quen đào cát để dấu cất đồ dùng hoặc vật thực, chị làm việc đó rất nhanh chóng, với một lưỡi mác và một cái thúng nhỏ. Chị làm như đo một linh tính một bản năng nào thúc đẩy chứ thật tình cũng không hiểu rồi sẽ giải quyết ra sao. Câu hỏi ấy càng thôi thúc khi chị từ dưới bóng tối thăm thẳm của lỗ huyết bước ra. Lúc ấy trăng đã lên cao. Nhiều điểm sáng lỗ nhỏ từ mái tranh rạ đổ trên làn da rám đen của xác chết. Một giọt trăng chiếu đúng vào con mắt trắng dã của anh làm cho chị nghe lạnh hết xương sống. Chị hồi-hộp lấy tay vuốt mắt cho chồng rồi lại chum múc một gáo nước uống.

Nỗi lo-lắng bàng-hoàng làm cơn nhức đầu tan hẳn. Chị biết nếu chị lại nằm một lát thì không thể nào tránh cơn bệnh đùng đùng kéo tới. Phải làm sao giải-quyết ngay trong giờ phút còn mạnh khỏe này.

Mồ hôi thấm ướt áo ; mồ hôi rịn trên trán trong chân tóc. Chị lấy vạt áo lau qua trán rồi quả quyết bước lại chỗ chồng nằm.

Chị đã nghĩ ra được một kế : Chị lấy hết sức đẩy mạnh cho xác chồng nhích sang tấm ván cạnh miệng hố. Chị khệ-nệ rinh một tấm ván còn lại, dựng thoải - thoải từ chỗ chồng nằm xuống miệng huyết. Xác chồng chị to lớn, nặng-nề. Chị không thể độc lực đẩy cho rơi hẳn xuống được. Chị lại cử lấy hai cây chống rồi đặt theo lối đòn bẩy, lấy vai hất mạnh. Một lần, hai lần.

Ầm ! Cái xác lăn đùng xuống đập vào lòng huyết dội lên một tiếng như vũ bão

DỊCH-CÁT

trong lòng chị. Chị ngất đi, ngã luôn xuống cát.

Cơn đau lại cắn rứt trong đầu não. Nhưng chị cứ nhất định lão đảo đứng lên lại chỗ huyết. Xác chồng chị nằm sắp, dơ cả cái lưng to lớn lại như quay mặt hẳn với cuộc đời chỉ toàn đau khổ. Chị muốn quay mình chồng lên, nhưng chị cũng biết ngay là phí sức vô ích. Lấy tay sờ mặt chồng, sờ lưng sờ chân tay chồng lần cuối cùng, chị cố trấn tĩnh cơn đau, cầm lưỡii móc lên ra sức lấp cát xuống hố.

Bỗng chị lại dừng tay.

Chồng chị có thể chết trần truồng, nhưng không thể không có một mảnh vải để buộc miệng. Cái lệ đó không thể nào bỏ qua được. Không bao giờ có ai để cát vào miệng một xác chết. Chị dẫu sống trăm năm cũng không bao giờ yên tâm với sự thiếu sót này.

Chị lهن chạy lại lấy chiếc khăn cũ dất trên một cái móc nôi của đứa con đã chết, mang lại. Chị cúi xuống. Nhưng cơn nhức đầu đã dùng dùng nổi dậy. Cả toàn thân chị run bắn lên. Cái đau kỳ lạ, đau thống thiết như chưa bao giờ ! Chị không còn biết trời đất gì nữa. Mọi vật quay cuồng chung quanh. Chị cào da thịt, đâm vào đầu, bứt tóc tai. Rồi như điên dại, chị cào, cào ghì cả mười ngón tay đầu móng đã chảy máu xuống cát, hai chân đạp thủng cát thành hai lỗ lớn.

Khi chị dừng lại thì chị cũng vừa hết thở.

Chị chết, trong răng còn cắn lũng chiếc khăn định đem buộc miệng chồng cho cát khỏi vào.

Nguyễn-Văn-Xuân.

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SAN XUAT VÀ BÁN

1— CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— CÁC LOẠI RƯỢU :

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

— Các tiệm tạp-hóa

— Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**

193 và 203 Trần-hung-Đạo — Sài-gòn

Đ.T. số 24.454

— Kho 6 Bến Ván-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

DƯ - HƯƠNG

*« Cũng như trái đất khô dần nhựa
« Còn, chỉ còn dư vị chân chương ».*

(VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG)

Cây đứng lặng, bóng dài in cỏ nắng
Mượn hồn tôi, cây cỏ đỡ vô-tình
Những trưa vắng đợi chiều bao thuở trước
Hiện về đây từ muôn ngả u minh.

Những ánh nước loang càn rung cánh gió
Những hồ trắng sóng liễu, giọt sao sa
Vẫn nhuộm cảnh nhỡn-tiền pha nhớ tiếc
Ráng hôm mai đậm nhạt tháng ngày qua.

Bao lá úa đã rơi về dĩ-vãng
Theo nụ cười và hạt lệ yêu đương
Với nhĩ thắm, giấc mơ tàn, bão lửa
Dẫu buồn vui còn thoảng chút dư-hương.

ĐẸP qua mắt, thấm lòng tôi nét mộng
Chìm nơi vang ần bóng, khói vương mây
Và ấp ủ đất trời hun nhựa sống
Đề dăng sầu ngây ngất dậy men say.

Đ. T.

MƯA

W. SOMERSET MAUGHAM

(tiếp theo B.K số 92)



BÀ ta đứng dậy, đi ra.

Bà Macphail dặn :

— Nếu tôi giúp bà được việc gì thì bà kêu tôi nhé.

Khi bạn đã đi khỏi, bà nói :

— Em mong rằng ông ấy không bị thương.

Bác-sĩ hỏi gắt :

— Tại sao ông ấy xen vô làm cái gì ?

Họ yên lặng ngồi xuống. Được vài phút, tiếng khiêu khích của máy hát làm họ giật mình. Có những giọng khàn khàn ngạo nghệ hát một bài tục tĩu.

Hôm sau bà Davidson xanh xao, mệt nhọc. Bà than là nhức đầu. Về bà

già đi, sòm lại. Bà kể chuyện với bà Macphail rằng cả đêm ông chống không ngủ được, trần trọc ghê gớm, rồi năm giờ sáng xuống phố. Họ hắt một li rượu bia vào ông làm cho quần áo ông bết. Nghĩ đến cô Thompson mắt bà Davidson sáng lên, bảo :

— Con đó sẽ chua xót hồi hận rằng đã dám coi thường ông Davidson. Lòng ông ấy rất tốt, sẵn sàng an ủi giúp đỡ mọi người ; nhưng đối với tội lỗi thì ông rất nghiêm khắc, và khi cơn giận chính đáng của ông đã bùng lên thì thật là ghê gớm

Bà Macphail hỏi :

— Ông nhà tính làm gì đây ?

— Tôi không biết, nhưng tôi không muốn ở vào địa-vị con đó.

Bà Macphail rùng mình. Trong thái độ quyết tín đặc ý ấy có cái gì rất đáng sợ. Vì hôm đó hai bà có việc cùng đi với nhau, nên họ song song xuống cầu thang. Ngang qua cửa phòng để ngỏ của cô Thompson, họ thấy cô bận một cái áo ngủ dơ dáy, đương nấu nướng cái gì trên lò.

Cô ta nhanh nhẹn :

— Mạnh giỏi ? Sáng nay ông Davidson đã bớt chưa ?

Họ làm thỉnh bước qua, mặt vênh lên, như không trông thấy ả.

Tiếng cười chế nhạo vang lên, làm cho họ đỏ mặt. Bà Davidson thỉnh linh quay lại :

— Sao chị dám ăn nói với tôi như vậy hả ? Chị mà chửi tôi thì tôi đuổi chị ra khỏi nơi này, nghe !

— Này, tôi có mời ông Davidson lại chơi với tôi không, mà ông ấy tới ?

Bà Macphail vội nói nho nhỏ :

— Kệ nó, đừng đáp.

Khi đi xa rồi, không còn nghe gì được nữa, họ mới ngừng lại. Bà Davidson giận dữ, gấn như nghệt thờ :

— Quân này cả gan thật, cả gan thật !

Khi trở về nhà, họ lại gặp cô ta bận đồ rất bảnh, dạo ở bên. Chiếc nón rộng lớn, hoa rực rỡ, có vẻ khiêu khích. Đi ngang cô ả gọi họ, giọng đùa cợt, làm cho hai bà ngượng chết đi, và hai người lính thủy Mỹ thấy vậy, cười ngạo. Về tới nhà thì mưa lại bắt đầu đổ.

Bà Davidson cười chua cay :

— Bộ đồ vía của nó sẽ hư hết.

Giữa bữa cơm trưa thì ông Davidson về, ướt như chuột lột, nhưng không chịu thay quần áo. Im lặng, rầu rĩ, ông ta chỉ nuốt vài miếng rồi chăm chú nhìn những hạt mưa nghiêng nghiêng. Bà vợ kể chuyện hai lần gặp ả Thompson, ông cũng không đáp, chỉ cau mày một chút, tỏ rằng có nghe.

Bà Davidson đề nghị :

— Mình nghĩ có nên nói với chủ tiệm đuổi nó khỏi nhà này không ? Không thể để cho nó chửi chúng mình được.

Macphail hỏi :

— Bảo cô ta đi đâu bây giờ ?

— Lại ở với tụi thổ-dân ấy.

— Thời-tiết như vậy mà ở trong cái chòi thì bất tiện lắm. Nhà truyền-giáo nói :

— Tôi đã ở chòi nhiều năm.

Khi đũa ở gái bùng món ăn xen thường ngày, tức món chuỗi chiên lên, Davidson quay lại, bảo nó :

— Xuồng hỏi cô Thompson lúc nào thì cô ấy có thể tiếp tôi được.

Đũa ở e lệ cúi đầu rồi đi ra.

Bà Davidson hỏi :

— Tại sao mình lại muốn thăm nó ?

— Anh có bốn - phận phải nói với cô ta. Anh không muốn hành - động trước khi cho cô ta cái cơ-hội cuối cùng để cải tà quy chính.

— Mình không biết nó mà. Nó chửi mình cho mà xem.

— Thì cô ta cứ chửi. Cứ khắc nhổ vào mặt tôi này. Linh - hồn của cô ta bắt - diệt, và anh phải gắng hết sức tìm đủ mọi cách để cứu vớt linh-hồn đó.

Tiếng cười ngạo mạn của con diêm vẫn văng vẳng bên tai bà Davidson.

— Nó sa đọa quá rồi.

— Sa đọa quá đời với lòng từ-bi của Chúa ư ?

Cặp mắt ông bỗng sáng lên và giọng ông hóa ra êm ái, uyển chuyển :

— Không khi nào ! « Khi một kẻ tội lỗi sa xuống thấp hơn cái hạ tầng của Địa - ngục, thì tình yêu của Chúa Giêsu cũng tới kẻ đó được. »

Đũa ở trở lên với câu trả lời :

— Cô Thompson gởi lời khen Cha Davidson ; cô ấy sẽ vui lòng tiếp người miễn là người đừng lại phá trong những giờ làm việc của cô ấy. Nghe lời nhắn đó, ai nấy im lặng,

không khí lạnh lẽo. Bác-sĩ mím môi để khỏi mím cười, sự làm chướng mắt bà vợ : lẽ khiêu khích như vậy mà cho làm vui được !

Tới cuối bữa không ai nói với ai nửa lời. Rồi các bà đứng dậy, lấy kim chỉ ra. Từ đầu chiến tranh, bà Macphail đã đan vô số khăn bao mũ, và lúc này bà đương đan một cái khác. Chồng bà đột ông điều. Ngồi lì ở chỗ cũ, ông Davidson ngó mặt bàn, về suy nghĩ lung. Sau cùng ông đứng dậy, lẳng lẳng đi ra. Họ nghe thấy tiếng ông xuống cầu thang và giọng khiêu khích của cô Thompson : « Mời vô ! » Khi ông ta gõ cửa. Một giờ sau ông ta mới trở ra.

Macphail ngó mưa trút. Thần kinh ông chịu không nổi nó nữa rồi. Ở bên Anh, mưa lạnh lẽ, nhẹ nhàng rớt xuống đất ; ở đây mưa tàn nhẫn, đèn phát ghê ; người ta tưởng đâu như trong mưa có cái ranh mãnh của những sức man dã của hoá công. Không phải là một trận mưa rào mà là một cơn lụt, một cơn hồng thủy nó đập vào nóc tôn như tiếng búa, đều đều, không ngớt, làm cho người ta hóa điên lên ! Quả thực là có sự cuồng nộ trong cái mưa đó. Thỉnh thoảng người ta muốn gào lên, bảo nó ngừng đi nhưng rồi, khờn khờ, thất vọng, người ta ngồi phịch xuống, uể-oải, như là gân cốt bỗng xum xuống.

Khi Davidson trở về, Macphail quay lại, và hai bà đều ngừng đầu lên.

— Tôi đã thử đủ cách, đã khuyên nó cải tà quy chính. Con quỷ !

Ông ta ngưng nói. Bác sĩ thấy mắt

ông ta tôi lại và về mặt xanh xao hoá cứng rắn, nghiêm khắc.

— Bây giờ thì tôi sẽ vung cây roi mà chúa Giêsu đã dùng để trục-xuất bọn đồi tiền và bọn sét-ti ra khỏi Đền của Đứng Tồi-Cao.

Ông ta mắi môi, cau cặp mày đen, đi đi lại lại trong phòng.

— Nó có chạy trốn tới chân trời thì tôi cũng đuổi theo kỳ cùng.

Thình lình ông ta quay lại rồi chạy ra khỏi phòng. Người ta lại nghe thấy ông xuống cầu thang.

Bà Macphail hỏi :

— Ông ấy làm gì thế này ?

— Tôi không biết.

Bà Davidson gỡ cặp kính kẹp mũi để lau.

— Khi nhà tôi làm việc cho Chúa thì không khi nào tôi hỏi han gì cả.

Nói xong rồi thở dài :

— Bà làm sao vậy ?

— Nhà tôi không biết giữ sức, kiệt sức mất thôi.

Người chủ nhà cho bác-sĩ hay kết-quả đầu tiên của Davidson. Macphail đương đi ngang cửa tiệm, thì Horn bước ra bắt chuyện, về mặt lo lắng dữ.

— Cha Davidson trách tôi sao lại cho cô Thompson mượn phòng, nhưng trước kia tôi đâu có biết cô ấy là ai. Có kẻ nào lại mượn phòng thì tôi chỉ cần biết kẻ ấy trả nôi tiền phòng hay không. Mà cô ta đã trả trước một tuần.

Bác-sĩ không muốn liên lụy vào vụ đó.

— Nghĩ cho cùng thì ông là chủ nhà. Ông cho chúng tôi ở trọ cũng là may cho chúng tôi rồi.

Horn dò xét bác-sĩ, về nghi ngờ. Macphail bênh vực Davidson tới cái mức nào ? Rồi hần ngập ngừng, tiếp :

— Tất cả các nhà truyền giáo đều vào phe với nhau. Khi các ông ấy tấn công một con buôn nào thì chỉ còn cách là đóng cửa tiệm rồi bỏ xứ.

— Ông ấy có yêu cầu ông đuổi cô ta đi không ?

— Không, miễn là cô ta có thái độ đàng hoàng. Ông ấy bảo không muốn tỏ vẻ bắt công với tôi. Tôi đã hứa không cho cô ấy tiếp khách nữa.. Tôi mới bảo cô ấy vậy.

— Cô ta nghĩ sao ?

— Cô ta chưởi vào mặt tôi.

Chủ nhà lúng túng vụng về tung chiếc quần trắng cũ. Cô Thompson này khó xử quá.

— Có lẽ cô ta sẽ đời chỗ. Không được tiếp khách nữa thì ở đây làm cái gì, phải không ông ?

— Cô ta đi đâu bây giờ, vô ở trong một cái chòi nào đó ư ? Và lại lưởi tấm sét của các nhà truyền giáo đã bỏ xuống thì có người thổ dân nào dám chứa cô ta nữa ?

Bác-sĩ nhìn mưa.

— Đợi trời tạnh làm gì, hoài công !

*
**

Tối hôm đó trong phòng khách, Davidson kể hồi ký ở trường Trung học. Nhà nghèo, ông ta phải làm đủ

các việc kỳ cục trong các vụ nghi để có tiền ăn học.

Dưới nhà yên lặng. Cô Thompson ngồi một mình trong căn phòng nhỏ. Bỗng có tiếng máy hát, Cô ả vịn lên

để khiêu khích mà cũng để có vẻ bớt cô liêu, nhưng chẳng có ai ở đó để ca thành thử nghe buồn như một tiếng kêu gọi chơi với. Davidson không để ý tới. Thản nhiên, ông tiếp tục câu chuyện dài ông đang kể. Máy hát vẫn chạy. Cô Thompson thay đĩa hoài. Hình như cảnh tịch mịch ban đêm làm cho cô ta chịu không nổi. Không khí oi bức và nặng nề. Ông bà Macphail

chợp mắt không được. Nằm cạnh nhau, mắt mở thao láo, họ nghe tiếng muỗi vo ve đèn bực mình ở ngoài mừng.

Bà Macphail thì thào :

— Cái gì vậy ?

Bên kia bức vách, có tiếng của ai, đều đều, hăng hái, khản-khoản. Tiếng của ông Davidson. Ông ta lớn tiếng cầu nguyện cho linh hồn cô Thompson.

Hai ba ngày trôi qua. Bây giờ gặp nhau ngoài đường, cô Thompson không chào hoặc mỉm cười với họ một cách thân mật mĩa mai nữa, mà làm bộ như không thấy, mũi hếch lên

trời, môi bĩu, mặt nhăn nhó, bực phần.

Chủ nhà cho ông Macphail hay rằng cô ta rán kiếm chỗ khác để ở mà không ra. Đêm đêm, cô lại quay cho hết loạt đĩa của mình, nhưng rõ ràng là cái vui đó giả tạo. Điều giạt giạt thê thảm vang lên như một hành-khúc tuyệt vọng vậy.

Đêm chủ nhật, khi ả bắt đầu cho máy chạy thì ông Davidson nhấn chủ nhà

bảo ả ngưng lại tức thì vì hôm đó là ngày của Chúa. Người ta gỡ đĩa ra. Căn nhà lại tịch mịch trở lại, chỉ còn nghe tiếng mưa lộp độp đều đều trên mái tôn.

Hôm sau chủ nhà kể lại với ông Macphail :

— Tôi ngờ rằng cô ta hoang mang. Cô ta không rõ thâm ý của ông Davidson ra sao và đâm hoảng.



Cũng buổi sáng hôm đó, Macphail đã gặp cô Thompson, ngạc-nhiên vì vẻ mặt cô ở trước kia vênh váo bây giờ đã thay đổi hẳn. Y như một con vật bị tróc nã. Horn liếc mắt nhìn bác sĩ :

— Chắc ông cũng không ngờ rằng ông Davidson đang nghĩ một mưu sâu nào chứ ?

— Không. Tôi không biết chút gì hết.

Câu hỏi đó làm cho Macphail ngạc nhiên. Chính ông ta cũng có cảm tưởng rằng Davidson hoạt-động gì bí mật, như dặt một cái lưới chung quanh cô ở, kiên nhẫn, tỉ mỉ dặt, để đợi lúc cơ hội tới, xiết chặt lại.

Horn tiếp tục :

— Ông ấy có nhờ tôi bảo cô ta rằng bất kỳ giờ nào, nếu cần điều gì thì cho hay, ông ấy sẽ tới liền.

— Cô ta trả lời ra sao ?

— Không đáp gì cả. Tôi không đứng lại lâu, nhún xong thì đi ra liền. Cô ta có vẻ như muốn khóc.

Macphail nói :

— Cảnh cô độc đó chắc làm cho cô ta chịu không nổi. Với lại, ai mà chịu nổi những trận mưa này — giọng ông bức tức khi thốt câu đó. Mưa hoài mưa hủy, không chịu ngừng sao, ở cái địa ngục này ?

— Mùa này thì ngày nào cũng mưa. Mưa tới gần tám thước nước mỗi năm. Tại địa-thề như vậy. Ông thấy không, cái vịnh này thu hút hết cả mưa ở Thái-Bình-Dương về đây.

Bác-sĩ rửa :

— Cái vịnh mắc dịch !

Quạu cọ, ông ta gãi mấy nốt muỗi đốt. Sau cơn mưa, mặt trời chói lọi thì không khí nóng nực, ẩm thấp, ngạt thở y như trong một cái nhà kính để trồng cây. Người ta có cảm giác lạ lùng rằng cái gì cũng phát - triển mạnh mẽ một cách man - rợ. Thỏ - dân mà ai cũng nhận là bầm tím vui vẻ, ngây thơ, mà lúc đó cũng có cái vẻ hung ác. Coi những bộ tóc nhuộm, những hình xăm trên mình họ, ta thấy sợ, và nghe tiếng họ đi lon ton, chân không, ở sau lưng ta, ta bắt - giác quay lại, hoảng hốt tưởng đâu như con dao dài họ thu trong tay sắp cắm đến phập vào giữa hai bả vai của ta. Sau cặp mắt mở rộng ra kia, có những ý-tưởng hắc ám gì đây ? Họ làm ta nhớ tới hình những người Ai-Cập cổ đục ở trên tường, các đền đài, mà chung quanh là cái không-khí ghê sợ của cái dĩ-vãng thăm thẳm.

Ông Davidson đi đi về về. Ông ta bận việc lắm, nhưng ông bà Macphail không biết là việc gì. Horn kể chuyện với bác-sĩ rằng ông Davidson ngày nào cũng lên thăm Thông-độc. Một lần, ông ta ám chỉ những cuộc thăm viếng đó :

— Ông Thông - Độc có vẻ là một người cương - quyết mà xét cho kỹ thì mới thấy ông ấy nhu nhược.

Macphail mĩa mai :

— Nghĩa là không làm theo ý của ông đưa ra, chứ gì ?

Nhà truyền-giáo không mỉm cười.

— Tôi yêu ông ấy làm tròn bốn phạt. Cần gì phải lý-luận về bốn phạt nữa ? Chỉ cho người ta thấy là đủ rồi.

— Nhưng về điểm đó, ý-kiến có thể mỗi một khác.

— Nếu chân một người bị chứng hoại thư, mà người ta do dự không chịu cưa đi, thì ông có bức mình không ?

— Bệnh hoại thư là một sự kiện.

— Thế còn cái ác không phải là một sự kiện à ?

*
* *

Nhưng rồi người ta cũng thấy ngay công việc làm của Davidson. Họ mới ăn cơm trưa xong, còn ngồi ở bàn, chưa về phòng riêng, mặc dầu hai bà và viên bác-sĩ cần phải nghỉ trưa vì trời nóng nực quá. Davidson không có cái thói bạc nhược đó. Thành linh cửa mở ra và cô Thompson vô. Nhìn quanh một lượt rồi cô ta tiến lại phía Davidson.

— Đồ chó ghê, đi hớt lẻo cái gì với ông Thông-độc đây, hở ?

Cô ta lắp bắp vì giận quá, muốn hóa điên. Yên lặng một chút. Rồi vì cô đạo kéo ghê :

— Ngồi chơi, cô Thompson ? Tôi đương muốn nói chuyện với cô đây.

— Thì nói đi, đồ chó hoang !

Cô ta tuôn ra một hơi những lời chửi kịch-liệt và tục tĩu.

Davidson nghiêm nghị nhìn cô ta một cách chăm chú.

— Lời chửi của cô không làm động lòng tôi đâu, cô Thompson, nhưng

cô phải nhớ rằng còn có hai bà này nữa.

Cô ả uất ức quá, thút thít. Mặt cô ta nổi gân lên, tím lại, như nghẹn thở.

Bác-sĩ hỏi :

— Có chuyện gì vậy !

— Một thằng tướng lại bảo tôi rằng chuyến tàu sau thì phải đông.

Mắt Davidson, sáng lên, nhưng về mặt vẫn thản nhiên.

— Cô có thể tin rằng trong trường hợp như vậy, ông Thông-Độc cho phép cô ở lại đây sao !

Cô ả gào lên :

— Là tại ông. Tôi biết rồi, ông đừng chối. Tại ông hết.

— Tôi chối làm cái gì ? Đúng vậy, tôi đã nói cho ông Thông - Độc hiểu rằng chỉ có mỗi một hành động hợp với bốn phạt của ông ấy.

— Ông không để yên cho tôi được ư ? Tôi có làm hại gì ông đâu ?

Nếu cô làm hại tôi thì không khi nào tôi lại thù cô.

— Vậy ra ông tưởng rằng tôi ham ở lại cái nơi khốn nạn chợ chẳng ra chợ, quê chẳng ra quê này ư ? Tôi đâu phải là dân rừng rú ?

— Vậy thì cô phản nản về cái gì ?

Cô ả hét lên một tiếng rồi chạy ra.

Im lặng một lúc. Rồi Davidson nói :

— Hay tin ông Thông-Độc đã hoạt động, tôi thấy nhẹ người.

Ông ta nhu nhược, do dự. Lầy lẽ rằng cô ta chỉ ở đây có nửa tháng rồi đi Apia, mà Apia thuộc về địa phận

của Anh, ông ta bảo chuyện đó không liên can gì tới ông ta hết.

Thình lình ông đứng lên đi bách bộ trong phòng.

— Thầy những nhà cầm quyền trồn trách nhiệm tôi nghĩ mà gớm ! Nghe họ nói thì ta tưởng rằng cái ác, một khi giấu kín nó đi thì không còn là cái ác nữa. Xã hội mà có người như con đó, đủ là một cái ô nhục rồi, đem nó tặng cho một đảo khác, đâu phải là một giải pháp ? Sau cùng tôi phải dùng một cách quyết liệt.

Mày ông ta cau lại, cầm nhô ra, vẻ cương quyết.

— Cách quyết liệt là làm sao ?

— Hội truyền giáo của chúng tôi không phải là không có uy quyền trong giới Washington. Tôi cho ông Thông-độc hiểu rằng nếu có lời kêu nài về sự cai trị của ông thì không có lợi gì cho ông hết.

Yên lặng một lúc, bác-sĩ hỏi :

— Bao giờ cô ta phải đi ?

— Thứ ba tuần tới có một chiếc tàu ở Sydney ghé đây rồi đi San Francisco. Nó phải đi chuyến đó.

Tính ra còn năm ngày nữa. Hôm sau, ông Macphail ở nhà thương kẻ — không biết làm gì, buổi sáng nào ông cũng đến đó — tới cầu thang thì chủ nhà gọi giật ông lại :

— Xin lỗi bác-sĩ, cô Thompson đau. Mời ông vô coi mạch giúp cho cô ấy.
— Được.

Horn dắt ông ta vô phòng cô Thompson. Bận chiếc áo dài trắng, đội chiếc nón lớn có hoa, cô ta ngồi

trong một chiếc ghế uể oải, mắt đăm đăm. Macphail nhận thấy làn da vàng úa, bèo nhèo sau lớp phấn, vẻ mắt kém tinh thần, chán nản.

— Tôi hay tin cô khó ở.

— Thực ra tôi không đau gì cả. Tôi nói vậy để muốn gặp ông. Người ta bắt tôi phải cuộn gói xuống chiếc tàu Frisco tuần tới.

Cô ta nhìn bác-sĩ, mắt có vẻ sợ sệt. Bàn tay cô ta mở ra, nắm lại, như bị bệnh thần kinh. Chủ tiệm đứng ở cửa, nghe.

Bác-sĩ nói :

— Tôi đã hay tin đó.

Cô ả nuốt nước bọt.

— Lúc này mà phải về Frisco thì không tiện cho tôi. Chiều hôm qua tôi lại thăm ông Thông Độc nhưng người ta không cho tôi vô. Thầy thư-ký bảo tôi phải theo lệnh là xuống tàu. Vì tôi cần gặp mặt ông Thông Độc, nên đứng đợi trước tư dinh của ông, rồi khi ông ở trong bước ra, tôi níu ông lại. Thầy rõ rằng ông ấy không muốn nói chuyện với tôi, nhưng tôi nhất định không buông ông ra và cuối cùng ông bảo nếu Cha Davidson bằng lòng thì ông ấy cũng không ngăn cản gì cả, sẽ để cho tôi ở lại đây, đợi chuyến tàu đi Sydney.

Cô ta ngừng rồi lo lắng nhìn bác-sĩ.

Bác-sĩ nói :

— Tôi không biết có thể giúp cô được việc gì.

— Đây ! Tôi nghĩ rằng có lẽ ông sẵn lòng nói giúp tôi với ông ấy. Nếu ông ấy để cho tôi ở đây thì tôi sẽ thế rằng

không làm gì bậy bạ. Tôi sẽ không ra khỏi nhà này, nếu ông ấy muốn. Chỉ có nửa tháng thôi mà.

— Để tôi hỏi ông ấy xem.

Horn nói:

— Ông ấy sẽ từ chối. Ông ấy muốn cô cuốn gói thứ ba tuần tới. Cô nên chịu vậy đó.

— Ông nói giùm với ông ấy rằng ở Sydney tôi kiếm việc làm được, công việc lương-thiện. Tôi xin như vậy đâu phải là quá.

— Tôi sẽ gắng sức.

— Ông trả lời ngay cho tôi hay nhé. Tôi phải quyết - định, không được cách này thì xoay cách khác.

Macphail không tra cái lỗi vận-động đó, và có lẽ do bản tính ông dùng một cách gián - tiếp. Ông kể lại câu chuyện cho bà vợ, bảo bà nói với bà Davidson. Thái độ của ông Davidson có vẻ độc-tài quá; cho cô ở đó ở lại Pago-Pago nửa tháng nữa có hại gì đâu chứ? Macphail không ngờ kết quả trái hẳn ý mình. Nhà truyền giáo gặp ông, nói thẳng ngay:

— Nhà tôi bảo rằng con Thompson đó đã kể lẽ gì với ông.

Bị tấn công trực tiếp như vậy, bác-sĩ phản kháng lại theo cái lối của những người nhút nhát bị kẻ khác dồn vào góc tường. Ông ta nổi giận, mặt đỏ gay:

— Cô ta đã hứa sẽ không làm gì bậy trong khi ở đây, thì đi Sydney hay đi San Francisco cũng vậy chứ khác gì? Sao mà ngược đãi người ta một cách tàn nhẫn vậy?

Davidson ngó bác-sĩ trừng trừng:
— Tại sao nó không muốn trở về San Francisco?

— Tôi không hỏi nên không biết. Theo tôi, đèn nhà ai, nầy tỏ.

Lời đáp đó có lẽ thiếu lịch sự.

— Ông Thông Đốc ra lệnh hễ có chiếc tàu nào tới bến là trục - xuất nó liền.

Đó là bốn phận của ông ấy, tôi không muốn can thiệp vào. Nó ở đây là một cái nguy - hiểm cho thành phố này.

— Rõ ràng là áp chế.

Hai bà ngó bác-sĩ lo ngại có sự xung đột. Nhưng thái-độ của Davidson làm cho họ vững lòng; ông ta mỉm cười, ngọt ngào:

— Bác-sĩ, tôi rất tiếc rằng ông nghiêm-khắc với tôi như vậy. Xin ông tin rằng nghĩ tới kẻ khốn khổ đó, lòng tôi thất lại; tôi chỉ rán làm tròn phận sự của tôi thôi.

Bác-sĩ không đáp. Bực tức, ông ta nhìn qua cửa sổ... Lấn này trời mới tạnh. Bên kia vịnh, những chồi lá của thổ dân núp trong bụi cây.

Ông ta bảo:

— Được lúc hết mưa, tôi đi chơi đây.

Davidson âu sầu cười gượng, nói thêm:

— Bác-sĩ đừng giận tôi, vì tôi không làm vừa lòng bác-sĩ được nhé. Tôi mền bác-sĩ lắm, bác-sĩ trách tôi, tôi buồn lắm đây.

Macphail đáp lại liền:

— Ông có đủ lòng tự ái để có thể vui vẻ nghe lời chỉ trích của tôi mà, Davidson cười :

— Đập nhau rồi đó.

Thấy lời vô lễ của mình chẳng có kết quả gì, Macphail hơi ngượng, xuống thang. Cô Thompson đứng rình ở bên cửa hé mở :

— Sao, ông đã nói giùm cho chưa ?

Lúng túng, ông không dám ngó thẳng cô ta, đáp :

— Nói rồi, ông ấy không chịu nghe. Tôi buồn cho cô.

Cô á khác, mặt tái đi, vẻ sợ sệt. Thấy vậy Macphail thương hại, nẩy ra một ý :

— Chưa tuyệt vọng hẳn. Người ta đôi đái với cô như vậy là một sự nhục nhã. Tôi lại nói thẳng với ông Thông-Độc.

— Ngay bây giờ ?

Macphail gật đầu. Mặt cô á tươi lên.

— Vậy thì quý hóa quá. Nếu ông xin giùm cho thì chắc-chắn tôi được ở lại và suốt thời gian ở lại, tôi sẽ không làm gì bậy bạ nữa.

Macphail không hiểu có cái gì thúc đẩy mình can thiệp với Thông độc giùm cho cô á. Ông thần nhiên với chuyện của cô Thompson nhưng Davidson đã làm cho ông nổi giận. Cơn giận của ông bao giờ cũng âm-lỉ trong lòng.

Ông lại thăm ông Thông-Độc tại tư dinh. Thông-độc là một sĩ quan trong thủy-quân, cao lớn, đẹp trai, râu mép đen cắt thành hình bàn chải, bận quân phục trắng rất đàng hoàng.

— Tôi lại thăm ông về vụ một thiếu phụ ở chung nhà trọ với tôi. Tên cô ta là Thompson.

Thông-độc mỉm cười :

— Tôi bắt đầu ngăn việc đó rồi. Tôi đã cho cô ta hay là thứ ba tuần tới phải xuống tàu, không có cách nào khác.

— Tôi muốn xin ông cho phép cô ta ở lại đây đợi chuyển tàu ở San Francisco lại, như vậy cô ta sẽ có thể đi Sydney. Tôi đảm bảo cho hạnh kiểm cô ta.

Viên Thông - độc vẫn mỉm cười, nhưng mắt ông chớp-chớp rồi về mặt hóa nghiêm trang.

— Tôi muốn giúp bác sĩ lắm, nhưng lệnh đã ra thì phải giữ.

Macphail rón trình bày trường hợp một cách hợp lý nhất nhưng bây giờ nụ cười đã tắt hẳn trên môi viên Thông-độc. Ông này buồn bực nghe, cặp mắt xa xăm. Macphail cảm thấy rằng cố gắng sức cũng vô ích.

Làm cho một người đàn bà nào phải buồn khổ, tôi cũng ân hận lắm ; nhưng trường-hợp này không thể làm khác được, thứ ba cô ấy phải xuống tàu.

— Có cái gì mà cần phải như vậy ?

— Xin lỗi bác - sĩ, tôi chỉ trình lý-do của tôi với cấp trên của tôi thôi.

Macphail xoi bói nhận xét ông ta.

Davidson đã chả có lần nói bóng bẩy về vài cái dọa-dẫm nào đó ư ? Thái-độ viên Thông-độc có vẻ lúng túng lạ.

Macphail tức giận, lớn tiếng :

— Davidson là một tên mặt thám đê tiện !

— Giữa chúng mình với nhau, bác sĩ, tôi có thể nói rằng tôi không có thiện cảm với ông ta lắm ; nhưng tôi phải nhận rằng ông ta có lý khi ông ta chỉ cho tôi rằng một người đàn bà như cô Thompson ở một nơi mà lính tráng trà trộn với thổ dân như nơi này, là một điều tai hại.

Nói xong, đứng dậy ; bác-sĩ cũng phải đứng dậy theo.

— Xin lỗi ông, tôi có hẹn. Ông cho tôi gởi lời chào bà nhà.

Macphail găm mặt xuống mà đi. Ông ta biết rằng cô Thompson đợi mình. Không muốn thú sự thất bại của mình, ông ta đi cửa sau, lên lên cầu thang như giấu giếm một cái gì.

* *

Tối bữa cơm tối, thái-độ hai ông trái ngược hẳn nhau : Macphail thì im lặng, ngượng nghịu, còn Davidson thì vui vẻ, hoạt bát. Macphail tưởng chừng như trong mắt Davidson có những tia sáng vui vẻ của kẻ thắng trận. « Hẳn có biết mình lại can-thiệp với ông Thông-độc mà thất bại không nhỉ ? Nhưng hẳn làm cách nào mà biết được ? Năng lực của hẳn có cái gì đáng ghê sợ ».

Sau bữa cơm, viên bác-sĩ thầy Horn ở ngoài hiên, tiên lại, như để chuyện trò.

Chủ tiệm thì thăm :

— Cô ta muốn biết ông đã gặp ông Thông-độc chưa ?

— Gặp rồi, mà ông ấy cũng không chịu nghe. Tôi hết phương rồi. Tôi nghiệp cho cô ấy.

— Tôi cũng biết trước như vậy. Họ đâu dám chòng cự với các nhà truyền giáo.

Davidson lại gán, nhã nhặn hỏi :

— Các ông nói chuyện gì với nhau đó ?

Chủ tiệm khúm núm đáp :

— Dạ, tôi mới nói rằng các ông bà còn phải ở đây ít nhất là một tuần nữa mới có thể đi Apia được.

Nói xong rồi đi. Hai ông kia trở vô phòng khách. Sau mỗi bữa cơm, ông Davidson nghỉ ngơi chừng một giờ. Một lúc sau, có tiếng gõ nhẹ nhẹ, rụt rè ở cửa.

Bà Davidson lên tiếng the the :

— Cứ vô.

Cửa vẫn khép. Bà ta đứng dậy, ra mở. Cô Thompson hiện ra ở bậc cửa, bộ dạng hoàn-toàn thay đổi. Mặt hẳn cái vẻ xắc lảo, ngạo mạn các bà mấy hôm trước khi gặp nhau ngoài đường, chỉ còn cái vẻ sợ sệt, táng đờm, mớ tóc thường vẫn một cách cầu kỳ, bây giờ sõa xuống gáy. Quần áo thì lồi thối, dép thì vệt gót, mặt đầy nước mắt, cô ta thập thò ở cửa không dám vô.

Bà Davidson hỏi sảng :

— Muốn gì hở ?

Giọng nghẹn ngào, cô ả đáp :

— Thưa bà tôi muốn thưa chuyện với ông nhà ta, không biết được không ạ ?

Nhà truyền-giáo đứng dậy, tiến lại, ân cần đáp :

— Vô đi, cô Thompson. Tôi giúp cô được việc gì đây ?

Cô ta bước vô.

— Tôi ân hận rằng hôm trước đã thất lễ với ông. Hôm này chắc tôi say ả. Xin ông tha thứ cho ả.

— Ố ! Có gì đâu... Cái lưng của tôi đủ rộng để chịu được vài lời xấc láo mà.

Cô ả tiến lại gần ông ta, thái-độ khúm núm một cách dễ tiện đến tởm :

— Ông đã thắng rồi. Tôi chịu thua ông. Nhưng ông đừng đuổi tôi về Frisco chứ ?

Về hiền lành của Davidson biến đâu mất. Giọng sắc và nghiêm, ông hỏi :

— Tại sao cô không chịu về đó ?

Cô ả cúi đầu xuống :

— Gia-đình tôi ở đó. Người thân của tôi sẽ thấy tôi trụy lạc tới cái nông nổi này. Trừ nơi đó ra, ông bảo tôi đi đâu, tôi cũng xin vâng.

— Vậy thì tại sao lại không chịu về San-Francisco ?

— Tôi đã thưa với ông rồi ả.

Ông ta nghiêng mình ngó cô cả, như muốn dò xét đáy tâm hồn cô ta. Thình lình ông bảo :

— Nhà khám.

Cô ả hét lên một tiếng. Ngồi sụp xuống sàn, ôm chân cô đạo :

— Xin ông đừng đuổi tôi về đó. Trước mặt Chúa, tôi xin thề với ông rằng tôi sẽ hoàn-lương. Tôi sẽ từ bỏ đời sống hiện thời.

Tiếp theo là những lời năn nỉ thao thao, nghe không rõ. Nước mắt đầm đìa trên má loang lổ những phần.

Davidson lại cúi xuống, đỡ đầu cô ta lên, nhìn vào mắt cô ta :

— Nhà khám, phải vậy không ?

Cô ta thú, giọng hồn hèn :

— Tôi đã trốn thoát. Nếu tội mà tôi bắt lại được thì tôi phải ngồi khám ba năm.

Ông ta gỡ ra, không cho ả ôm. ả khóc nức lên, té đánh bịch như một bao gạo. Viên bác-sĩ đứng dậy :

— Điều đó thay đổi cả vận-đề rồi. Đã biết sự thực, ông không thể bắt cô ả trở về nơi đó nữa. Đưa sào cho cô ả nắm, cho cô ả cơ hội lập lại cuộc đời.

— Tôi cho cô ả cơ hội độc nhất. Nếu cô ả biết hồi hận thì phải nhận hình phạt.

— Cô ả không hiểu. Cặp mắt sưng húp chiều ra một tia hy vọng ; ả ngừng đầu lên :

— Ông cho tôi được tự-do ư ?

— Không. Thứ ba xuống tàu đi San-Francisco.

Cô ta rên rỉ vì sợ hãi, rồi kêu la, giọng ồ ồ, khàn-khàn, không ra tiếng người nữa. Cô ta đập đầu vào sàn như một mụ điên. Bác-sĩ chạy lại :

— Bình tĩnh lại chứ ! Về phòng mà ngủ đi. Tôi sẽ kiểm thuốc cho.

Bác-sĩ đỡ cô ả dậy, giận rằng bà Davidson và vợ mình không ai tiếp tay cả ; rồi nửa vục, nửa kéo, ông dắt cô ta xuống cầu thang được. Chủ tiệm đứng đợi ở chân cầu thang, tiếp ông khiêng cô ta đặt vào giường. Gân mê man, cô ta chỉ sụt sịt rên rỉ nho nhỏ. Bác-sĩ chỉnh một mũi thuốc ở dưới

làn da. Vừa mệt, vừa nức, ông trở lên phòng khách.

— Tôi cho cô ấy nằm rồi.

Hai bà và ông Davidson vẫn ngồi trơ-trơ y như hồi bác sĩ xuống thang ; chắc chắn trong thời gian đó, không ai cử động, nói năng gì cả.

Davidson bảo, giọng xa xăm, lạ lùng :

— Tôi đợi ông về. Nào chúng ta cùng cầu nguyện cho người em gái lạc đường của chúng ta nào.

Nhà truyền giáo, lại một cái kệ lầy cuốn Thánh kinh, rồi ngồi vào bàn ăn. Vì người ở vẫn chưa dọn bàn, ông đẩy ấm trà ra xa, rồi bằng một giọng mạnh mẽ, đằm và vang, ông đọc chương về sự gặp gỡ của Giêsu với dân phụ.

— Bây giờ, chúng ta quý xuống và cầu nguyện cho cô em Sadie Thompson của chúng ta được sạch tội.

Ông ta hằng hái cầu nguyện rất lâu, xin Chúa thương hại kẻ tội lỗi. Các bà ôm mặt quý cả xuống, còn ông Macphail gặp lúc bất ngờ quá, nên vụng về và luống cuống, cũng quý theo. Davidson cầu nguyện một cách hùng hồn man dã ; cảm xúc mạnh quá, nước mắt tràn trên má. Mưa vẫn tuôn, tàn nhẫn tuôn hoài tuôn hủy : hằng hái tuôn một cách quái ác như loài người vậy.

Sau cùng ông ta ngừng nghĩ một lúc, rồi bảo :

— Nào, bây giờ chúng ta đọc lại kinh *Pater*.

Ông ta đứng dậy, ba người kia làm theo. Bộ mặt nhợt nhạt của bà David-

son đã tươi ra ; bình tĩnh lại. Ông bà Macphail, trái hẳn, thỉnh thoảng thấy ngượng nghịu, không biết ngó phía nào.

Ông chồng nói :

— Tôi xuống xem cô ấy ra sao nhé.

Horn mở cửa cho ông. Cô Thompson khóc tí tê trong một chiếc ghế bành.

Ông Macphail la :

— Cô làm gì đó ? Tôi đã bảo phải nằm kia mà.

— Không thể nằm được ông ạ. Tôi muốn thừa chuyện với ông Davidson.

— Tội nghiệp ! Còn hy-vọng gì nữa ? Không thể nào làm cho ông ấy xúc-động được đâu.

— Ông ấy đã bảo tôi rằng nếu cho người gọi thì ông ấy sẽ xuống.

Macphail ra hiệu cho chủ nhà : « Mời ông ấy xuống ! » Trong lúc Horn đi, ông ta ngồi đợi ở bên cạnh Thompson, không nói năng gì hết. Davidson vô.

Cô Thompson nói :

— Xin lỗi ông, đã làm mất công ông xuống.

— Tôi đợi cô gọi tôi. Tôi biết rằng Chúa sẽ nghe lời cầu nguyện của tôi.

Họ chăm chú nhìn nhau một lúc. Rồi cô Thompson quay mặt đi, nói :

— Tôi đã xấu xa. Bây giờ tôi muốn chuộc tội.

— Lạy Chúa ! Lạy Chúa ! Chúa đã nhận lời cầu nguyện của chúng con. Rồi quay lại nói với hai người kia : Đề cho tôi ở đây một mình với cô ấy

và cho nhà tôi hay rằng Chúa đã nghe lời cầu nguyện của chúng ta.

Họ đi ra, khép cửa lại.

Horn bảo :

— Kỳ cục, ta !

Đêm đó, bác-sĩ trần trọc mãi mới ngủ được. Khi nghe tiếng chân Davidson lên cầu thang, ông ta ngó đồng hồ ; hai giờ khuya mà ông cò đạo vẫn chưa đi nghỉ. Qua tầm vách, Macphail còn nghe tiếng cầu nguyện, cho tới lúc, mệt quá, thiếp đi mà không hay.

Sáng hôm sau, vẻ mặt nhà truyền giáo làm cho Macphail ngạc nhiên. Một nhọc, xanh xao hơn trước nữa, nhưng cặp mắt sáng ngời, như có ngọn lửa thiêng nào cháy ở trong lòng, nên mặt mày hơn hờ lạ lùng.

Davidson bảo :

— Lúc nữa, ông làm ơn xuống coi mạch giùm cho Sadie nhé ? Tôi không thể mong rằng cô ấy bình phục, nhưng linh hồn — linh hồn cô ấy, đã thay đổi hẳn.

Bác sĩ thấy uể oải, mặt bình tĩnh nói :

— Đêm hôm qua, ông ở dưới đó khuya quá.

— Phải. Cô ấy đòi tôi ở lại, hễ vắng tôi thì chịu không nổi.

Bực mình, Macphail có giọng mỉa mai :

— Bây giờ ông có vẻ vui như mở hội rồi.

Mặc Davidson sáng ngời vì khoái chí.

Chúa đã ban cho tôi một niềm vui lớn. Đêm qua tôi đã được cái đặc ân

dắt một con chiên lạc đàn về đây cho Chúa.

Cô Thompson lại ngồi thu hình trong cái ghế bành ở giữa căn phòng lộn xộn. Giường không gọn, quần áo cũng chẳng buồn thay, vẫn bận chiếc áo ngủ dơ dáy, và tóc thì quần vội vàng như một mớ bông bong. Cô ta đã lấy khăn ướt chùi mặt nhưng mặt còn húp lên và còn vết nước mắt. Coi mà thảm hại.

Mệt mỏi, thất vọng, sợ sệt, cô ta ngược mắt nhìn bác-sĩ, vẻ ngây dại, hỏi :

— Ông Davidson đâu ?

— Macphail chưa chát đáp :

— Nếu cô muốn, thì lát nữa ông ấy xuống. Tôi vô thăm bệnh tình của cô.

— Không sao. Tôi bình thường. Ông đừng lo gì cả.

— Cô đã ăn uống gì chưa ?

— Horn có bưng cà phê lại cho tôi. Cô ta lo lắng nhìn về phía cửa.

— Ông tin rằng ông ấy sắp xuống chứ ? Có ông ấy ở gần, tôi thấy mọi sự đỡ ghê rợn.

— Thứ ba cô vẫn phải xuống tàu chứ ?

— Vâng, Ông ấy bảo phải vậy. Xin ông lên nói giùm để ông ấy xuống ngay tức thì đi. Ông không giúp tôi được việc gì đâu. Từ nay chỉ ông ấy cứu giúp tôi được thôi.

Bác sĩ đáp :

— Được.

*
*

Trong ba ngày sau, trừ những bữa cơm là Davidson lên lầu gặp ba người

kia còn thì ở miết trong phòng Sadie Thompson. Macphail nhận thấy rằng ông ta ăn rất ít.

Bà Davidson thương hại chồng.

— Nhà tôi kiệt sức mệt, không giữ gìn rồi đau a, nhưng có bao giờ ông ấy biết giữ sức đâu...

Chính bà ta cũng xanh xao, mệt nhọc, bảo với bà Macphail rằng mình thiếu ngủ. Ban đêm, ở phòng cô Thompson lên, nhà truyền giáo cầu nguyện cho tới khi mệt là mới thôi, vậy mà cũng không ngủ được lâu. Nằm xuống được một hai giờ rồi dậy, thay quần áo, đi dạo trên bờ biển. Ngủ thì mộng thấy những cái kỳ dị.

Bà Macphail kể :

— Sáng nay, ông ấy bảo tôi rằng ông ấy mộng thấy dãy núi Nébraska.

Bác sĩ Macphail bảo :

— Kỳ quá ta.

Ông Macphail nhớ lại có lần ngồi xe lửa đi ngang qua châu Mỹ, ngó qua cửa sổ thấy dãy núi Nébraska. Núi đột khởi giữa một cánh đồng tròn và nhẵn tựa những năm hạng chuột chũi vĩ-đại. Ông ngạc-nhiên, sao thấy nó giống vú đàn bà quá.

Chính ông Davidson cũng không chịu nổi sự kích động đó, nhưng nhờ một nỗi hoan hỉ lạ-lùng, ông chưa đến nỗi quy. Ông nhờ cho hết những rẽ cuối cùng của tội lỗi trong chỗ sâu kín nhất của lòng thiếu phụ. Ông đọc kinh, tụng kinh với nàng.

Một hôm, trong bữa cơm tối, ông nói :

— Thực là mầu nhiệm. Đích là một sự phục-sinh. Tâm hồn nàng trước kia tối tăm như vậy, bây giờ trong trắng như tuyết trên trời mới rơi. Tôi thấy tôi hèn mọn và sợ sệt. Sự cải tà đó thực đẹp đẽ. Tôi không đáng được rờ gấu áo nàng nữa.

Bác-sĩ hỏi :

— Ông còn đủ can đảm để trực xuất cô ta về San Francisco nữa không ? Ba năm trong một nhà khám Hoa-kỳ. Tôi tưởng ông có thể tránh cho cô ta được cái khổ đó chứ.

— Này, ông không thấy rằng điều đó cần-thiết sao ? Ông tưởng rằng tôi không chua-xót vì nàng sao ? Tôi yêu nàng như yêu vợ, yêu em gái tôi vậy. Suốt cái thời nàng ngồi khám, nàng chịu những đau khổ nào thì tôi cũng chịu tất cả những đau khổ ấy.

Bác-sĩ bực mình, thốt :

— Dóc tổ !

— Ông không hiểu tôi vì ông đui. Nàng đã có tội, thì bây giờ nàng phải chịu khổ. Tôi biết nàng sẽ phải chịu những cảnh ra sao. Nàng sẽ đói, bị ngược đãi, bị khinh bỉ. Tôi muốn rằng nàng nhận hình phạt của loài người như là một sự hy-sinh cho Chúa. Tôi muốn nàng vui-vẻ nhận nó. Rất ít kẻ gặp được cơ-hội quý như vậy. Chúa rất tốt và rất thương người.

Giọng Davidson rung lên vì cảm động, ông ta chỉ còn lắp bắp được những lời nồng nức.

— Suốt ngày tôi cầu nguyện với nàng, và khi tôi rời nàng tôi cũng

lại hết sức cầu nguyện đức Giêsu ban cho nàng ơn sung sướng. Tôi muốn làm cho nàng phát sinh cái lòng khao khát chuộc tội, lòng khao khát nhiệt thành đến nỗi nếu tôi có đề nghị cho nàng được tự-do thì nàng cũng từ chối. Tôi muốn rằng hình phạt nghiêm khắc là ngồi khám, biến thành công quả mà nàng đem dâng ở chân Chúa yêu kính của chúng ta, đứng đã hy sinh cho nàng.

Ngày giờ qua chậm chạp. Cả nhà lo lắng về thiếu phụ khốn khổ đó và sống trong một sự kích động khác thường. Nàng có vẻ như một kẻ sắp bị đem hy sinh trong một cuộc tế thần man dã và lưu huyết. Sợ quá, nàng như bị liệt. Nàng không chịu cho ông Davidson xa nàng, nên bám níu lấy ông một cách dễ tiện như một kẻ nô lệ. Nàng khóc nhiều, đọc kinh và tụng kinh. Có lúc kiệt sức, không còn cảm giác nữa, nàng mong sao cho hình phạt mau tới để hết cái nỗi lo lắng hiện tại, chứ sống trong cảnh sợ sệt hoang mang này, nàng chịu không nổi. Từ khi thấy mình tội lỗi, nàng không còn tự trọng nữa. Đầu tóc rối bù, lúc nào cũng bận chiếc áo ngủ dơ dáy đã bẩn ngày rồi không thay; chân không đi vớ, nàng lê-la trong cái phòng bẽ bộn, ngổn ngang.

Mưa tàn nhẫn cứ tiếp tục trút hoài. Mưa tới vậy thì nước trên trời phải cạn rồi chứ, sao mà vẫn còn? Nặng và nặng, giọt mưa đập mãi trên mái tôn một cách đều đều làm cho ta nổi xung

lên. Cái gì cũng âm thấp, nhóp nhép. Tường hóa mốc mà giày đặt trên sàn cũng hóa mốc. Đêm trần trọc, nghe tiếng vo ve mà bức mình.

Bác-sĩ nói :

— Nếu trời tạnh cho được một ngày thôi, thì hoàn hảo cả.

Ai nấy đều nóng lòng đợi ngày thứ ba, ngày mà chuyến tàu ở Sydney ghé bến rồi đi San-Francisco. Thần kinh căng thẳng quá, không chịu nổi nữa. Macphail hết thương hại cho thiếu-phụ, cũng hết oán giận nhà truyền-giáo chỉ mong thiếu-phụ đi đi cho rảnh. Ông ta có cảm-tưởng rằng tàu nhỏ neo rồi, thì sẽ nhẹ hẫng người đi. Một nhân-viên của chính-phủ sẽ tới dắt cô Sadie Thompson xuống tàu. Tối thứ hai, thấy ấy lại cho cô ta hay mười một giờ trưa hôm sau phải sẵn sàng để đi. Lúc đó Davidson ở bên cạnh nàng.

— Tôi sẽ lo việc đó cho. Tôi có ý đích thân đưa cô ấy xuống tàu.

Cô Thompson làm thính.

Sau khi tắt đèn, bác-sĩ cẩn thận chui vào mùng, và thở dài một cách nhẹ nhàng.

— Nhờ Trời, thế là xong. Ngày mai, giờ này cô ấy không còn đây nữa.

— Bà Davidson cũng khoan khoái. Bà ấy nói rằng ông chồng chỉ còn là một cái bóng của thời trước. Người đàn bà đó đã thay đổi hẳn.

— Ai thay đổi hẳn ?

— Cô Sadie. Trước kia tôi không tin có thể như vậy được. Hóa ra độc lòng thờ Chúa.

Ông chống không đáp. Một quá, ông ta ngủ say hơn những ngày khác.

*
* *

Sáng sớm hôm sau, có ai nắm cánh tay ông, làm ông giật mình tỉnh dậy. Horn đứng bên cạnh giường, Một ngón tay đặt trên môi, hắt ra hiệu cho ông cứ yên lặng đi theo hắn. Mọi khi bận một bộ quần áo vải đã sờn; lần này hắn đi chân không và chỉ quần một chiếc lava-lava. Bác-sĩ bước xuống sàn thấy mình hắt xăm rất nhiều, có vẻ man rợ. Hắn chỉ về phía hiên; ông ta theo hắn ra đó.

Hắn thì thầm :

— Phải im lặng. Có vệt cấn ông. Khoác áo rồi xỏ giày đi. Mau.

Bác sĩ nghĩ ngay rằng có chuyện gì xảy ra cho cô Thompson. hỏi :

— Cái gì vậy ? Phải mang theo đồ nghề của tôi không ?

— Mau lên, xin ông mau lên.

Ông ta trở vô phòng khoác một cái áo mưa ra ngoài bộ áo ngủ, xỏ chân vô một đôi giày đế cao - su, rồi trở ra hiên. Cả hai người giốn gién xuống cầu thang. Cửa cái đã mở, năm sáu thổ dân đứng ở đó.

Bác-sĩ lại hỏi :

— Cái gì vậy ?

Horn đáp :

— Đi.

Họ băng qua con đường, tới bãi biển. Nhóm thổ dân theo gót họ. Ở mí nước, một bọn người bản xứ bao

chung quanh một cái gì. Hai người chạy lại, khoảng vài chục thước; đám người rẽ ra khi bác-sĩ lại. Horn đẩy ông ta tiến tới. Và ông ta thấy xác Davidson, nửa dưới nước, nửa trên cạn, ghê tởm. Vồn bình tĩnh trong cơn biển, ông ta cúi xuống, lật cái thây lên. Cuồng hòng bị cắt một vết dài từ tai bên đây tới tay bên kia, tay mặt còn nắm chặt con dao cạo cửa cổ.

Bác sĩ nói :

— Lạnh ngắt rồi. Chắc chết đã được một lúc lâu.

— Một đứa trẻ đi làm ngang qua thấy vậy, báo cho tôi hay mới tức thì. Phải là một vụ tự-tử không ?

— Phải. Báo cho cảnh-sát hay đi.

Horn nói vài tiếng bản-xứ và hai thanh-niên ra đi.

Bác-sĩ bảo :

— Cứ để yên vậy, đợi cảnh-sát tới.

— Đừng có khiêng về nhà tôi. Tôi không muốn chứa của đó đâu.

Bác-sĩ nghiêm khắc :

— Nhà cấm-quyền bảo làm sao thì làm vậy, Nhưng tôi chắc là sẽ đưa vào nhà xác.

Họ đứng yên, đợi. Mọi ở trong chiếc lava - lava ra một gói thuốc, Horn mới bác-sĩ hút. Vừa hút, họ vừa nhìn thây ma. Macphail không hiểu gì cả.

Horn hỏi :

— Theo ý ông, tại sao ông ấy lại tự-tử như vậy ?

Bác-sĩ nhún vai. Cảnh-sát khiêng một cái băng-ca tới, một người thủy-bình mang súng chỉ huy họ; tiếp theo, hai sĩ-quan và một người y-sĩ thủy-quân tới. Họ làm một việc một cách rất lạnh-lặng, thực-tề.

Một sĩ-quan hỏi :

— Bà ta đâu ?

— Có ông ở đây, thì tôi sẽ thay quần áo và cho bà Davidson hay tin. Nên sửa soạn lại cái thầy một chút rồi hãy cho bà ấy thầy.

Viện y-sĩ thủy-quân đáp :

— Phải đây.

Về tới phòng, Macphail thấy vợ đã sẵn-sàng rồi. Bà bảo chồng :

— Bà Davidson rất lo lắng về tình cảnh ông ấy. Suốt đêm ông ta không ngủ. Bà nghe tiếng ông dờ phòng cô Thompson hồi hai giờ khuya, rồi đi ra đường. Nếu đi chơi đến bây giờ thì kiệt sức hẳn rồi.

Bác sĩ kể chuyện cho vợ nghe và nhờ vợ báo tin cho bà Davidson.

Bà vợ kinh hoảng, hỏi :

— Nhưng tại sao ông ta lại tự tử ?

— Anh không biết.

— Em không thể báo tin đó cho bà ấy được. Không thể được.

Em phải làm, không được từ nan.

Bà ta hoảng sợ, ngó chồng rồi đi ra. Ông chồng nghe tiếng vợ vô phòng bà Davidson. Nghỉ ngơi một chút để bình tâm trở lại, rồi ông ta rửa mặt, thay quần áo ngồi ở giường, đợi vợ. Bà vợ trở về, bảo :

— Bà ấy muốn đi coi.

— Người ta đã chờ lại nhà xác. Chúng ta nên cùng đi với bà ấy. Bà ta xúc động lắm không ?

— Em thấy bà ấy như chết điếng. Không khóc, nhưng run như cây sậy.

— Nên đi ngang thôi.

Nghe tiếng họ gõ cửa, bà Davidson đi ra, mặt tái ngắt, nhưng mắt ráo hoảnh. Bác sĩ thấy thái độ đó khác thường không ai nói với ai một lời. Họ yên lặng xuống đường. Tới nhà xác, bà Davidson bảo :

— Ông bà để tôi vô một mình.

Họ né ra. Một người bản xứ mở cửa nhỏ bà ta vô rồi khép cửa lại. Họ ngồi xuống, đợi. Vài người da trắng lại thì thăm với họ. Bác sĩ kể đầu đuôi cho những người đó nghe. Sau cùng cửa nhẹ nhẹ mở và bà Davidson hiện ra. Lại yên lặng.

Bà Davidson bảo :

— Bây giờ ta về được rồi.

Giọng bà khô và cương-quyết. Bác sĩ Macphail không hiểu về nhìn của bà có ý nghĩa gì. Mặt nhợt nhạt nhưng nghiêm-nghị. Họ chậm chạp, yên lặng trở về, tới chỗ góc đường mà qua khỏi đó thì thầy nhà. Bà Davidson thở dài. Họ ngừng lại một chút. Những thanh-âm bất ngờ đập vào tai họ. Cái máy hát yên lặng từ mấy bữa nay, lại gào lên những bản lạc điệu.

Bà Macphail hoảng hốt hỏi :

— Cái gì vậy ?

Bà Davidson nói :

— Cứ đi.

Họ leo mây bực ở hiên rồi vô phòng ngoài. Ở bực cửa, cô Thompson chuyện trò với một người lính thủy. Có sự thay đổi đột ngột ở con người đó; không còn cái vẻ sợ sệt những hôm trước nữa.

Lại bận những đồ tốt nhất: cái áo dài trắng, đôi giày láng và đôi vớ để hở cặp giò lớn, tóc chải cẩn-thận và đầu đội cái nón to, bông rực-rỡ. Mặt trát phấn, lông mày tô đen góm ghiếc môi đỏ chót cô ta đứng ngay ngắn. Lại là à giang-hồ ngạo-mạn hồi trước. Trông thấy ba người về, à phá lên cười vẻ chế giễu, và khi bà Davidson vô tâm ngừng lại thì à tận lực khạc hết cả nước miếng trong miệng ra. Bà phải lùi vội về phía sau, gò má bỗng ửng lên. Rồi hai tay che mặt, bà

phóng lên câu thang. Bác-sĩ Macphail nổi giận, giục à vào phòng, la:

— Cái quý gì thế này? Hãm cái máy trời đánh kia lại.

Ông ta chạy lại, gỡ đĩa hát ra.

À quay lại:

— Ê, bác-sĩ, đừng giờ trò đó ra với gái này, chứ! Ông vô phòng tôi làm cái gì, hở?

— Macphail lớn tiếng:

Muốn nói gì? Muốn nói gì hả?

À ưỡn ngực lên. Không thể nào tả nổi cái vẻ khinh bỉ, nổi oán hận chứa chấp trong nét mặt, giọng nói của à...

— Bọn đàn ông các người! Bầy heo nhóp-nhúa! Thằng nào như thằng này, hết thấy! Đồ heo! Đồ heo!

Bác-sĩ rùng mình. Ông ta đã hiểu.

NGUYỄN-HIỆN-LÊ dịch

ĐÃ PHÁT HÀNH:

MAI SỐ 9 (10-11-1960)

📀 **Sáng-tác Văn-Nghệ:**

HÀ - VÔ - HOÀI — HÀ-HỢP-NGUYỄN
NGUYỄN-CHÂU — MINH - HỮU

Những câu chuyện:

Văn-Nghệ : Người đàn bà lâm nạn (VÔ-PHIẾN)
Khoa - học : Nga và Mỹ trên đường chinh phục không gian (CÔ-LIÊU)
Giáo - dục : Gia đình và học đường (THIÊN-GIANG)
Phụ - nữ : Cũ chỉ bạn trai dưới mắt phụ nữ
(NGUYỄN-HUYỀN-THU)

Nếp Sống nước người: Phụ nữ Phú-Tang

Qua các hàng sách: Đất nước quê hương (THẾ-NHÂN)

Phỏng-vấn: Phụ-nữ với chức-nghịệp (NGUYỄN-NGU-Í)

Và các mục: Điểm người điếm việc, Tin Văn, Nụ cười lợm lặt v...v...

★ **MAI** phát hành ngày 10 và 25 mỗi tháng. **GIÁ 5\$**

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Chúng tôi đã nhận được :

Lãng mạng (Quốc-Trung) — Con đường hầm dưới biển Manche (Vũ Văn-Quỳnh) — Nghề mành ở Tam-Quan (Nguyễn - Bạt - Tụy) — Hai gánh lúa ; Mảnh đất (Phan-Du) — Công-cuộc phòng-thủ miền duyên-hải (Bửu-Kế) — Cẩm đề (Nguyễn) — Đạo và đời (Văn-phòng xã-hội) — Thăng điền (Xuân-Điền) — Vấn đề thâu hồi vệ-tinh (Võ-Quang-Yến) — Gió dập mưa vùi (Lê-Tâm) — Lời xin ; Nỗi buồn tháng mười ; Tâm sự (Vũ-Vượng) — Tai họa cuối cùng (Võ-Hồng) — Đêm đông ; Đêm trên sông (Chiều-Thiên-Thương) — Ngày kỷ-niệm ; Cờ thợ may ; Vui xuân (Yên-Giang) — Suối lóc ; Mây thu (Cao-Hoàng-Nhân) — Nhon bài « Tế cầu ván » của cụ Thủ-Khoa-Huân (Trần-Văn-Quế) — Bàn nguồn ; Hương khói (Anh - Hoa) — Tai họa cuối cùng (Võ-Hồng) — Quý-Phi (Thu-Trang).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

Anh Trần-Hà, Lâm-lí-thư, Phú-yên. — Đã được thư anh góp ý-kiến một cách giản - tiếp về chương - trình giáo-dục. Chút ít chưa cay đường như phăng phất trong cách ví von ! Đợi ý-kiến các bạn khác của như anh hứa trong thư.

Cô Minh-Đức, Alger, Bắc-Phi — Có được thư riêng và « Lá thư Alger ». Đã gửi 2 thư trả lời về những điều Hoài-Trình hỏi. Mong nhận những sáng-tác đã nói trong thư.

Anh Nguyễn-Văn-Xung, trường Văn-hóa, Nha - Trang. — Được truyện anh V.H. cùng ý-kiến anh về chương-trình giáo - dục. Anh có nhờ đưa thư cho anh bạn Kiểm-lâm bàn về việc dịch truyện không, mà mãi đến nay chưa được thư anh ấy trả lời.

Em P. T. T., đường Hiền - Vương, Sài-gòn. — Đã có thư cho em, nói về việc in luận án về âm nhạc của anh T.V.K.

Cô Hoàng-Hiếu-Nguyễn, giáo-viên, Long-Hồ — Bỗng truyện gửi, chỉ đăng được một. Mong được đọc những truyện khác. Có nhận « Chữ tình » với 4 câu thơ. Cờ động giùm « Mai » được chớ ?

Anh Vũ-Hân, Đà-Nẵng. — Sẽ có thư ra anh
Nguyễn-Ngu-Í

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :
— « Đất Việt Trời Nam » của ông Thái - Văn - Kiêm, do Nguồn-Sống xuất-bản, và do tác-giả gửi tặng. Sách gồm một số biên-khảo về các vấn-đề văn-chương, khoa-học, mỹ-thuật, sử-địa, kinh-tế, ngoại-giao, phong-tục, du-lich v.v... Tác-giả cũng có nhắc lại những mối bang-giao lịch-sử giữa Việt-Nam và Tây-phương, Anh-Mỹ, Thai-Lan, Miến-Điện, v.v... đồng-thời cũng ghi lại công-nghiệp hiển-hách của các bậc anh-hùng liệt-nữ đã tranh-đấu cho công cuộc giải-phóng dân-tộc, từ

một thế-kỷ nay. Sách dày 608 trang và gồm có tất cả 47 bức ảnh — Giá bán 100\$00.

— « Nhật-Bản sử-lược » của Châm-Vũ Nguyễn-Văn-Tần, do Tác-giả và Cơ Sở Báo-chí Xuất-bản Tự-Do gửi tặng. Sách dày 298 trang, bản đặc-biệt không đề giá

— « Thảo-Cầm-Viên » ; « Trường Canh-nông thực-hành » ; « Nha khảo-cứu và sưu-tầm nông-lâm-súc » ; « Bộ Canh-Nông », do bộ Canh-Nông gửi tặng.

Xin trân trọng cảm ơn các tác-giả và ân cần giới thiệu với độc giả thân mến.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlavy Preah Kossamae



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO,
HÀNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

NHẬT BÁO
TỰ - DO

SẴN PHÁT-HÀNH :

VIỆT - NAM DANH - NHÂN TỰ - ĐIỂN

của NGUYỄN HUYỀN - ANH

(DO HỘI VĂN-HÓA BÌNH-DÂN ẨM-HÀNH)

VOYAGEZ PAR QUADRI-MOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS - RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL : { 22.102
SGN.34

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT (INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.821 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyen-Sieu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES, TOUS IMPRIMES DU COMMERCE,
REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES,
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR,
TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

BÁCH-KHOA TRÂN TRỌNG GIỚI-THIỆU CÙNG QUÝ VỊ :

NHỮNG PHIM ĐẶC SẮC NHẤT **SẮP CHIẾU TẠI THỦ-ĐÔ SAIGON - CHỢ LỚN**

Từ ngày 24-11-60

PILOTES DE HAUT VOL

Ray Milland, Bernard Lee, Hellen Cherry

Từ ngày 1-12-60

Qui était donc cette dame

James Whitmore, Barbara Nichols

Từ ngày 15-12-60

**Chérie recommençons
Commando de destruction**

Yul Brynner, Kay Kendall, Grégoire Ratoff, James Steward, Lisa Lu

Từ ngày 22-12-60

Babette s'en va t-en guerre

Brigitte Bardot, Jacques Charrier

HÃNG PHIM COLUMBIA

23 Đường Gia-Long Saigon

Đ.T. 24.710

Ở Việt-Nam đã có tờ báo nào đang gọi là **Nhật Báo Đứng Đắn ?**

Đó là câu hỏi của một số lớn các bạn đọc khó tính.

Nhưng nếu quý bạn ấy chịu khó tìm đọc tất cả các báo hàng ngày so sánh thì sẽ thấy :

*NGOÀI NHỮNG TIN TỨC MỚI LẠ,
NHANH CHÓNG, XÁC THỰC VÀ VÔ TƯ*

NHẬT BÁO NGÔN-LUẬN

Còn có những bài thơ êm dịu, những thiên tiểu thuyết hấp dẫn, những chuyện ngắn chọn lọc, những bài sưu tầm công phu . . .

Do một nhóm nhà văn nhà báo Yêu Nghề Góp Sức Xây Dựng Nhật Báo NGÔN-LUẬN.

HÀNG NGÀY CỐ GẮNG LÀM VỪA LÒNG QUÝ BẠN

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đại-lộ* NGUYỄN - HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 2.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Succursale de Hongkong

8/8 *A Queen's Road Central*

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoire d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIẾU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
KIỂNG ĂN
GAY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc

NGUYỄN-CAO-THANG, Dược-Su
34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

Spring



Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

**GIÁ
BÌNH DÂN**

10%

DUY THU 50

CALTEX (ASIA) LIMITE

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.

Hút Thuốc Thơm

Mã nhật bản

Sáng Tinh Thần

Văn -

- Nghệ -

- Sĩ



GIA HẠ
15\$



LA-VÉ

“33”

HẢO HẠNG

Chủ-nhiệm : HUYNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :
160, Phan-Đình-Phùng — Sài-gòn
Điện : số 25.539

in tại nhà in VAN-HOÀ
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10\$
Công sở : 15\$